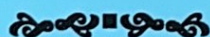


CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG
ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 VÀ KẾ HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU
CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
HUYỆN TƯ NGHĨA**



Tư Nghĩa, năm 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG
ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 VÀ KẾ HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU
CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
HUYỆN TỰ NGHĨA**



Ngày 02 tháng 4 năm 2025

**SỞ NÔNG NGHIỆP & MÔI TRƯỜNG
TỈNH QUẢNG NGÃI**

GIÁM ĐỐC



Hà Trọng Phương

Ngày 12 tháng 3 năm 2025

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TỰ NGHĨA**

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Vinh

MỤC LỤC

Trang

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
PHẦN I: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT	9
1.1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường	9
1.2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	17
PHẦN II: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN LỰC CỦA HUYỆN VÀ TỈNH TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT.....	25
2.1. Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất	25
2.2. Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất ...	28
PHẦN III: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT THEO CÁC NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI LIÊN QUAN ĐẾN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	30
3.1. Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật đất đai 2024 có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	30
3.2. Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.....	38
PHẦN IV: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT 10 NĂM TRƯỚC, KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC	40
4.1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật đất đai và các điều 4, 5, 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.....	40
4.2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật đất đai và các điều 4, 5, 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP	44
4.3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất	50
4.4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất	63
4.5. Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.....	64
PHẦN V: XÁC ĐỊNH CÁC QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TƯ NGHĨA.....	67
5.1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất	67

5.2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất68

PHẦN VI: DỰ BÁO XU THẾ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TUYÊN GIANG70

6.1. Dự báo các yếu tố tác động đến xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất.....70

6.2. Dự báo xu thế chuyển dịch đất đai của huyện, gồm: các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật đất đai và các điều 4, 5, 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.....71

PHẦN VII: ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TUYÊN GIANG73

7.1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.....73

7.2. Định hướng sử dụng đất, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn 73

PHẦN VIII: XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TUYÊN GIANG..... 76

8.1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất 76

8.2. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phân theo đơn vị hành chính cấp xã 79

8.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật đất đai và điều 4, 5, 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó xác định diện tích các loại đất để đảm bảo chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống biểu số liệu, số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo 85

8.4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã 124

8.5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã..... 125

8.6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật đất đai trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã..... 127

8.7. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên 129

8.8. Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 42, Thông tư 29/2024/TT-BTNMT 130

PHẦN IX: KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TƯ NGHĨA..... 148

9.1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP 148

9.2. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã 154

9.3. Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch..... 154

9.4. Xác định diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch..... 154

9.5. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tư Nghĩa..... 155

9.6. Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch 157

PHẦN X: GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 160

10.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu 160

10.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất..... 161

10.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất 162

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 163

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất:

Thực hiện Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung theo Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020): “*Trường hợp quy hoạch tỉnh chưa được phê duyệt thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập đồng thời với việc lập quy hoạch tỉnh. Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập và thẩm định xong trước thì trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước. Sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt, nếu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện có mâu thuẫn với quy hoạch tỉnh thì phải điều chỉnh cho phù hợp*”. Căn cứ quy định nêu trên, UBND huyện Tư Nghĩa đã tiến hành lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 09/09/2021 (điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 và Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 02/11/2023).

Ngày 22/11/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1456/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050. Qua đó, UBND tỉnh có Công văn số 6151/UBND-KTN ngày 04/12/2023 về việc lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021 - 2025 cấp tỉnh và lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện, theo đó, chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện hoàn thành việc lập, điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 cấp huyện; kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai, đảm bảo đồng bộ với Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 cấp tỉnh, tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 và theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Theo quy định về hiệu lực thi hành tại khoản 3 Điều 252 Luật Đất đai 2024: “3. *Việc lập, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất được tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030. Khoản 9 Điều 60 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày Nghị quyết số 61/2022/QH15 hết hiệu lực*” và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội: c) *Lập đồng thời các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh khác có quy định về quy hoạch; tập trung ưu tiên lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng. Quy hoạch được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê*

duyet trước. Khi quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt, nếu có mâu thuẫn giữa quy hoạch thấp hơn với quy hoạch cao hơn thì quy hoạch thấp hơn phải điều chỉnh theo quy hoạch cao hơn”. Như vậy, theo Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội thì Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện phải điều chỉnh theo Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023.

Đồng thời, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương có một số chỉ tiêu sử dụng đất của huyện không còn phù hợp với nhu cầu sử dụng đất hoặc có sự thay đổi so với quy hoạch đã được phê duyệt trước đây.

Vì vậy, UBND huyện xây dựng: **“Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa”** là cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật.

2. Mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ lập Điều chỉnh quy hoạch:

2.1. Mục tiêu:

- Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa đảm bảo đồng bộ với Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 cấp tỉnh, tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 và theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của huyện Tư Nghĩa nói chung và của các xã, thị trấn nói riêng trên cơ sở tuân thủ đúng các quy định pháp luật. Tạo ra công cụ hữu hiệu giúp các cấp chính quyền (huyện, thị trấn, xã) tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

- Đánh giá toàn diện hiện trạng sử dụng đất và biến động đất đai của giai đoạn 2021-2023. Rà soát kết quả thực hiện quy hoạch giai đoạn 2021-2023; xác định các chỉ tiêu chưa thực hiện được đối với phần diện tích được phân bổ sử dụng cho các mục đích khác nhau; kết quả phân diện tích phải chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

- Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa đánh giá tổng quát về nguồn tài nguyên đất đai hiện có; xây dựng, lựa chọn phương án sử dụng đất hiệu quả, bền vững làm cơ sở pháp lý cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ tốt nhất mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương của cả giai đoạn.

2.2. Yêu cầu:

- Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa phải được lập,

phê duyệt và tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành; xây dựng nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Tư Nghĩa và tỉnh Quảng Ngãi.

- Phải phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, thực trạng môi trường tác động đến việc sử dụng đất.

- Xác định và cân đối nhu cầu sử dụng đất đai cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện và mục tiêu phát triển của các ngành, lĩnh vực và cấp xã giai đoạn 2021 - 2030, đảm bảo việc sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất của cấp tỉnh phân bổ.

- Đảm bảo tính đặc thù, liên kết giữa các đơn vị hành chính cấp xã trong huyện cũng như các đơn vị hành chính cấp huyện trong tỉnh trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai và lợi thế của từng khu vực; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

- Các giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch phải đảm bảo tính thực tiễn và khả thi cao, phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện, phát huy được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện.

2.3. Nhiệm vụ:

- Điều tra, thu thập bổ sung thông tin, tài liệu, khảo sát thực địa.

- Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tác động đến việc sử dụng đất.

- Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình quản lý, sử dụng đất và biến động sử dụng đất đến thời điểm điều chỉnh, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch từ năm 2021 đến năm 2023.

- Xây dựng phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

- Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp và các tài liệu có liên quan.

- Phục vụ thẩm định, phê duyệt và công bố công khai.

3. Căn cứ pháp lý để điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

3.1. Căn cứ pháp lý:

Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số

giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thông tư 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Công văn số 6365/BTNMT-QHPTTND ngày 19/9/2024 về việc thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất giao thông;

Công văn chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 2038/UBND-KTN ngày 09/5/2023 về việc triển khai thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 cấp tỉnh và lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030; số 6151/UBND-KTN ngày 04/12/2023 về việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 cấp tỉnh và lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030; số 4673/UBND-KTN ngày 29/8/2024 về việc lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện theo quy hoạch tỉnh.

3.2. Những văn bản cơ sở để thực hiện:

Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2025;

Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030;

Quyết định 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch đất an ninh thời kỳ 2021-2030.

Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kết quả Rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 23/06/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện Tư Nghĩa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2020-2024); điều chỉnh tại các quyết định: số 64/2021/QĐ-UBND ngày 18/11/2021; số 17/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023; số 24/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023;

Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa;

Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Về việc phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 vào Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa;

Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa;

Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao; quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tư Nghĩa; Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tư Nghĩa;

Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 13/07/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt quyết định, bổ sung cục bộ Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu I.1 tại khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch phân khu;

Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn La Hà và vùng phụ cận, huyện Tư Nghĩa và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung;

Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Công văn số 4793/UBND-TKN ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện;

Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa về việc Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa;

Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 03/01/2024 về việc Triển khai thực hiện lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tư Nghĩa;

Các văn bản khác có liên quan.

3.3. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ:

- Các Nghị quyết, Báo cáo của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND huyện Tư Nghĩa, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030;

- Nghị quyết ngày 23/7/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tư nghĩa lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025; Báo cáo Đảng bộ huyện năm 2023;

- Báo cáo tổng kết công tác Tài nguyên và Môi trường qua các năm 2021-2023;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của huyện Tư nghĩa và của cấp xã của huyện Tư nghĩa;

- Quy hoạch các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và trên địa bàn huyện Tư Nghĩa;
- Hồ sơ thống kê đất đai huyện Tư Nghĩa năm 2023;
- Niên giám thống kê năm 2023 của tỉnh Quảng Ngãi và huyện Tư Nghĩa;
- Báo cáo Kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường trên địa bàn huyện Tư Nghĩa năm 2023; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024;
- Báo cáo thuyết minh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa được phê duyệt theo quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tư Nghĩa được phê duyệt theo quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tư Nghĩa được phê duyệt theo quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tư Nghĩa được phê duyệt UBND tỉnh tại Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; UBND tỉnh phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 20/3/2024 và Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 02/7/2024;
- Hồ sơ Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã huyện Tư Nghĩa;
- Hồ sơ quy hoạch chung thị trấn La Hà, thị trấn Sông Vệ;
- Hồ sơ Quy hoạch Phân khu I.1 dọc tuyến đường Dung Quất - Sa Huỳnh;
- Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, thị trấn;
- Các số liệu, tài liệu có liên quan khác có liên quan.

Báo cáo tổng hợp **“Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tư Nghĩa và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa”** ngoài các phần Đặt vấn đề; Kết luận và Kiến nghị. Báo cáo bao gồm các phần sau:

Phần I: Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất;

Phần II: Phân tích, đánh giá các nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất;

Phần III: Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất;

Phần IV: Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ trước;

Phần V: Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tư Nghĩa;

Phần VI: Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong kỳ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tư Nghĩa;

Phần VII: Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tư Nghĩa;

Phần VIII: Xây dựng phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tư Nghĩa;

Phần IX: Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tư Nghĩa;

Phần X: Giải pháp, nguồn lực thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất.

PHẦN I:
PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI,
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TÁC ĐỘNG ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên:

❖ Vị trí địa lý:

Tư Nghĩa là một huyện đồng bằng nằm ở trung tâm tỉnh Quảng Ngãi có diện tích tự nhiên là 205,4967 km². Phía Đông giáp thành phố Quảng Ngãi và huyện Mộ Đức, phía Nam giáp các huyện là Mộ Đức, Nghĩa Hành và Minh Long; phía Tây giáp huyện Sơn Hà; và phía Bắc được bao quanh bởi sông Trà Khúc, giáp huyện Sơn Tịnh và thành phố Quảng Ngãi.

Với vị trí nằm ở trung tâm tỉnh, ôm sát phía nam Thành phố Quảng Ngãi, huyện Tư Nghĩa như là “cửa ngõ” của thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kết nối kinh tế, đặc biệt là điều kiện tốt cho hướng phát triển đô thị hóa trong tương lai. Bên cạnh đó, huyện còn nằm sát ngay huyện Sơn Hà, vốn là trung tâm phát triển miền núi của tỉnh Quảng Ngãi. Sơn Hà là nút giao quan trọng đối với hệ thống giao thông phía tây, do vậy, Sơn Hà có thể là cầu nối giúp huyện Tư Nghĩa tăng cao khả năng kết nối với các huyện miền núi của tỉnh. Với vị trí tiếp giáp với các vùng động lực kinh tế cũng như có tiềm năng về dân cư như vậy, giúp huyện Tư Nghĩa có thể dễ dàng tận dụng, huy động được nguồn nhân lực, cũng như tiềm năng về thị trường với các điều kiện về cầu nhất định.

Vốn nằm trên tuyến đường Dung Quất - Sa Huỳnh, dự án đường ven biển dự kiến được hoàn thành vào năm 2025 của tỉnh Quảng Ngãi, huyện Tư Nghĩa cũng sẽ được tác động tích cực bởi dự án trên nhiều lĩnh vực, cụ thể như: hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông được cải thiện; mức độ gắn kết ra ngoài phạm vi tỉnh được mở rộng hơn tới các vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung; dự án hình thành các khu đô thị trong đó bao gồm Tư Nghĩa; dự án cũng giúp tỉnh Quảng Ngãi hình thành quy hoạch khu vực Thành phố Quảng Ngãi với sông Trà Khúc, con sông bao trọn phía Bắc của huyện Tư Nghĩa.

Huyện Tư Nghĩa cách Khu kinh tế Dung Quất 25km về phía Đông Bắc. Ngành kinh tế nổi bật ở Khu kinh tế Dung Quất là phát triển công nghiệp lọc hóa dầu và Dung Quất đóng vai trò là hạt nhân tăng trưởng của tỉnh Quảng Ngãi, trong tương lai định hướng trở thành trung tâm công nghiệp ven biển của khu vực miền Trung. Việc dễ dàng kết nối với Khu kinh tế Dung Quất giúp Tư Nghĩa có thể dễ dàng tiếp cận đến các nguồn lực, nguồn nguyên liệu đầu vào và tăng tiềm năng về các ngành công nghiệp hỗ trợ cho các phương án phát triển kinh tế trong tương lai của huyện.

Với 14 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm 02 thị trấn và 12 xã, huyện nằm trong Cụm đô thị chính số 03 trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và có kết nối với các cụm và bên cạnh Cụm đô thị số 02 (Đà Nẵng, Lăng Cô) và Cụm đô thị động lực hỗ trợ.

Nhìn chung, nằm trên các tuyến giao thông quốc gia quan trọng như Quốc lộ 1, tuyến đường Dung Quất - Sa Huỳnh, huyện là khu vực cửa ngõ phía Nam của Thành phố Quảng Ngãi và trong chuỗi các đô thị Dung Quất - thành phố Quảng Ngãi - Tư Nghĩa - Mộ Đức - Đức Phổ, thuộc hành lang kinh tế Bắc - Nam của tỉnh. Huyện Tư Nghĩa kết hợp với các địa bàn lân cận và liên kết chặt chẽ với Thành phố Quảng Ngãi để phát huy vai trò Thành phố là vùng kinh tế động lực trung tâm của tỉnh, cũng như phụ trợ với khu kinh tế Dung Quất trong việc là động lực tăng trưởng chính của tỉnh.

❖ **Địa hình:**

Huyện Tư Nghĩa có các loại địa hình như núi, gò đồi, đồng bằng. Địa hình thấp dần từ Tây sang Đông và nghiêng dần xuống triền sông Trà Khúc với ba dạng địa hình chính:

- Dạng địa hình đồi núi trung bình ở phía Tây Nam của huyện, có độ cao từ 150 - 250 m, chiếm 23,80% tổng diện tích toàn huyện. Địa hình đồi núi cao có độ dốc tương đối lớn, lớp phủ thực vật kém nên khả năng xói mòn mạnh. Dạng địa hình này phân bố ở các xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Thọ cũ và một phần ở xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Thuận.

- Dạng địa hình đồi núi thấp phía Tây Bắc, có độ cao trung bình từ 15 - 25 m so với mực nước biển, chiếm 34,80% tổng diện tích toàn huyện, phân bố ở các xã: Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Thuận, Nghĩa Kỳ và Nghĩa Điền. Trong khu vực địa hình này có nhiều cánh đồng bằng nhỏ xen kẽ tạo điều kiện cho việc đa dạng hóa các loại hình sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Dạng địa hình đồng bằng phía Đông Nam, có độ cao trung bình từ 2-5 m, chiếm 41,40% tổng diện tích toàn huyện, phân bố ở các xã và thị trấn còn lại.

❖ **Khí hậu:**

Khí hậu huyện Tư Nghĩa ôn hòa, ít biến động. Huyện thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình với nền nhiệt độ cao và mưa nhiều. Do sự khác biệt lớn về phân bố địa hình giữa các vùng trong huyện, khí hậu ở đây cũng có những sự khác biệt nhất định theo đặc trưng về địa hình ở từng vùng.

Một năm ở Tư Nghĩa có hai mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa. Nhiệt độ trung bình hàng năm ở huyện Tư Nghĩa khá ổn định, thường ở mức 25⁰C ở khu vực đồng bằng và 22,2⁰C ở khu vực miền núi. Lượng mưa trung bình ở đồng bằng là 2.772mm, vùng núi là 2.850mm. Với điều kiện khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, số giờ nắng trong năm khá cao, thuận lợi cho phát triển nhiều loại cây trồng và vật nuôi.

Mặt khác, ảnh hưởng của các cơn bão từ biển Đông đổ vào thường gây thiệt hại, nhất là ảnh hưởng đến giao thông, thủy lợi và sản xuất nông, lâm, thủy sản. Ngoài ra, theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng không ít đến tỉnh Quảng Ngãi nói chung và huyện Tư Nghĩa nói riêng. Bờ nước biển dâng cao sẽ kéo theo xâm nhập mặn lấn sâu vào nội địa vùng ven biển như huyện Tư Nghĩa. Điều này sẽ dẫn đến thu hẹp diện tích rừng ngập mặn, xói

lở bờ biển, giảm nguồn lợi thủy sản và ảnh hưởng đến diện tích khu dân cư ở các xã gần ven biển như Nghĩa Hòa, Nghĩa Hiệp và thị trấn Sông Vệ.

❖ **Thủy văn:**

Mạng lưới sông suối của huyện Tư Nghĩa tương đối phong phú và tương đối nhiều, cung cấp nguồn nước dồi dào, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và phục vụ đời sống. Phần lớn các sông ngòi có đặc điểm chung là ngắn, dốc, lòng sông cạn, hẹp với lưu lượng nước có sự phân hóa rõ rệt giữa các mùa trong năm. Vào mùa mưa, tốc độ dòng chảy lớn nên thường xuyên gây ra lũ lụt. Vào mùa khô, khả năng tích trữ nước kém, hầu hết các dòng sông đều cạn kiệt, ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống.

Ở huyện Tư Nghĩa có 2 con sông chính là: sông Trà Khúc ôm trọn phía Bắc và sông Vệ ở phía Nam. Ngoài ra, trên địa bàn Tư Nghĩa còn có nhiều sông suối khác như sông Bàu Giang, sông Cây Bứa, và Suối. Một số đặc điểm nổi bật đáng kể đến ở các sông là:

- *Sông Trà Khúc*: Là một sông lớn có lượng nước dồi dào nhất, dài khoảng 135km. Dòng chảy lũ của sông Trà Khúc rất lớn không chỉ gây ra ngập lụt cho hạ lưu trong lưu vực mà còn gây ngập lụt cho vùng hạ lưu sông Trà Bồng và sông Vệ. Sông Trà Khúc chạy dọc phía bắc huyện Tư Nghĩa, ở điểm mút Tây Bắc huyện (thuộc xã Nghĩa Lâm) có công trình đầu mối Thạch Nham. Sông Trà Khúc chảy qua các xã Nghĩa Lâm, Nghĩa Thắng, Nghĩa Thuận, Nghĩa Kỳ.

- *Sông Vệ*: Dài khoảng 80km, phát nguyên từ vùng rừng núi phía Bắc theo hướng Tây Nam - Đông Bắc. Sông Vệ ở phía Nam chảy dọc từ cầu sắt Hòa Vinh, xuống xã Nghĩa Mỹ, thị trấn Sông Vệ, xã Nghĩa Hiệp, xã Nghĩa Hòa hợp nước với sông Trà Khúc đổ ra cửa Cổ Lũy.

- *Suối Lâm*: bắt nguồn từ suối Bến Đá ở vùng núi cao phía Nam xã chảy theo hướng Bắc đổ ra sông Trà Khúc, đây là nguồn nước mặt chủ yếu trên địa bàn xã Nghĩa Sơn.

- *Suối Tó*: có 2 nhánh suối bắt nguồn từ vùng núi cao phía Nam xã chảy theo hướng Bắc đổ ra sông Trà Khúc, đây là nguồn nước mặt chủ yếu trên địa bàn xã Nghĩa Thắng (Nghĩa Thọ cũ), tuy nhiên suối Tó có lòng suối rộng và độ dốc rất lớn nên việc khai thác và sử dụng nguồn nước tại đây rất hạn chế.

- *Sông Bàu Giang và sông La Hà* là 2 nhánh nhỏ của sông Phước Giang chảy qua thị trấn La Hà. Sông Bàu Giang chảy dọc phía bắc xã Nghĩa Trung, thị trấn La Hà (ranh giới với thành phố Quảng Ngãi), xã Nghĩa Thương đến sông lớn Phước Giang hợp nước với Sông Vệ. Sông La Hà chảy quanh phía Đông và phía Nam thị trấn La Hà chảy ra sông lớn Phước Giang rồi ra sông Vệ. Đoạn cuối của sông Phước Giang còn có tên gọi sông Bến Lở, sông Vực Hồng. Sông La Châu là nhánh nhỏ của sông La Hà. Sông Bàu Tá chảy ra sông cây Bứa là trục tiêu chính cho phía Nam thị trấn La Hà.

- *Sông Cây Bứa*: dài 15km chảy qua các xã Nghĩa Phương, Nghĩa Thương rồi hợp nước với Sông Vệ, đoạn cuối là sông Vực Hồng.

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên:

❖ Tài nguyên đất:

Huyện Tư Nghĩa hiện có 6 nhóm đất chính: đất phù sa, đất đỏ vàng, đất bạc màu, đất nhiễm mặn, đất cát, đất xám. Chất lượng đất của huyện Tư Nghĩa thuộc loại trung bình. Đất có chất lượng tốt là các nhóm đất phù sa và đất đỏ vàng. Chất lượng trung bình là nhóm đất xám. Chất lượng kém là nhóm đất cát biển, đất nhiễm mặn, và đất bạc màu. Do vậy, quan trọng nhất là hai loại đất phù sa và đất đỏ vàng.

- *Đất phù sa*: Được hình thành do sự bồi tụ của sông Trà Khúc, sông Vệ và phân bố dọc hai sông này. Đất có đặc tính thành phần cơ giới nhẹ, rất thích hợp với việc trồng lúa, cây công nghiệp ngắn ngày, rau, đậu, ...

- *Đất đỏ vàng*: Tập trung ở vùng núi Tây và Nam của huyện, thích hợp trồng cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày, cây đặc sản, dược liệu, chăn nuôi gia súc.

Các loại đất còn lại được phân bố rải rác trên địa bàn huyện, ít có giá trị sử dụng trong sản xuất nông, lâm nghiệp.

❖ Tài nguyên nước:

Nguồn nước mặt: Tư Nghĩa có nguồn nước mặt khá dồi dào, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và phục vụ đời sống. Nguồn nước mặt được cung cấp bởi hệ thống các sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Bầu Giang, sông Cây Bứa và các suối Đá Sơn và suối Tó chảy qua. Do ảnh hưởng của địa hình và khí hậu nên mùa khô nước cạn thường gây thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất, mùa mưa nước sông suối lên nhanh thường gây xói lở ở khu vực đồi núi.

Nguồn nước ngầm: Nguồn nước ngầm của huyện khá dồi dào, nằm ở độ sâu từ 2 - 4m, khai thác, sử dụng dễ dàng và thuận tiện.

❖ Tài nguyên rừng:

Rừng hiện còn chủ yếu trên địa hình núi, độ dốc lớn, điều kiện khai thác khó khăn. Trong rừng chủ yếu là cây lấy gỗ và củi, các loại cây đặc sản và động vật quý hiếm hầu như không còn. Thực vật mỏng, chủ yếu là rừng tái sinh và tầng cây cỏ bụi.

Trong những năm qua huyện đã quan tâm thực hiện quản lý sử dụng đất rừng và giao đất trồng rừng cho người dân quản lý, chăm sóc. Diện tích rừng ngày càng tăng, góp phần bảo vệ đất và giữ cân bằng môi trường sinh thái.

❖ Tài nguyên khoáng sản:

Huyện Tư Nghĩa có các loại khoáng sản kim loại, phi kim loại chủ yếu như cao lanh, đất sét, đá chẻ, cát, sỏi, đá xây dựng; và điểm nước khoáng nóng. Nhìn chung, nguồn tài nguyên khoáng sản tỉnh Quảng Ngãi không đa dạng phong phú về chủng loại nhưng trữ lượng tương đối lớn. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong ngành công nghiệp của huyện.

Bảng 1: Một số loại khoáng sản ở địa bàn huyện Tư Nghĩa

Loại khoáng sản	Trữ lượng	Phân bố
Cao lanh	2 triệu m ³	Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thuận, Nghĩa Thắng
Đất sét	6 triệu m ³	phân bố hầu hết ở các xã, thị trấn (trừ 2 xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Thọ cũ)
Đá chẻ	200 nghìn m ³	Nghĩa Phương, Nghĩa Sơn, Nghĩa Thắng, Nghĩa Thọ cũ, thị trấn La Hà
Đá xây dựng	Trữ lượng lớn tập trung ở xã Nghĩa Thuận	

Ngoài ra, huyện Tư Nghĩa còn có điểm nước khoáng nóng Nghĩa Thuận, với tổng độ khoáng hóa 713mg/l, lưu lượng 20l/s, có triển vọng khai thác nước khoáng quy mô công nghiệp, triển vọng với ngành du lịch, và sản xuất điện địa nhiệt. Về triển vọng với ngành du lịch, Tổng cục du lịch Việt Nam và Tập đoàn than và khoáng sản Việt Nam đã đầu tư vào điểm nước khoáng nóng này, với địa điểm du lịch nổi tiếng Khu du lịch suối nước nóng Nghĩa Thuận đang được đầu tư, khai thác và phát triển.

Về triển vọng xây dựng nhà máy điện địa nhiệt thì khu vực nước khoáng nóng thuộc xã Nghĩa Thuận được đánh giá là có nhiều tiềm năng và triển vọng đứng thứ hai sau Thạch Trụ thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

❖ Tài nguyên du lịch:

Huyện có nhiều di tích lịch sử, thắng cảnh cấp Quốc gia và tỉnh như: Chùa Ông (xã Nghĩa Hòa), suối Mơ (xã Nghĩa Kỳ), suối nước khoáng nóng xã Nghĩa Thuận - Nghĩa Kỳ, công trình thủy lợi đầu mối Thạch Nham (xã Nghĩa Lâm). Ngoài ra Tư Nghĩa còn có các di tích lịch sử như Hang Quân giới (xã Nghĩa Thọ cũ).

c) Phân tích hiện trạng môi trường:

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội là sức ép lên môi trường: Khai thác cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, lượng chất thải ra môi trường ngày càng nhiều và đa dạng, nguy cơ gây ô nhiễm ngày càng cao. Có thể đánh giá chung về thực trạng môi trường ở huyện Tư Nghĩa như sau:

❖ Môi trường không khí:

Các cụm công nghiệp ngày càng mở rộng và phát triển với quy mô lớn. Nếu không có biện pháp kiểm soát thích hợp thì đây chính là nguồn gây ô nhiễm môi trường trong tương lai. Nhìn chung, chất lượng môi trường không khí tại huyện Tư Nghĩa thuộc loại sạch. Môi trường không khí các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chưa bị ô nhiễm bởi các khí độc (CO , SO_x , NO_x ...) do quy mô sản xuất còn nhỏ chủ yếu thu hút các ngành sản xuất sạch, ít ảnh hưởng đến môi trường. Các nguồn thải vào môi trường không khí từ các cơ sở sản xuất mang tính

cục bộ, các giá trị đo được đều thấp, do đó mức độ ảnh hưởng đến môi trường không khí thấp, không đáng kể. Bên cạnh đó giao thông vận tải cũng góp phần làm suy giảm chất lượng môi trường.

❖ **Môi trường nước:**

- *Nước ngầm*: Qua khảo sát nước ngầm tầng nông và tầng sâu cho thấy hàm lượng các chất ô nhiễm và hàm lượng khoáng chất nằm trong giới hạn cho phép.

- *Nước mặt*: Nhìn chung chất lượng nguồn nước của các sông suối đảm bảo vệ sinh môi trường. Tuy nhiên nước thải từ hoạt động của các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và nước thải phát sinh ra trong hoạt động khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế, nước thải sinh hoạt của dân cư chứa nhiều loại vi khuẩn gây bệnh, nhiều kim loại và nhiều loại dung môi hữu cơ khác thải vào nguồn nước mặt mà chưa được xử lý, gây ô nhiễm cục bộ trên địa bàn.

❖ **Môi trường đất và vấn đề suy thoái tài nguyên rừng:**

- Quỹ đất và chất lượng đất giảm sút, hiện tượng thoái hóa, bạc màu xảy ra khá phổ biến do quá trình canh tác còn chưa hợp lý, đặc biệt là trên đất dốc.

- Hàng năm, đất đai bị sạt lở ở địa bàn các xã miền núi như Nghĩa Thắng, Nghĩa Sơn; các xã ven sông như Nghĩa Hòa, Nghĩa Hiệp. Hiện tượng xói mòn, rửa trôi, khô cạn, đất bị nhiễm độc, thoái hóa do nạn chặt phá rừng, sản xuất thiếu đầu tư khoa học kỹ thuật.

- Lượng tồn dư của thuốc trừ sâu, bảo vệ thực vật và phân bón vào môi trường đất ngày càng tăng làm giảm đa dạng sinh học và xuất hiện một số loài kháng thuốc. Chất lượng phân bón không đảm bảo, các loại phân bón N - P - K, hữu cơ vi sinh, hữu cơ khoáng do các cơ sở nhỏ lẻ sản xuất trôi nổi trên thị trường không đảm bảo chất lượng đăng ký, đóng gói không đúng khối lượng đang là những áp lực chính cho môi trường đất.

- Khai thác tài nguyên rừng chưa thực sự gắn liền với đầu tư phục hồi tài nguyên và môi trường, diện tích rừng trong 5 năm qua tăng mạnh nhưng chất lượng rừng còn hạn chế, độ dày tán che thấp, diện tích đất rừng chưa có tán che còn lớn.

❖ **Môi trường nông nghiệp và nông thôn:**

Trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, các hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ xen lẫn với các hoạt động nông nghiệp nông thôn. Một phần diện tích đất sản xuất nông nghiệp nhường chỗ cho các cụm công nghiệp, làng nghề, các tuyến giao thông vận tải và các công trình cơ sở hạ tầng, các khu dân cư, đô thị. Môi trường khu vực nông thôn có nhiều thay đổi và đứng trước nguy cơ ô nhiễm, xuống cấp về chất lượng. Ngoài ra còn bị ảnh hưởng của một số vấn đề sau:

- Việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật chưa hợp lý và ngày càng tăng đã ảnh hưởng xấu tới hệ sinh thái nông nghiệp và sức khỏe cộng đồng.

- Điều kiện vệ sinh môi trường nông thôn chưa được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước sạch còn thấp. Nguồn nước sinh hoạt chủ yếu là giếng khơi, giếng tự khoan, giếng đất và sông suối. Tình trạng khan hiếm nước ở các vùng cao vào mùa khô vẫn còn xảy ra.

- Một số địa phương, nhất là các vùng miền núi, dân cư chưa có thói quen sử dụng nhà vệ sinh; chăn nuôi gia súc, gia cầm còn thả rông dẫn đến bệnh dịch lây lan nhanh, gây ô nhiễm môi trường.

- Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn nông nghiệp trên địa bàn huyện:

+ Chất thải rắn từ canh tác, thu hoạch mùa màng: bao gồm rơm, rạ, vỏ trái cây. Một số hộ nông dân thường sử dụng làm chất đốt, hầu hết rơm rạ được xử lý ngay tại đồng ruộng bằng phương pháp cày lật đất, tận dụng làm thức ăn cho gia súc. Như vậy chất thải rắn nông nghiệp được tái sử dụng gần như 100%, không phải chôn lấp tập trung.

+ Chất thải rắn từ chăn nuôi gia súc: Bao gồm phân gia súc, gia cầm. Chất thải chăn nuôi được các hộ gia đình thu gom và ủ phân để bón ruộng, trồng hoa, cây cảnh.

❖ *Môi trường khu vực đô thị và sản xuất công nghiệp:*

- Trong tương lai sản xuất công nghiệp phát triển và sự bùng nổ giao thông cơ giới, sẽ gây tiếng ồn, bụi và làm phát sinh một lượng lớn chất thải, trong đó các chất thải nguy hại ngày càng gia tăng.

- Hoạt động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp còn gây ảnh hưởng tới môi trường như là: Tích tụ các hóa chất độc, kim loại nặng, làm chua hóa, chai cứng đất,... Ngoài ra các hoạt động khác của đô thị như sinh hoạt, du lịch, xây dựng đô thị, bệnh viện,... cũng gây ra ô nhiễm nếu các chất thải, nước thải không được thu gom và xử lý. Chất thải rắn công nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu phát sinh từ:

+ Cụm công nghiệp: Trên địa bàn hiện có 01 Cụm công nghiệp La Hà, diện tích 21 ha với 16 cơ sở đang hoạt động với các ngành nghề như chế biến gỗ, sản xuất bê tông, muối, viên nén sinh học,... Trong quá trình hoạt động chủ yếu phát sinh bụi, khí thải, nước thải và chất thải rắn. Các loại chất thải phát sinh của các cơ sở được thu gom, xử lý bảo đảm theo quy định. Ước tính, khối lượng rác thải sinh hoạt của Cụm công nghiệp phát sinh khoảng 354kg/ngày, khối lượng rác thải này được thu gom, xử lý, chất thải rắn công nghiệp được tái sử dụng 100%.

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh: Có 325 cơ sở được phê duyệt, xác nhận hồ sơ bảo vệ môi trường, có khoảng 160 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp cơ bản như chế biến gỗ, sản xuất bê tông, xi măng, may mặc, giấy, khai thác đất, cát, cơ khí,... và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, không có cơ sở nào hoạt động công nghiệp nặng như khai thác than, quặng, luyện kim, sản xuất phân bón.

+ Trên địa bàn huyện khoảng 2.023 cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ đang hoạt động phân tán trong khu dân cư với các ngành nghề khác nhau, các cơ sở này

đã thực hiện và lập hồ sơ cam kết bảo vệ môi trường theo nội dung Quy chế, hương ước của UBND xã trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

d) Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất:

Khí hậu là một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng lớn đến việc sử dụng tài nguyên đất. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sử dụng đất nông nghiệp, đất ở, các công trình và giá trị đất đai. Ngược lại, việc sử dụng đất đai cũng có ảnh hưởng đối với sự thay đổi các yếu tố khí hậu. Vì vậy cần tích hợp yếu tố biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Phương án điều chỉnh quy hoạch phải tính toán những rủi ro cả số lượng và cường độ của các hiện tượng thời tiết cực đoan như các cơn mưa, bão lớn, lốc xoáy. Bởi mức độ rủi ro do những hiện tượng thời tiết cực đoan chịu ảnh hưởng nhiều bởi chất lượng của công trình và cơ sở hạ tầng. Ở những vùng đô thị luôn hiện diện một số rủi ro lũ lụt khi mưa lớn xảy ra. Nhà cửa, đường phố, cơ sở hạ tầng và những khu vực bê tông khác ngăn chặn nước mưa thấm xuống mặt đất đã tạo ra nước chảy tràn nhiều hơn. Nếu mưa kéo dài cộng với hệ thống cống thoát nước kém, khu vực lưu chứa hạn chế thì tình trạng ngập lụt diện rộng là khó tránh khỏi.

❖ Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn:

Các biểu hiện của biến đổi khí hậu như: Nhiệt độ trung bình, tính biến động và dị thường của thời tiết có xu hướng tăng lên; mực nước biển dâng gây ngập úng; các thiên tai và hiện tượng thời tiết cực đoan (nắng nóng, giá rét, bão, lũ lụt, hạn hán,...) xảy ra với tần suất cao và có nhiều sự bất thường về cường độ,... làm cho thời tiết ở Tư Nghĩa ngày càng khắc nghiệt hơn.

Nước biển dâng cao sẽ kéo theo việc xâm nhập mặn lấn sâu vào nội địa tại các vùng cửa sông ven biển và vùng đồng bằng ở xã Nghĩa Hòa làm diện tích đất sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp. Nước biển dâng làm vùng ven bờ bị sạt lở ảnh hưởng trực tiếp đến các khu dân cư ven biển, hạ tầng giao thông, thủy lợi,... và có nguy cơ thu hẹp. Nhiều diện tích đất trồng lúa bị nhiễm mặn không canh tác được phải chuyển qua nuôi trồng thủy sản hoặc các mục đích khác. Ngoài ra nước biển dâng xâm nhập theo các cửa sông làm mặn hóa dòng nước lợ ven biển, làm thay đổi cấu trúc hệ sinh thái, thay đổi cơ cấu diện tích nuôi trồng thủy sản.

Biến đổi khí hậu làm cho cơ cấu mùa vụ thay đổi, nước bị xâm nhập mặn dẫn đến thiếu nước sinh hoạt, sản xuất làm mất mùa, giảm sản lượng nông nghiệp.

Vì vậy, UBND huyện Tư Nghĩa xác định được các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu; Xây dựng và triển khai các dự án thí điểm và xác định các dự án ưu tiên cần triển khai nhằm giảm thiểu những thiệt hại do thiên tai và nước biển dâng gây ra như xây dựng đê kè dọc sông và các đập ngăn chặn sự xâm nhập mặn.

❖ Phân tích, đánh giá về hoang mạc hoá, xói mòn, sạt lở đất:

Sử dụng đất nông, lâm nghiệp hiệu quả chưa cao dẫn tới sa mạc hóa làm cho đất đai bị xói mòn, rửa trôi, sạt lở, chai cứng, độ phì nhiêu thấp, mất cân bằng dinh dưỡng,... và kéo theo đó là sự đói nghèo. Diện tích đất bị suy thoái cũng là

nguyên nhân làm diện tích đất nông, lâm nghiệp bị thu hẹp. Tình trạng đất sản xuất mất cân bằng dinh dưỡng, độ phì nhiêu thấp, bị ong hóa, mặn hóa, phèn hóa...

Tư Nghĩa là huyện đồng bằng, nằm giữa lưu vực hai con sông lớn trong tỉnh là sông Trà Khúc và Sông Vệ, địa hình phức tạp, thấp dần từ Tây sang Đông vì vậy hàng năm, huyện thường xuyên chịu các đợt thiên tai như: bão, lốc, lũ lụt, hạn hán, sạt lở bờ sông, sạt lở núi,...

Trước tình hình biến đổi khí hậu bất thường đang xảy ra như hiện nay, dự báo tần suất và cường độ thiên tai sẽ ngày càng gia tăng. Chính vì vậy, vào mùa mưa hàng năm huyện Tư Nghĩa đã chủ động xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai nhằm ứng phó với mưa lớn, nguy cơ lũ quét và sạt lở đất.

Bước đầu, huyện đã xác định các khu vực có khả năng sạt lở bờ sông xảy ra ở các con sông như: dọc ven sông Trà Khúc từ Nghĩa Lâm - Nghĩa Kỳ, khu vực phía Bắc cầu Sông Vệ từ cầu Sông Vệ cũ - Nghĩa Mỹ, sạt lở nghiêm trọng bờ sông Cây Bứa đoạn qua thôn Năng Tây 2, khiến nhiều diện tích đất ở, đất sản xuất của người dân bị đổ ập xuống lòng sông, sông Ben Lở xóm Tân An, thôn Vạn An, xã Nghĩa Thương; sông Bàu Giang, thôn Điện An 4, xã Nghĩa Thương,... Sạt lở núi xảy ra hầu hết trên tất cả các xã miền núi, hiện nay có 02 điểm có nguy cơ cao ở xóm 3 (Hóc Bàu), thôn 2, xã Nghĩa Sơn và chân núi Hòn Gai, Thôn 1, Nghĩa Thắng (trước đây là xã Nghĩa Thọ).

1.2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội:

1.2.1. Chỉ tiêu về kinh tế:

a) Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm là 8,9%, đạt 98,89% so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và HĐND huyện (8,9%/9%). Trong đó:

- Công nghiệp, xây dựng : 8,5%, đạt 100%;
- Thương mại, dịch vụ : 10,2%, đạt 97,14%;
- Nông, lâm và thủy sản : 3,8%, đạt 100%.

b) Tổng sản lượng lương thực: Đến năm 2023 là 59.385 tấn/58.695 tấn đạt 101,18% so với Nghị quyết HĐND giao. Trong đó:

- Cây lúa: Diện tích gieo sạ năm 2023 là 7.800,6 ha, năng suất bình quân 64,37 tạ/ha, sản lượng 50.216 tấn đạt 101,48% Kế hoạch HĐND huyện giao.
- Cây Ngô: diện tích 1.491,6 ha, năng suất 61,5 tạ/ha, sản lượng 9.169 tấn, đạt 124,24% Kế hoạch HĐND huyện giao.

c) Tổng đàn gia súc: Đến năm 2023 là 118.270 con/116.300 con, đạt 101,69% so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, HĐND huyện giao. Nhìn chung đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định. Đàn trâu 4.300 con, đạt 100% Kế hoạch; Đàn bò 25.000 con, đạt 100%; Đàn lợn: 88.970 con/87.000 con, đạt 102,26% so với Nghị quyết HĐND huyện giao.

d) Thu, chi ngân sách:

Bảng 2: Thu, chi ngân sách qua các năm

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Thu cân đối	Chi ngân sách	Ghi chú
Năm 2020	214.194	937.238	
Năm 2021	408.737	1.053.404	
Năm 2022	274.847	1.220.955	
Năm 2023	210.216	791.968	

Năm 2020 và 2021, UBND huyện đã tập trung cho công tác thu nhưng do diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 nên tổng thu ngân sách 02 năm không đạt kế hoạch, hực thu (2020: 15.883 triệu đồng; 2021: 14.069 triệu đồng). Năm 2023 ước thu là 210,216 tỷ đồng/264,346 tỷ đồng đạt 79,52% Kế hoạch HĐND huyện giao, giảm 23,52% so với cùng kỳ, trong đó: Thu từ sử dụng đất ước đạt 65 tỷ đồng, đạt 40,63% Kế hoạch. Một số sắc thuế đạt và vượt cao so với chỉ tiêu kế hoạch. Việc quản lý, kiểm soát và sử dụng chi ngân sách được thực hiện theo đúng chế độ quy định, trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

1.2.2. Về văn hóa - xã hội:

a) Giáo dục và Đào tạo:

UBND huyện đã chỉ đạo ngành Giáo dục tổ chức triển khai thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm học 2020-2021, năm học 2021-2022 và năm học 2022-2023. Năm 2023, hoàn thành các chỉ tiêu huy động học sinh ra lớp, tỉ lệ tuyển sinh đầu cấp (lớp 1, lớp 6) đạt 100%, tỉ lệ học sinh lớp 5 được xét hoàn thành chương trình tiểu học 100%, tốt nghiệp THCS trên 99%. Số trường đạt chuẩn quốc gia đến nay là 37/49 trường, đạt 100% so với Nghị quyết.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân:

- Tổ chức tốt công tác khám, chữa bệnh; chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế, hướng đến sự hài lòng của người bệnh. Kết quả hoạt động khám chữa bệnh ước thực hiện năm 2023: Tuyến huyện 136.616/95.000 số lần khám bệnh, tăng 22,34% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 143,81% Kế hoạch.

- Tỷ lệ tham gia BHYT năm 2023 của người dân là 92,3%, đạt 100% Kế hoạch HĐND huyện giao; Tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia BHXH trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế là 22,3%, đạt 100% Kế hoạch.

c) Lao động, Thương binh và Xã hội:

Hàng năm tạo việc làm mới cho khoảng 1.735 lao động đạt 100% so với chỉ tiêu Nghị quyết HĐND huyện đề ra. Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo chỉ tiêu tỉnh giao là 70 lao động trong năm 2023, đến nay đã có 11 lao động xuất cảnh đi làm việc tại nước ngoài (05 đi Hàn Quốc và 06 đi Nhật Bản).

Thực hiện tốt việc chăm lo Tết cho đối tượng người có công cách mạng, người nghèo và bảo trợ xã hội. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đến năm 2023 giảm còn 1,45% vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (1,5%).

1.2.3. Về tài nguyên - môi trường:

Đến năm 2023 tỷ lệ hộ dân đô thị dùng nước sạch là 50% đạt 52,08% so với Nghị quyết, tỷ lệ thu gom xử lý chất thải sinh hoạt của hộ gia đình hàng năm đạt từ 72-76%. Hoàn thành công tác Thống kê đất đai các năm: 2021, 2022 đúng thời gian quy định. Đến nay UBND huyện đã cấp 5.665 giấy CNQSD đất ở và nông nghiệp, vượt 655,33% so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

(Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh giữa nhiệm kỳ 2021-2025 của huyện Tư Nghĩa)

1.2.4. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực có liên quan đến việc sử dụng đất:

1.2.4.1. Thực trạng phát triển ngành công nghiệp:

Trên địa bàn hiện có Cụm công nghiệp La Hà nằm ở vị trí đặc địa nằm trên địa bàn của thị trấn La Hà và một phần của khu vực xã Nghĩa Thương. Với vị trí thuận lợi nằm gần Quốc lộ 1 và có hạ tầng kỹ thuật xây dựng đồng bộ nên Cụm công nghiệp La Hà với diện tích ban đầu 21 ha đã thu hút nhiều nhà đầu tư. Hiện nay, có 18 doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh ổn định với diện tích đất giao cho doanh nghiệp là 14,2 ha, chiếm 67,6%, tỷ lệ lấp đầy đạt 100%. Doanh nghiệp hoạt động tại Cụm công nghiệp La Hà hàng năm nộp ngân sách nhà nước khá cao, năm 2015: 12,2 tỷ đồng; năm 2016 khoảng 12 tỷ đồng, sử dụng hơn 1.200 lao động trong và ngoài huyện, đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Để đáp ứng nhu cầu thúc đẩy phát triển kinh tế, đồng thời, tăng nguồn thu ngân sách và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã có quyết định mở rộng Cụm công nghiệp La Hà khoảng 8 ha.

1.2.4.2. Thực trạng phát triển ngành thương mại, dịch vụ:

Tình hình lưu thông hàng hóa các mặt hàng thiết yếu cơ bản ổn định, giá cả bình ổn. Lượng hàng hóa tiêu dùng phong phú về chủng loại, mẫu mã và đảm bảo chất lượng, đáp ứng tốt nhu cầu mua sắm của người dân. Các dịch vụ ngân hàng, bưu chính viễn thông, vận tải, đại lý cung cấp, tiêu thụ hàng hóa tiếp tục phát triển.

Việc phát triển dịch vụ bán buôn, bán lẻ, trên cơ sở huy động các nguồn lực xã hội đầu tư vào hạ tầng thương mại tại các cụm công nghiệp cũng như khu du lịch tiềm năng của huyện; phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ và tập trung vào một số dịch vụ có tiềm năng lợi thế: dịch vụ vận tải, dịch vụ bất động sản, dịch vụ công. Đầu tư hoàn thiện trạm nghỉ chất lượng cao tại Tư Nghĩa để tận dụng thế mạnh hậu cầu, thương mại và giới thiệu đặc sản của huyện.

Ngoài ra, huyện còn phát triển du lịch theo hướng du lịch văn hoá, tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, du lịch làng nghề. Tập trung xây dựng 02 cụm khu du lịch: du lịch văn hoá kết hợp giữa Bãi Dừa và Khu phố cổ Thu Xà và du lịch sinh thái Tam Nghĩa (Nghĩa Thương, Nghĩa Phương, Nghĩa Hiệp).

1.2.4.3. Thực trạng phát triển các ngành nông - lâm - thủy sản:

- Nông nghiệp: Phát triển ngành trồng trọt và chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung theo tiêu chuẩn an toàn, từng bước hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hướng vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, tạo ra sản phẩm nông sản đặc sản có chất lượng (tập trung xã Nghĩa Hiệp). Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung chuyên canh, các khu nông nghiệp sinh thái và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Kết hợp nông nghiệp chất lượng cao với du lịch sinh thái; trồng trọt tập trung phát triển cây rau, hoa sản xuất theo hướng áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình VietGAP, hữu cơ phát triển ngành chăn nuôi theo chăn nuôi tập trung, xa khu dân cư, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và liên kết theo chuỗi.

- Lâm nghiệp: Thời tiết trong tháng thuận lợi, người dân đẩy nhanh tiến độ trồng rừng. Diện tích rừng trồng tập trung ước thực hiện 503,5 ha/500ha, đạt 100,7% Kế hoạch HĐND huyện giao. Tỷ lệ che phủ rừng 30%, đạt 117,65% Kế hoạch năm.

- Tình hình nuôi trồng thủy sản nước lợ: Đối với tôm thẻ chân trắng: Ước năm 2023, xã Nghĩa Hòa và Nghĩa Hiệp đã thả giống với diện tích thả là 141 ha/120 ha đạt 117,5% Kế hoạch; sản lượng thu hoạch 190,65 tấn/156 tấn, đạt 122,21% Kế hoạch HĐND huyện giao; Đối với nuôi cá nước lợ: Nghĩa Hoà: 05 ha, nuôi ao hồ (Diêu hồng, cá Đoi). Tình hình nuôi trồng thủy sản nước ngọt: Xã Nghĩa Hoà: 08 ha (ao, hồ) nuôi cá rô phi, cá Đoi xen tôm. Xã Nghĩa Thắng: 180m³/05 lồng nuôi cá Trắm.

1.2.4.4. Thực trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng:

❖ **Hệ thống giao thông:** Hệ thống giao thông của huyện những năm qua được củng cố, nâng cấp và nhựa hóa với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm.

a) Đường sắt: Trên địa bàn huyện có tuyến đường sắt Bắc - Nam đi qua các xã Nghĩa Điền, Nghĩa Trung, Nghĩa Phương, Nghĩa Mỹ với tổng chiều dài trên 10 km.

b) Đường bộ: Mạng lưới giao thông đường bộ của huyện Tư Nghĩa khá hoàn thiện, đường ô tô đã đến được tất cả các xã, thị trấn. Cụ thể như sau:

- Quốc lộ 1 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa đi qua 04 xã, thị trấn là La Hà, Nghĩa Thương, Nghĩa Phương và Sông Vệ với chiều dài tuyến là 7,41 km. Tuyến đang được nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp II đồng bằng với nền đường rộng 23m, mặt đường rộng 20m. Trong đó, đoạn qua đô thị Thị trấn La Hà và Sông Vệ được thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị với tổng chiều dài 3,81 km;

- Đường Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi: Qua địa bàn huyện dài 13,5 km Bnền = 26 m, Bmặt = 14,5 m; đi qua 04 xã (xã Nghĩa Kỳ; xã Nghĩa Điền; xã Nghĩa Trung; xã Nghĩa Thương);

- Đường Cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn: Qua địa bàn huyện Tư Nghĩa khoảng 5 km đi qua 02 xã (xã Nghĩa Kỳ; xã Nghĩa Điền);

- Đường tỉnh qua địa bàn huyện Tư Nghĩa gồm các tuyến ĐT623B, ĐT624 và ĐT628 với tổng chiều dài đi qua địa phận của huyện là 24,32 km. Ba tuyến đường tỉnh này đóng vai trò giao thông đối ngoại của huyện, nối huyện Tư Nghĩa với Thành phố Quảng Ngãi và các huyện lân cận.

+ Tỉnh lộ ĐT624 (Quảng Ngãi - Ba Động) có chiều dài đoạn đi qua huyện Tư Nghĩa là 2,09 km. Chất lượng đường trung bình, đạt tiêu chuẩn cấp V đồng bằng, nền đường rộng 7,5m, mặt đường 5,5m rải nhựa.

+ Tỉnh lộ ĐT628 (Quốc lộ 1A - Sơn Kỳ) đi qua địa phận huyện Tư Nghĩa có chiều dài 2,83 km. Chất lượng đường trung bình, đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, có nền đường rộng 9 m, mặt đường BTXM rộng 7 m.

+ Tỉnh lộ ĐT623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham) đi qua địa phận huyện Tư Nghĩa có chiều dài 19,40 km Sơn Hạ, huyện Sơn Hà. Chất lượng đường tốt, đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, có nền đường rộng 9,0m, mặt đường BTXM rộng 7,0 m. Riêng đoạn qua các xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Lâm có nền rộng 7,5m; mặt đường láng nhựa rộng 5,5m.

- Đường huyện Tư Nghĩa gồm 20 tuyến với tổng chiều dài là 100,91 km, trong đó láng nhựa và bê tông hóa được 87,61 km, còn lại 13,3 km là đường đất.

+ Đường huyện ĐH21(Đường Nghĩa Lâm - Nghĩa Sơn): Tổng chiều dài tuyến là 7,0 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH22(Đường Nghĩa Thắng - Nghĩa Thọ): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 4,0 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH22B (Đường Nghĩa Thuận - Nghĩa Thọ): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 6,0 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM dài 1,23 km, còn lại 4,77 km láng nhựa, chất lượng đường tốt.

+ Đường huyện ĐH22C (Đường Nghĩa Thọ - Đèo Chim Hút): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 4.8 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH23 (Đường Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thắng): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 9,1 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH23B (Đường Nghĩa Kỳ - Quảng Phú): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 3,2 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường đất, chất lượng đường xấu.

+ Đường huyện ĐH24 (Đường La Hà - Nghĩa Thuận): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 12,1 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH24B (Đường Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận - Suối Mơ): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 5,0 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường đất, đã BT hóa được 1,4 km, chất lượng đường xấu.

+ Đường huyện ĐH25 (Đường UBND huyện - Nghĩa Hành): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 6,5 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, đã BT hóa được 1,3 km, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH25B (Đường Nghĩa Phương - Nghĩa Trung): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 4,52 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH26 (Đường Sông Vệ - Hòa Vinh Tây): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 2,3 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM, chất lượng đường tốt.

+ Đường huyện ĐH26B (Đường Sông Vệ - Nghĩa Hành): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 2,6 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường đất, đã BTXM được 1,1 km, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH26C (Đường Sông Vệ - Nghĩa Hiệp): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 4,0 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH27 (Đường La Hà - Nghĩa Hiệp): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 6,3 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH27B (Đường Sông Vệ - Nghĩa Thương): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 3,4 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH28 (Đường La Hà - Thu Xà): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 6,1 km (đã cắt 2,02 Km về Tp. Quảng Ngãi), cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa đã bê tông hóa được 0,66 km, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH28C (Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa An): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 2,18 km (đã cắt 320m về Tp. Quảng Ngãi), cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH29 (Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Hà): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 1,41 km (đã cắt 1,89 km về Tp. Quảng Ngãi), cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường BTXM, chất lượng đường tốt.

+ Đường huyện ĐH30 (Đường Bàu Giang - UBND xã Nghĩa Trung): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 3,5 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường huyện ĐH30B (Đường Bàu Giang - Nghĩa Hành): Chiều dài tuyến trên địa bàn huyện là 5,0 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường đất, chất lượng đường xấu.

Huyện có 03 đường chuyên dùng với tổng chiều dài là 7,2 Km gồm:

+ Đường chuyên dùng ĐCD01 (QL1A - Cụm CN La Hà): Chiều dài tuyến là 1,2 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp đường Khu công nghiệp. Kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường chuyên dùng ĐCD02 (Nghĩa Kỳ - Nghĩa địa Tp. Quảng Ngãi): Chiều dài tuyến là 4,0 km, cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

+ Đường chuyên dùng ĐCD03 (Tỉnh lộ ĐT623B - Suối nước nóng Nghĩa Thuận): Chiều dài tuyến là 2,0 km. cấp kỹ thuật của đường là cấp VI, kết cấu mặt đường láng nhựa, chất lượng đường trung bình.

Đường xã và trục thôn của huyện Tư Nghĩa gồm có 130 tuyến, với tổng chiều dài là 79,87 km. Các đường ngõ xóm và nội đồng trên địa bàn có tổng chiều dài ước khoảng 575,6 km, đang dần được cấp phối và cứng hóa.

(Nguồn: Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Tư Nghĩa)

❖ Thủy lợi:

Hệ thống thủy lợi huyện Tư Nghĩa tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng cơ bản yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn. Hiện có 33 công trình thủy lợi chính, trong đó: 02 hồ chứa, 11 đập dâng, 18 trạm bơm và 122 tuyến kênh đã kiên cố.

Những năm vừa qua, toàn huyện thực hiện đầu tư xây dựng mới 03 công trình, nâng cấp sửa chữa các công trình thủy lợi phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp tại các xã, cụ thể: Xây dựng hệ thống mương tiêu Đồng miếu và chỉnh dòng sông Cầu Cát, đoạn Nghĩa Thương - Nghĩa Phương (chiều dài 3044 m), kênh NCV2, xã Nghĩa Lâm (chiều dài 7043m), hệ thống tiêu úng Bàu Nhá - Bàu Giang, xã Nghĩa Điền (chiều dài 4900m); Nâng cấp kiên cố hóa Kênh N8-5A, xã Nghĩa Trung (chiều dài 2313m), kiên cố hóa Kênh N16-15, xã Nghĩa Hiệp (chiều dài 3248m).

(Báo cáo về tình hình thực hiện Quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi năm 2023 trên địa bàn huyện Tư Nghĩa)

1.2.5. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất:

Dân số trung bình huyện Tư Nghĩa là 130.113 người. Dân cư phân bố theo lãnh thổ không đồng đều, mật độ dân số bình quân toàn huyện là 633,2 người/km², đa số tập trung ở vùng đồng bằng.

- Hàng năm tạo việc làm mới cho khoảng 1.735 lao động đạt 100% so với chỉ tiêu Nghị quyết HĐND huyện đề ra. Số lao động đi làm việc ở nước ngoài

theo chỉ tiêu tỉnh giao là 70 lao động trong năm 2023, đến nay đã có 11 lao động xuất cảnh đi làm việc tại nước ngoài (05 đi Hàn Quốc và 06 đi Nhật Bản).

- Tổ chức tốt công tác khám, chữa bệnh; chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế, hướng đến sự hài lòng của người bệnh. Kết quả hoạt động khám chữa bệnh ước thực hiện năm 2023: Tuyến huyện 136.616/95.000 số lần khám bệnh, tăng 22,34% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 143,81% Kế hoạch.

- Tỷ lệ tham gia BHYT năm 2023 của người dân là 92,3%, đạt 100% Kế hoạch HĐND huyện giao; Tỷ lệ phát triển đối tượng tham gia BHXH trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế là 22,3%, đạt 100% Kế hoạch.

- Tổng số đau mắt đỏ đến ngày 14/9/2023: Tại Trung tâm Y tế huyện 1.156 ca, tại các trạm y tế xã giám sát cộng đồng 359 ca. Nguyên nhân: do thời tiết, mùa dịch bệnh. Hiện nay, Trung tâm y tế dự phòng đã tuyên truyền cho các đơn vị, trường học cách phòng, chống bệnh tốt nhất.

- Chương trình Vệ sinh an toàn thực phẩm: Kết quả kiểm tra, giám sát cơ sở trên địa bàn toàn huyện: Tuyến huyện: Số cơ sở được kiểm tra: 181 cơ sở, đạt tiêu chuẩn vệ sinh: 164 cơ sở, tỷ lệ đạt: 90,6%. Qua kiểm tra có 17 cơ sở vi phạm quy định về việc khám sức khỏe định kỳ và cập nhật kiến thức VSATTP; Tuyến xã: Số cơ sở được kiểm tra: 650 cơ sở, đạt tiêu chuẩn vệ sinh: 628 cơ sở, tỷ lệ đạt: 96,1%. Qua kiểm tra có 25 cơ sở vi phạm quy định về việc khám sức khỏe định kỳ và cập nhật kiến thức VSATTP.

- Thực hiện tốt việc chăm lo Tết cho đối tượng người có công cách mạng, người nghèo và bảo trợ xã hội. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đến năm 2023 giảm còn 1,45% vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (1,5%).

- Đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn huyện, quản lý tốt các tôn giáo, các hoạt động có yếu tố nước ngoài và đảm bảo không để xảy ra điểm nóng dẫn đến khiếu kiện đông người. Kịp thời phá nhiều vụ án về trộm cắp, cướp giật, đặc biệt là loại tội phạm cướp giật trên các tuyến đường giao thông; công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông được tăng cường, tình hình tai nạn giao thông từng bước được hạn chế.

PHẦN II: PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ CÁC NGUỒN LỰC CỦA HUYỆN VÀ TỈNH TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất:

a) Nguồn lực tự nhiên:

Tỉnh Quảng Ngãi nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung được Chính phủ chọn khu vực Dung Quất để xây dựng nhà máy lọc dầu đầu tiên của cả nước, góp phần đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế tỉnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đối với huyện Tư Nghĩa có lợi thế nằm ở vùng trung tâm tỉnh Quảng Ngãi, là khu vực cửa ngõ phía Nam của thành phố Quảng Ngãi, liên kết chặt chẽ với thành phố để phát huy vai trò là vùng kinh tế động lực trung tâm của tỉnh. Nằm trong cụm đô thị chính số 03 (gồm các đô thị, khu đô thị từ TP. Tam Kỳ đến TP. Quảng Ngãi và 2 khu kinh tế lớn là Dung Quất và Chu Lai) nằm tại trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

b) Nguồn nhân lực:

Theo Niên giám thống kê năm 2023, dân số trung bình tỉnh Quảng Ngãi đạt 1.248,11 nghìn người bao gồm dân số thành thị 272,95 nghìn người, chiếm 21,87%, dân số nông thôn 975,156 nghìn người, chiếm 78,13%. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh đạt 679,29 nghìn người, trong đó lao động nam chiếm 52,41%, lao động nữ 47,59%, lao động ở khu vực thành thị chiếm 21,33%, lao động ở nông thôn chiếm 78,67%. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2023 đạt 667,09 nghìn người trong đó: lao động khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 206,33 nghìn người, chiếm 30,88% tổng số lao động đang làm việc toàn tỉnh; khu vực công nghiệp và xây dựng 198,78 nghìn người, chiếm 29,75%; khu vực dịch vụ 262,58 nghìn người, chiếm 39,37%. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 26,06%.

Đối với huyện Tư Nghĩa nguồn lao động cũng khá dồi dào, công tác lao động, việc làm và thực hiện chính sách xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Số lao động được tạo việc làm trong 05 tháng đầu năm 2024 là 1.500 lao động (đạt 83,33% kế hoạch năm). Tiếp tục chỉ đạo các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác tuyên truyền tuyển dụng lao động từ các doanh nghiệp, rà soát, tổng hợp nhu cầu tìm việc của lao động, phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh đăng ký mở phiên giao dịch việc làm tại địa bàn huyện.

c) Công nghệ:

Trong giai đoạn 2021 - 2030, tiếp tục tập trung phát triển các công nghiệp đang có lợi thế và là đầu tàu mang lại nguồn thu ngân sách cho huyện, thu hút nhân lực, hệ sinh thái kinh doanh để phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ. Đầu tư, nâng cao chất lượng về dịch vụ du lịch, nâng cao nguồn nhân lực trong

ngành du lịch, phát triển các cơ sở đào tạo chuyên sâu. Ứng dụng công nghệ hiện đại từng bước nhằm nâng cao năng suất và chất lượng ngành nông nghiệp trong tương lai.

UBND cấp huyện xây dựng và phát triển hạ tầng mạng viễn thông và Internet theo hướng nâng cao chất lượng, ứng dụng công nghệ hiện đại, hiệu quả và có độ bao phủ rộng đến các vùng nông thôn. Thực hiện kết nối tất cả các tổng đài vệ tinh hiện có trên địa bàn, lắp mới và nâng cấp, mở rộng các tổng đài vệ tinh nằm trong dự án phát triển mạng chuyên mạch tại các huyện, thị khác, các khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Ứng dụng công nghệ thông tin: Hệ thống thông tin dùng chung phục vụ công tác quản lý, tác nghiệp, điều hành, cải cách hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp được triển khai sâu rộng từ tỉnh đến xã, gồm: Cổng thông tin điện tử, thư điện tử, phần mềm quản lý văn bản điều hành, ứng dụng chữ ký số, cổng dịch vụ công của tỉnh, hệ thống một cửa điện tử v.v.

Cơ sở dữ liệu: Tạo cơ sở dữ liệu và các phần mềm chuyên ngành phục vụ việc quản lý trong các cơ quan nhà nước và cung cấp thông tin cho người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng.

Từng bước triển khai xây dựng đô thị thông minh, với các dịch vụ du lịch thông minh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giao thông thông minh.

d) Hạ tầng kỹ thuật:

Tỉnh hiện có Quốc lộ 1, Quốc lộ 24, Quốc lộ 24B, đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, tuyến đường sắt Bắc - Nam (gồm 10 ga trên địa bàn tỉnh) và đường cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng, đường Trường Sơn Đông chạy qua, là một trong những đầu mối giao thông quan trọng xuyên suốt trên địa bàn tỉnh. Trong đó chiều dài Quốc lộ 1 qua tỉnh dài 98 km. Đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông qua tỉnh dài 125 km. Quốc lộ 24 nối liền Quốc lộ 1 đoạn qua nút giao tại thôn Thạch Trụ, xã Đức Lâm, huyện Mộ Đức, qua thị xã Đức Phổ, huyện Ba Tơ nối với tỉnh Kon Tum dài 69 km và Quốc lộ 24B dài 18 km, đây là tuyến giao thông quan trọng đối với Kon Tum và Quảng Ngãi trong quan hệ kinh tế, văn hoá giữa duyên hải và Tây Nguyên, giao lưu trao đổi hàng hoá, phát triển kinh tế miền núi gắn với an ninh quốc phòng. Trên địa bàn tỉnh hiện có 04 bến xe khách đang hoạt động với tổng diện tích hơn 47.000 m² đóng vai trò đầu mối vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại; 04 Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới; 05 Cơ sở đào tạo lái xe và 03 Trung tâm sát hạch lái xe trong đó có 01 Trung tâm vừa sát hạch vừa đào tạo. Bên cạnh cơ sở hạ tầng hiện có, tỉnh cũng tập trung hoàn thành các dự án giao thông quan trọng, đảm bảo kết nối các trục phát triển chính trong Khu Kinh tế Dung Quất.

Huyện Tư Nghĩa với lợi thế nằm ở vị trí cửa ngõ phía nam của TP. Quảng Ngãi, có Quốc lộ 1, đường cao tốc, đường sắt Bắc - Nam, các tuyến đường tỉnh như 623B, 624, 628 đi qua nên huyện có lợi thế rất lớn về giao thông, trao đổi hàng hóa, kết nối địa phương với các huyện lân cận, tỉnh, thành phố, vùng miền

trong cả nước. Hiện nay, huyện đã và đang tập trung thực hiện tốt các dự án trọng điểm có tính cấp bách của trung ương, của tỉnh đi qua địa bàn như: Đường cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2021 - 2025, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn; đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, cầu Trà Khúc 3, đường Phan Đình Phùng nối dài,... Toàn bộ mạng lưới điện được phân bố đều đến các xã phục vụ các trạm biến áp phân phối đảm bảo 100% hộ sử dụng điện; trên tuyến QL1A đoạn qua khu dân cư đều đã có hệ thống chiếu sáng đường phố.

đ) Hạ tầng xã hội:

Tỉnh tiếp tục phát triển Khu kinh tế Dung Quất trở thành một trong những trung tâm công nghiệp ven biển trọng điểm của khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, với trọng tâm là các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo, công nghiệp có hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng cao. Huy động nguồn lực xây dựng, phát triển trung tâm logistics khu vực cảng biển Dung Quất. Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng trong Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ven biển. Về giáo dục, toàn tỉnh có 208 trường mầm non, 371 trường phổ thông đảm bảo nhu cầu dạy và học. Có 21 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có áp dụng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện Việt Nam kể đến như: Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Lao, Bệnh phổi, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Sản nhi, Bệnh viện Nội tiết,... Trong năm 2024, bên cạnh các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, các công trình dân dụng lớn cũng đang được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh như: Trung tâm hội nghị triển lãm tỉnh Quảng Ngãi và Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ngãi.

Đối với huyện Tư Nghĩa, UBND huyện đã phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án Khu đô thị sinh thái Coastal Quảng Ngãi tại xã Nghĩa Hòa tại Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 25/4/2024; Tiếp tục triển khai công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2024 theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện, hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cho 2 trường Mầm non Nghĩa Thắng và Mầm non thị trấn Sông Vệ; Toàn huyện hiện có 19 trường mầm non, 19 trường tiểu học, 13 trường trung học cơ sở và 4 trường trung học phổ thông (Theo số liệu Niên giám thống kê huyện Tư Nghĩa năm 2023); 01 Trung tâm Y tế huyện và 14 Trạm y tế tại các xã, thị trấn đảm bảo nhu cầu khám, chữa bệnh trên địa bàn huyện; 01 Trung tâm công tác xã hội tỉnh cơ sở 2 tại xã Nghĩa Kỳ với diện tích hơn 48.000 m² thực hiện các dịch vụ Công tác xã hội, thực hiện công tác tiếp nhận, nuôi dưỡng, chăm sóc tại Trung tâm.

e) Khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách:

Công tác triển khai kế hoạch vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước thường được thực hiện ngay từ những tháng đầu của năm; UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, rà soát các hạng mục công trình đầu tư mới cũng như các công trình chuyển tiếp từ các năm trước chuyển sang, nhằm bố trí vốn đầu tư đạt hiệu quả, đảm bảo tiến độ thi công và thuận lợi trong công tác giải ngân vốn đầu tư công, tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện và đẩy nhanh tiến độ các dự án lớn trên địa bàn; đồng

thời cũng yêu cầu các chủ đầu tư phối hợp chặt chẽ với các địa phương và đơn vị có liên quan thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, xử lý kịp thời các vướng mắc liên quan nhằm đảm bảo tiến độ bàn giao mặt bằng, sớm thi công các dự án.

Trong bối cảnh thu hút đầu tư gặp nhiều khó khăn, với tiềm năng và lợi thế cạnh tranh, Tỉnh chủ động thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ thông qua việc hỗ trợ cho các nhà đầu tư có dự án đã được cấp phép triển khai thực hiện dự án và ổn định sản xuất kinh doanh. Từ đó, mở rộng đầu tư, tạo hiệu ứng lan tỏa thông tin thu hút các nhà đầu tư mới.

Đối với Tư Nghĩa, huyện tiếp tục đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư, huy động các nguồn lực trong và ngoài ngân sách nhằm phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại. Cùng với đó, nâng cấp các đô thị hiện hữu để hoàn chỉnh diện mạo đô thị trung tâm một cách bài bản, cũng như mở rộng không gian phát triển mới dựa trên thế mạnh, đặc điểm của từng địa phương.

Định kỳ 05 năm Hội đồng nhân dân huyện ban hành Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn trên địa bàn huyện và được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của huyện. Huyện đã đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ và đô thị; lấy phát triển thương mại, công nghiệp dịch vụ hậu cần dẫn dắt, làm động lực cho phát triển đô thị và hỗ trợ phát triển nông nghiệp. Khuyến khích huy động nguồn lực ngoài ngân sách để phát triển cơ sở hạ tầng hỗ trợ phát triển CCN.

Huyện đẩy nhanh tiến độ các dự án, công trình trên địa bàn qua việc tiến hành nhanh công tác thẩm định, bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án, đảm bảo các dự án được thực hiện đúng tiến độ, thời gian quy định. Nhiều dự án nâng cao cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư như dự án tuyến đường huyết mạch tới Dung Quất, Bình Định; dự án di dân để tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư; đẩy mạnh phát triển làng nghề, trùng tu di tích lịch sử để phát triển du lịch, dịch vụ. Thực hiện tốt công tác môi trường: phê duyệt và tiến hành dự án Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ để phục vụ các ngành công nghiệp, thu hút đầu tư.

Ngoài ra, huyện Tư Nghĩa còn chủ động thực hiện cải cách hành chính; rà soát, bổ sung các quy hoạch có chất lượng, tầm nhìn; huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng, nhất là hạ tầng tại Cụm công nghiệp La Hà; hạ tầng du lịch. Nâng cao chất lượng, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2.2. Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất:

Huyện Tư Nghĩa hiện có 6 nhóm đất chính: đất phù sa, đất đỏ vàng, đất bạc màu, đất nhiễm mặn, đất cát, đất xám. Chất lượng đất của huyện Tư Nghĩa thuộc loại trung bình. Đất có chất lượng tốt là các nhóm đất phù sa và đất đỏ vàng. Chất lượng trung bình là nhóm đất xám. Chất lượng kém là nhóm đất cát biển, đất nhiễm mặn, và đất bạc màu. Do vậy, quan trọng nhất là hai loại đất phù sa và đất đỏ vàng.

Với nguồn nước mặt khá dồi dào, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và phục vụ đời sống. Nguồn nước mặt được cung cấp bởi hệ thống các sông Trà Khúc, sông Vệ, sông Bàu Giang, sông Cây Búra và các suối Đá Sơn và suối Tó chảy qua. Nguồn nước ngầm của huyện khá dồi dào, nằm ở độ sâu từ 2 - 4m, khai thác, sử dụng dễ dàng và thuận tiện.

Ngoài ra, Tư Nghĩa còn có điểm nước khoáng nóng Nghĩa Thuận, với tổng độ khoáng hóa 713mg/l, lưu lượng 20l/s, có triển vọng khai thác nước khoáng quy mô công nghiệp, triển vọng với ngành du lịch, và sản xuất điện địa nhiệt.

Về triển vọng xây dựng nhà máy điện địa nhiệt thì khu vực nước khoáng nóng thuộc xã Nghĩa Thuận được đánh giá là có nhiều tiềm năng và triển vọng đứng thứ hai sau Thạch Trụ thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

PHẦN III:
PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT THEO CÁC NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI LIÊN QUAN ĐẾN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật đất đai có liên quan đến điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

3.1.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai:

a) Tình hình thực hiện các văn bản của Trung Ương:

Trong những năm qua, cùng với việc triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Đất đai năm 2013, các văn bản hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương; được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, HĐND và UBND huyện, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, UBND các xã, thị trấn nên công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện Tư Nghĩa đã có nhiều chuyển biến tích cực, tiềm năng đất đai được khai thác và phát huy có hiệu quả, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

b) Tình hình thực hiện các văn bản tỉnh:

Trên cơ sở quy định của Trung Ương, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành nhiều văn bản hướng dẫn tổ chức thi hành Luật Đất đai, các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Nội dung các văn bản đã tập trung vào các vấn đề bức xúc của huyện như cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quy định giá đất; về giao đất và thu tiền sử dụng đất; về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất... Các văn bản đã ban hành từng bước cụ thể hóa Luật Đất đai, tạo hành lang pháp lý để huyện thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai, góp phần đưa công tác quản lý đất đai ở địa phương từng bước đi vào nề nếp, đúng pháp luật.

Quá trình triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn có liên quan, UBND huyện đã có nhiều văn bản đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét hướng dẫn giải quyết đối với các vướng mắc; chỉ đạo các phòng, ban đơn vị và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện để xử lý, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh ở địa phương. Nhìn chung, công tác ban hành văn bản của UBND huyện chủ yếu để giải quyết các vướng mắc từ thực tế của địa phương, không trái với các quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn, góp phần đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn đi vào nề nếp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

3.1.2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, hợp tác quốc tế trong quản lý, sử dụng đất đai:

Triển khai thi hành chính sách, pháp luật về đất đai là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác quản lý nhà nước về đất đai của huyện. Từ năm 2021

đến nay, UBND huyện đã ban hành một số các văn bản triển khai thực hiện trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành các quy chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ về đất đai.

Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai, thực hiện các chính sách, pháp luật về đất đai đến các phòng, ban và UBND các xã, thị trấn bằng nhiều hình thức, phù hợp như: Thông qua các cuộc hội nghị triển khai, phổ biến các văn bản pháp luật mới; thông qua việc lồng ghép vào các buổi sinh hoạt của của các đoàn thể ở xã, thị trấn. Trong đó, tuyên truyền bằng hình thức đài Truyền thanh của huyện và hệ thống đài truyền thanh ở các xã, thị trấn mang lại hiệu quả cao. Qua đó, cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân đã nắm bắt kịp thời những quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hiểu rõ hơn những quy định của pháp luật về đất đai, từ đó thấy rõ hơn quyền lợi và nghĩa vụ công dân để tự giác chấp hành và thực thi pháp luật về đất đai được tốt hơn. Tuy nhiên, việc triển khai ở một số nơi chưa đạt yêu cầu; công tác phối hợp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật ở một vài địa phương chưa thường xuyên, chưa phù hợp trình độ dân trí, điều kiện thực tế địa phương; đội ngũ tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật ở cấp cơ sở một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu về kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến.

3.1.3. Xác định địa giới đơn vị hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới đơn vị hành chính:

Trên cơ sở Bộ hồ sơ - bản đồ địa giới và mốc địa giới hành chính được thực hiện theo Chỉ thị 364/CT ngày 06/11/1991 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (*nay là Thủ tướng Chính phủ*), Hồ sơ địa giới hành chính theo chỉ thị 364/CT-TTg (tài liệu đã được cập nhật kết quả rà soát, điều chỉnh địa giới hành chính tại công văn số 3641/BNV-CQDP ngày 10/8/2015 của Bộ Nội Vụ là cơ sở pháp lý làm tài liệu để các cấp chính quyền sử dụng thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về địa giới hành chính ở địa phương. Hồ sơ địa giới hành chính giữa các xã, thị trấn trong huyện và các xã giáp ranh thống nhất rõ ràng, xác định bằng các yếu tố địa vật cố định hoặc các điểm mốc giới và được chuyển vẽ lên bản đồ.

Đến nay, đã hoạch định địa giới hành chính cụ thể cho 12 xã, 2 thị trấn. Hồ sơ, kết quả được nộp lưu trữ, quản lý sử dụng theo đúng quy định pháp luật. Theo đó, đất đai được quản lý theo đơn vị hành chính trong toàn huyện gồm 2 thị trấn và 12 xã.

3.1.4. Đo đạc, chỉnh lý, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và các bản đồ chuyên ngành về quản lý, sử dụng đất:

- Công tác khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính:

+ Công tác lập bản đồ địa chính: Toàn bộ 12 xã và 2 thị trấn được đo đạc lập bản đồ địa chính chính quy tỷ lệ 1:1000, 1:2000 (*theo dự án Vlap*). Nhìn chung công tác đo đạc lập bản đồ địa chính đã được triển khai kịp thời, hiệu quả đã góp phần tích cực vào công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất:

+ Công tác lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, theo định kỳ 5 năm 1 lần trên phạm vi toàn huyện. Thực hiện tổng kiểm kê đất đai năm 2019 huyện Tư Nghĩa đã lập được bản đồ hiện trạng sử dụng đất cho cả huyện và 14 xã, thị trấn trong huyện; và trong kỳ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã lập bản đồ hiện trạng năm 2020 của huyện Tư Nghĩa.

+ Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất được xây dựng trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất cùng cấp được duyệt đến năm 2030, hiện nay trên địa bàn huyện đang sử dụng bản đồ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định 1205/QĐ-UBND ngày 02/11/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

3.1.5. Điều tra, đánh giá và bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất đai:

Các dự án có thu hồi đất trồng lúa phải có phương án sử dụng lớp đất mặt thuộc tầng canh tác để cải tạo các vùng trồng lúa kém chất lượng. Bố trí quỹ đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế, an sinh xã hội phải ưu tiên quy hoạch tại những khu vực khả năng canh tác khó khăn, năng suất thấp.

Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp như sinh học, hóa học,... đầu tư thâm canh sử dụng đất theo chiều sâu những khu vực đất có khả năng thoái hóa đất do hạn hán thì trồng cây lâu năm có giá trị kinh tế, thương mại kết hợp với quy trình canh tác đúng kỹ thuật nhằm cải tạo, tăng độ màu mỡ của đất.

Khuyến khích hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo nâng cao độ phì của đất, bảo vệ tầng đất canh tác, ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất.

Tiến hành các giải pháp giảm thiểu sạt lở như điều tra xây dựng giải pháp kỹ thuật, phòng chống sạt lở và ngập lụt những vùng trũng yếu vào mùa mưa.

Có chính sách thỏa đáng tiếp tục khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất. Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai thực tế nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất. Nghiên cứu chuyển giao các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các loại thuốc trừ sâu, hóa chất bảo vệ thực vật.

3.1.6. Lập, điều chỉnh, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

Xác định công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất,... Trong những năm qua, UBND huyện đã tích cực chỉ đạo các đơn vị, địa phương tập trung các nguồn lực đẩy mạnh công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện làm cơ sở cho công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch.

Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện đã tổ chức công bố, công khai trên cổng thông tin điện tử của huyện và niêm yết tại trụ sở UBND huyện, trụ sở UBND các xã, thị trấn; phổ biến pháp luật đất đai ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, ngăn chặn các hiện tượng vi phạm pháp luật đất đai. Chỉ đạo các phòng, ban và UBND các xã, thị trấn thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt. Triển khai thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn các xã, thị trấn. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ đầu tư của các dự án giao đất, thuê đất trên địa bàn huyện để yêu cầu người được thuê đất thực hiện đúng tiến độ đầu tư dự án.

Kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt đã tạo tiền đề cho huyện thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn một cách hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả, đồng thời tăng cường bảo vệ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái. Tạo sự đồng bộ, hạn chế sự chồng chéo trong sử dụng đất giữa các ngành, tạo cơ sở phân bổ nguồn vốn hợp lý, kịp thời để thực hiện một số công trình dự án đã được phê duyệt. Khoanh định, phân bổ đất đai phục vụ yêu cầu của các hoạt động kinh tế - xã hội của huyện, đảm bảo hài hoà giữa các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, giúp cho các ngành, các cấp sử dụng đất hợp lý, hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí đất đai. Cung cấp những thông tin về hiện trạng, tiềm năng và định hướng sử dụng đất cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế, nhằm tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư được thuận lợi hơn.

3.1.7. Giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, công nhận quyền sử dụng đất, trưng dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất:

Công tác giao đất, cho thuê đất trên địa bàn huyện cơ bản được triển khai theo đúng trình tự, thủ tục của các văn bản pháp luật và hướng dẫn của UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường, qua đó phần nào hạn chế và khắc phục được các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất. Đến nay toàn huyện đã cơ bản hoàn thành việc giao đất nông lâm nghiệp cho các hộ nông dân theo đúng quy định.

- Công tác giao đất: Nhìn chung công tác giao đất trên địa bàn huyện trong thời gian qua đã được coi trọng, trình tự, thủ tục hành chính về việc giao đất được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Trong năm 2023, UBND huyện trình hồ sơ giao đất, thuê đất cho 27 công trình, dự án trên địa bàn huyện; trong đó đã có 21 công trình, dự án đã được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất. Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất 54 lô, số tiền 52,672 tỷ đồng và đã cấp GCNQSD đất theo kết quả đấu giá 24 lô. UBND huyện có ý kiến thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất: 8 công trình, dự án; Góp ý chủ trương đầu tư: 7 công trình, dự án cấp tỉnh; 8 công trình, dự án cấp huyện.

- Tình hình cho thuê đất: Việc cho thuê đất đối với các tổ chức có nhu cầu trên địa bàn huyện thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Trong năm 2023 trên địa bàn huyện không có công trình, dự án cho thuê thuộc thẩm quyền của UBND huyện. Trong năm 2023, trên địa bàn huyện cho thuê đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp với diện tích 2,49 ha thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

- Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất: Trong năm 2023, UBND huyện đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định hồ sơ chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp cho các dự án là 61,95 ha (trong đó đất trồng lúa là 26,34 ha) theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được phê duyệt. Đối với đất chuyển mục đích sang đất ở của hộ gia đình cá nhân từ năm 2021 đến nay chờ quy hoạch tỉnh phê duyệt nên chưa có cơ sở thực hiện thủ tục này.

- Thu hồi đất: Công tác thu hồi đất để GPMB xây dựng các công trình, dự án trên địa bàn đã được UBND huyện thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai tại Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

3.1.8. Điều tra, xây dựng bảng giá đất, giá đất cụ thể, quản lý giá đất:

Giá đất trên địa bàn huyện áp dụng theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024). Quyết định số 64/2021/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024) ban hành kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá số 2, Bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2020-2024); Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ sung Bảng giá đất ở kèm theo Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá số 2, Bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2020-2024).

3.1.9. Quản lý tài chính về đất đai:

Công tác quản lý việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với các khoản thu liên quan đến đất theo đúng quy định của pháp luật, các khoản thuế nộp ngân sách Nhà nước từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... được đảm bảo, góp phần ổn định nguồn thu ngân sách của huyện.

3.1.10. Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, trưng dụng đất:

Hàng năm, UBND huyện luôn đề ra kế hoạch về triển khai thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Định kỳ sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết hàng năm việc thực hiện cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để kịp thời kiến nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung. Chỉ đạo các phòng ban phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện thực hiện có hiệu quả trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để giao mặt bằng cho chủ đầu tư thực hiện các dự án, công trình đúng tiến độ, thời gian quy định.

UBND huyện hoàn thành phê duyệt xong 100% diện tích các khu tái định cư phục vụ dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam theo chỉ đạo của UBND tỉnh trước 30/5/2023 theo chỉ đạo của UBND tỉnh (Phê duyệt 08 phương án bồi thường với giá trị 56.548.933.545 đồng); Đến nay, UBND huyện đã phê duyệt 15 phương án với giá trị bồi thường là 179 tỷ đồng (Trong đó, 11 phương án bồi thường, hỗ trợ và 04 phương án tái định cư) với diện tích phê duyệt 34,31/37,79 ha, đạt 91% tổng diện tích đất quy hoạch (xã Nghĩa Điền đã phê duyệt hoàn thành 100%). Diện tích đã chi trả tiền và bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công (25,01/37,79 ha) đạt 69,6%.

Đối với các dự án khác trên địa bàn huyện, đã phê duyệt 13 phương án bồi thường với giá trị 9,1 tỷ đồng.

3.1.11. Phát triển, quản lý và khai thác quỹ đất:

Việc phát triển, quản lý và khai thác quỹ đất tuân theo quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, sử dụng đất đúng mục đích, công khai, minh bạch, hợp lý, hiệu quả và theo quy định của pháp luật; bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ, tái định cư, an sinh xã hội, bố trí đất ở, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư,...

Thông qua các văn bản pháp lý ban hành chỉ đạo về công tác quản lý, khai thác quỹ đất xen kẽ trong khu dân cư trên địa bàn huyện để xây dựng phương án khai thác quỹ đất theo đúng quy định, đề đề xuất UBND huyện thông qua chủ trương, bố trí nguồn vốn đầu tư để thực hiện, tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu ngân sách cho địa phương;

Chỉ đạo công tác kiểm tra, rà soát và xác định số lượng nhà, đất xuống cấp hoặc không còn nhu cầu sử dụng thuộc tài sản công trên địa bàn huyện đưa vào phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công để tránh lãng phí quỹ đất này.

3.1.12. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính; cấp, đính chính, thu hồi, hủy giấy chứng nhận:

Thực hiện Điều 95 của Luật Đất đai, UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tổ chức hướng dẫn hộ gia đình, cá nhân thực hiện đăng ký đất đai đối với các thửa đất chưa đăng ký. Đến nay, hầu hết tất cả các thửa đất đã được đăng ký vào hồ sơ địa chính theo quy định.

- Tình hình quản lý hồ sơ địa chính: Công tác lập, quản lý hồ sơ địa chính, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện trực thuộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi thực hiện. Hồ sơ được lưu trữ theo từng địa bàn xã, thị trấn, từng loại hồ sơ, đánh số hiệu để quản lý, dữ liệu được đưa vào lưu trữ trên máy tính giúp việc tra cứu và tìm kiếm hồ sơ lưu trữ được dễ dàng. Công tác cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện thường xuyên và theo đúng quy định.

Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tính từ năm 2021 đến nay, UBND huyện đã cấp giấy CNQSD đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân. Trong đó:

- Năm 2021 cấp 327 giấy; diện tích: 11,77 ha;
- Năm 2022 cấp 353 giấy; diện tích: 18,08 ha;
- Năm 2023 cấp 13 giấy; diện tích: 0,74 ha.

3.1.13. Thống kê, kiểm kê đất đai:

Công tác thống kê đất đai hàng năm của huyện đã được thực hiện ở cả 2 cấp theo đúng quy định của ngành. Hoàn thành công tác kiểm kê đất đai định kỳ 5 năm vào năm 2014, 2019 và công tác thống kê hàng năm 2021, 2022, 2023. Chất lượng từng bước được nâng cao qua các đợt thống kê, kiểm kê; đồng thời đã hạn chế được sự sai lệch giữa số liệu và bản đồ.

3.1.14. Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai:

Huyện đã tiến hành xây dựng hệ thống thông tin đất đai theo quy định mới của Luật Đất đai năm 2013 và theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT. Qua đó, các kết quả điều tra cơ bản và các dữ liệu, thông tin liên quan về đất đai sẽ được tích hợp trên cổng thông tin điện tử của địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý cũng như khai thác các thông tin về đất đai tại địa phương.

3.1.15. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất:

UBND huyện khuyến khích việc các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân xin giao đất, cho thuê quyền sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn huyện theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong vùng dự án.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh kịp thời những sai phạm đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê quyền sử dụng đất nhằm nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước của cơ quan chức năng và trách nhiệm của người sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê quyền sử dụng đất.

3.1.16. Giải quyết tranh chấp đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai:

Trong thời gian qua, trên địa bàn huyện triển khai nhiều dự án như Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi -Hoài Nhơn thuộc dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021- 2025, Dự án Di dân, tạo quỹ đất sạch để thu hút

đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Tư Nghĩa; Khu dịch vụ đô thị Thiên Phúc (giai đoạn 1+2); Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa,... nên khó tránh khỏi việc tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của công dân, trước tình hình đó Chủ tịch UBND huyện và lãnh đạo các phòng, ban đã trực tiếp đối thoại, vận động nhân dân bị ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải phóng mặt bằng, thu hồi đất và bố trí đất tái định cư đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật được nhân dân đồng tình nên hạn chế phát sinh khiếu nại, tố cáo góp phần làm ổn định tình hình ở địa phương.

Năm 2023, UBND huyện thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo như sau:

Tổng số đơn tiếp nhận: 141 đơn, UBND huyện giải quyết 43 đơn, chuyển cấp có thẩm quyền 98 đơn.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực đất đai đã uốn nắn, nhắc nhở kịp thời đối với các đối tượng vi phạm pháp luật về đất đai; xử lý kiên quyết đối với các trường hợp cố tình vi phạm với các hình thức như thu hồi đất, xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai, từ đó đưa công tác quản lý đất đai tại các địa phương ngày một hiệu quả hơn, ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của các tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất được nâng lên rõ rệt. Các vi phạm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra đất đai đã được xử lý và chấn chỉnh, ngăn chặn các sai phạm; giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai, hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nhiều sai phạm trong quản lý, sử dụng đất đã được giải quyết dứt điểm, bảo vệ được lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; từng bước đưa công tác quản lý nhà nước về đất đai đi vào nề nếp, góp phần quan trọng giữ gìn trật tự, kỷ cương pháp luật, ổn định tình hình chính trị, giữ vững an ninh, trật tự xã hội và phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác tiếp nhận và giải quyết các vụ việc tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai trên địa bàn huyện đạt kết quả khá tốt; trình tự, thủ tục tiếp nhận, thụ lý và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, nội dung giải quyết đảm bảo đúng trọng tâm, trọng điểm, thể hiện tính pháp lý và tính khả thi cao; tình trạng khiếu kiện kéo dài hoặc đông người được hạn chế. Công tác tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của các tổ chức, cá nhân về các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai được xử lý kịp thời, hiệu quả tạo được lòng tin đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng đất.

3.1.17. Cung cấp, quản lý hoạt động dịch vụ công về đất đai: Hiện nay, toàn huyện đã hình thành các trung tâm hoạt động dịch vụ công về đất đai như:

- Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất là cơ quan dịch vụ công có chức năng tổ chức thực hiện đăng ký sử dụng đất và biến động về sử dụng đất, quản lý hồ sơ địa chính và giúp cơ quan Tài nguyên và Môi trường trong việc thực hiện thủ tục hành chính về quản lý, sử dụng đất đai.

- Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng trong trường hợp thu hồi đất sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố mà chưa có dự án đầu tư; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển đi nơi khác trước khi Nhà nước quyết định thu hồi đất; quản lý quỹ đất đã thu hồi và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với diện tích đất được giao quản lý....

Nhìn chung nhờ có các dịch vụ công và triển khai cơ chế một cửa nên các thủ tục về đất đai đã đơn giản hơn, người dân thực hiện các quyền của mình được thuận lợi hơn.

3.1.18. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai:

Trong năm 2023, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản trên địa bàn huyện đối với 09 trường hợp, với số tiền 95.000.000 đồng; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất và trả lại đất đã lấn chiếm; cải tạo, phục hồi môi trường thực hiện các giải pháp đưa khu vực đã khai thác khoáng sản trái phép về trạng thái an toàn theo quy định.

Công tác giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai được UBND huyện quan tâm giải quyết kịp thời thấu tình đạt lý, và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tranh chấp đất đai, những khiếu kiện, tố cáo, kiến nghị của công dân được UBND huyện và UBND các xã, thị trấn giao cho các tổ chức đoàn thể hòa giải từ cơ sở là giải pháp khá thành công vì vậy trong thời gian qua số đơn thư tồn đọng không quá nhiều, ít xảy ra xung đột, việc khiếu kiện đông người hoặc khiếu kiện nhiều lần, khiếu kiện vượt cấp xảy ra thấp. Công tác giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai được duy trì thường xuyên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND huyện theo dõi và kiểm tra việc thực hiện, ngăn ngừa các hành vi sử dụng đất trái phép, trái quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhờ đó phát hiện điều chỉnh cho phù hợp.

Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân và tính phức tạp của đất đai nên tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, việc lấn chiếm đất đai trên địa bàn huyện vẫn còn xảy ra; việc thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện còn nhiều khó khăn.

3.2. Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân:

3.2.1. Những mặt đạt được:

Để làm tốt các công tác quản lý nhà nước về đất đai UBND huyện đã thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý nhà nước, xây dựng đội

ngũ cán bộ công chức có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực để đáp ứng nhiệm vụ theo sự phát triển của địa phương.

Huyện đã chú trọng, tăng cường quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch; kiên quyết xử lý và ngăn chặn tình trạng giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã thực sự trở thành công cụ pháp lý hết sức quan trọng cho quản lý Nhà nước về đất đai; nhất là đối với công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...góp phần quan trọng đưa công tác quản lý đất đai ở địa phương đi vào nề nếp. Đảm bảo được tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp huyện đến cấp xã, thị trấn.

3.2.2. Những tồn tại và nguyên nhân:

- Trong quá trình sử dụng đất, việc quản lý chưa chặt chẽ, nhất là cấp cơ sở đã dẫn đến việc sử dụng đất chưa hợp lý, kém hiệu quả và sai mục đích.

- Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa dẫn đến môi trường đất ngày càng bị ô nhiễm, trong khi công tác đầu tư cho việc xử lý ô nhiễm môi trường chưa được quan tâm đúng mức nên cả trong xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải cần phải được quan tâm đầu tư để nền kinh tế của huyện được phát triển nhanh và bền vững.

- Nhận thức của người dân về các chính sách, Luật đất đai chưa đồng đều, ý thức của người sử dụng chưa cao, chưa chấp hành nghiêm pháp luật đất đai.

Để khắc phục những tồn tại nêu trên cần quan tâm một số vấn đề cơ bản sau:

- Nhà nước cần coi trọng hơn nữa về công tác quản lý, giám sát và tăng cường thanh, kiểm tra, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm đất đai. Mặt khác, cần tuyên truyền phổ biến pháp luật đất đai một cách rộng rãi đến từng người dân, giúp họ có ý thức, trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng đất.

- Cần quy hoạch ổn định diện tích đất sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế trang trại, đồn điền, đổi thửa trên cơ sở phù hợp với tiềm năng đất đai của từng khu vực, thực hiện đầu tư thâm canh theo chiều sâu, sản xuất tập trung, chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý và khoa học, tạo ra sản phẩm hàng hóa theo hướng xuất khẩu.

- Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo chiến lược phát triển dài hạn của huyện; tăng cường sức hút đầu tư phát triển kinh tế, đô thị bằng những chính sách hợp lý cũng như ưu tiên đầu tư vốn cho các công trình, dự án trọng điểm.

PHẦN IV:

PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT 10 NĂM TRƯỚC, KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

4.1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật đất đai và các điều 4, 5, 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP:

Theo số liệu thống kê đất đai tính đến ngày 31/12/2023, diện tích tự nhiên toàn huyện có 20.560,80 ha, bình quân diện tích đất tự nhiên trên đầu người đạt 1.598 m²/người. Quỹ đất tự nhiên của huyện phân bố không đồng đều theo đơn vị hành chính các xã, thị trấn. Đơn vị có diện tích lớn nhất là xã Nghĩa Thắng (3.925,88 ha) và nhỏ nhất là TT Sông Vệ (265,15 ha).

Bảng 3: Diện tích tự nhiên phân theo đơn vị hành chính

Thứ tự	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Toàn huyện	20.560,80	100,00
1	Thị trấn La Hà	466,84	2,27
2	Thị trấn Sông Vệ	265,15	1,29
3	Xã Nghĩa Điền	717,17	3,49
4	Xã Nghĩa Hiệp	1.047,75	5,10
5	Xã Nghĩa Hoà	986,41	4,80
6	Xã Nghĩa Kỳ	2.552,68	12,42
7	Xã Nghĩa Lâm	1.455,97	7,08
8	Xã Nghĩa Mỹ	446,34	2,17
9	Xã Nghĩa Phương	662,03	3,22
10	Xã Nghĩa Sơn	3.790,35	18,43
11	Xã Nghĩa Thắng	3.925,88	19,09
12	Xã Nghĩa Thuận	1.504,16	7,32
13	Xã Nghĩa Thương	1.450,45	7,05
14	Xã Nghĩa Trung	1.289,61	6,27

(Theo số liệu thống kê đất đai đến ngày 31/12/2023)

Trong 20.560,80 ha diện tích đất tự nhiên, bao gồm: Diện tích đất đang được sử dụng vào các mục đích nông nghiệp có 15.684,92 ha (*chiếm 76,29% diện tích đất tự nhiên*), diện tích đất đang được sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp có 4.468,36 ha (*chiếm 21,73% diện tích đất tự nhiên*) và diện tích đất chưa sử dụng là 407,52 ha (*chiếm 1,98% diện tích đất tự nhiên*).

a) Đất nông nghiệp:

Diện tích đất nông nghiệp toàn huyện là 15.684,92 ha, chiếm 76,29% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

Bảng 4: Diện tích, cơ cấu đất nông nghiệp tính đến ngày 31/12/2023

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	15.684,92	100,00
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.048,86	25,81
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	3983,62	25,40
	Đất trồng lúa còn lại	LUK	65,24	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.520,27	28,82
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.052,21	6,71
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.516,80	16,05
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.423,01	21,82
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	435,05	2,77
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	97,50	0,62
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	7,08	0,05
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	19,19	0,12

(Theo số liệu thống kê đất đai đến ngày 31/12/2023)

- Đất trồng lúa: Hiện trạng tính đến ngày 31/12/2023 đất trồng lúa có diện tích 4.048,86 ha, chiếm 25,81% diện tích đất nông nghiệp.

- Đất trồng cây hàng năm: Hiện trạng tính đến ngày 31/12/2023 diện tích đất trồng cây hàng năm trên địa bàn huyện có 4.520,27 ha, chiếm 28,82% diện tích đất nông nghiệp.

- Đất trồng cây lâu năm: Hiện trạng tính đến ngày 31/12/2023 diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn huyện có 1.052,21 ha, chiếm 6,71% diện tích đất nông nghiệp.

- Đất rừng phòng hộ: Hiện trạng tính đến ngày 31/12/2023 diện tích đất rừng phòng hộ trên địa bàn huyện có 2.516,80 ha, chiếm 16,05% diện tích đất nông nghiệp.

- Đất rừng sản xuất: Hiện trạng tính đến ngày 31/12/2023 diện tích đất rừng sản xuất trên địa bàn huyện có 3.423,01 ha, chiếm 21,82% diện tích đất nông nghiệp.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Hiện trạng tính đến ngày 31/12/2023 diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 97,50 ha, chiếm 0,62% diện tích đất nông nghiệp.

- Đất chăn nuôi tập trung: Hiện trạng tính đến ngày 31/12/2023 diện tích đất chăn nuôi tập trung là 7,08 ha, chiếm 0,05% diện tích đất nông nghiệp.

- Đất nông nghiệp khác: Hiện trạng tính đến ngày 31/12/2023 diện tích đất nông nghiệp khác là 19,19 ha, chiếm 0,12% diện tích đất nông nghiệp.

b) Đất phi nông nghiệp:

Diện tích đất phi nông nghiệp của huyện là 4.468,36 ha, chiếm 21,73% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích và cơ cấu các loại đất phi nông nghiệp được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 5: Diện tích, cơ cấu đất phi nông nghiệp tính đến ngày 31/12/2023

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4.468,36	100,00
1.1	Đất ở	OTC	1.242,78	27,81
-	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.100,28	24,62
-	Đất ở tại đô thị	ODT	142,50	3,19
1.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,71	0,26
1.3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	94,58	2,12
-	Đất quốc phòng	CQP	82,47	1,85
-	Đất an ninh	CAN	12,11	0,27
1.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	131,19	2,94
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	15,41	0,34
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	3,19	0,07
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,19	0,09
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	78,23	1,75
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	28,99	0,65
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,18	0,03
1.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	112,82	2,53
1.5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	18,02	0,40
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	18,02	0,40
1.5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	34,87	0,78
1.5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4,05	0,09
1.5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	55,88	1,25
1.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.328,34	29,73
-	Đất công trình giao thông	DGT	776,89	17,39
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	464,64	10,40
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	16,54	0,37
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	23,35	0,52
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	2,00	0,04
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	21,80	0,49

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,44	0,03
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,55	0,01
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,95	0,09
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	17,18	0,38
1.7	Đất tôn giáo	TON	12,56	0,28
1.8	Đất tín ngưỡng	TIN	9,02	0,20
1.9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	582,25	13,03
1.10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	942,77	20,63
-	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	28,54	0,64
-	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	914,23	20,46
1.11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,34	0,01

(Theo số liệu thống kê đất đai đến ngày 31/12/2023)

- Đất ở: Có diện tích 1.242,78 ha, chiếm 27,81% diện tích đất phi nông nghiệp. Bao gồm các loại đất: Đất ở tại nông thôn (1.100,28 ha); Đất ở tại đô thị (142,50 ha).

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Có diện tích 11,71 ha, chiếm 0,26% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất quốc phòng, an ninh: Có diện tích 94,58 ha, chiếm 2,12% diện tích đất phi nông nghiệp. Bao gồm các loại đất: Đất quốc phòng (82,47 ha); Đất an ninh (12,11 ha).

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Có diện tích 131,19 ha, chiếm 2,94% diện tích đất phi nông nghiệp. Bao gồm các loại đất: Đất xây dựng cơ sở văn hóa (15,41 ha); Đất xây dựng cơ sở xã hội (3,19 ha); Đất xây dựng cơ sở y tế (4,19 ha); Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (78,23 ha); Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao (28,99 ha); Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác (1,18 ha).

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Có diện tích 112,82 ha, chiếm 2,52% diện tích đất phi nông nghiệp. Bao gồm các loại đất: Đất cụm công nghiệp (18,02 ha); Đất thương mại, dịch vụ (34,87 ha); Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (4,05 ha); Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (55,88 ha).

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Có diện tích 1.328,34 ha, chiếm 29,73% diện tích đất phi nông nghiệp. Bao gồm các loại đất: Đất công trình giao thông (776,89 ha); Đất công trình thủy lợi (464,64 ha); Đất công trình cấp nước, thoát nước (16,54 ha); Đất công trình phòng, chống thiên tai (23,35 ha); Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên (2,00 ha); Đất công trình xử lý chất thải (21,80 ha); Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (1,44 ha); Đất công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin (0,55 ha);

Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối (3,95 ha); Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng (17,18 ha).

- Đất tôn giáo: Có diện tích 12,56 ha, chiếm 0,28% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất tín ngưỡng: Có diện tích 9,02 ha, chiếm 0,20% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: Có diện tích 582,25 ha, chiếm 13,03% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Có diện tích 921,63 ha, chiếm 20,63% diện tích đất phi nông nghiệp. Bao gồm các loại đất: Đất mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá (28,54 ha); Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối (914,23 ha).

- Đất phi nông nghiệp khác: Có diện tích 0,34 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp.

c. Đất chưa sử dụng:

Diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện đến ngày 31/12/2023 còn khá lớn, với diện tích 407,52 ha, chiếm 1,98% diện tích tự nhiên. Bao gồm các loại đất: Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê (108,12 ha); Đất bằng chưa sử dụng (289,70 ha); Đất đồi núi chưa sử dụng (0,13 ha); Đất có mặt nước chưa sử dụng (9,57 ha).

4.2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật đất đai và các điều 4, 5, 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP:

- Tình hình biến động thời kỳ 2011-2020 đã được báo cáo, đánh giá trong báo cáo thuyết minh tổng hợp được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo quyết định 814/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa.

- Trong đợt điều chỉnh, bổ sung, báo cáo đánh giá bổ sung tình hình biến động đất đai từ năm 2021 đến 31/12/2023, cụ thể như sau:

Bảng 6: Tổng hợp tình hình biến động so với năm 2020

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	Diện tích tính đến ngày 31/12/2023	So với năm 2020	
		Diện tích năm 2020	Tăng(+) giảm(-)
Tổng diện tích tự nhiên	20.560,80	20.560,80	0,00
Đất nông nghiệp	15.684,92	15.804,31	-119,39
Đất trồng lúa	4.048,86	4.100,35	-51,49
Đất chuyên trồng lúa	3.983,62	4.034,43	-50,81
Đất trồng lúa còn lại	65,24	65,92	-0,68

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	Diện tích tính đến ngày 31/12/2023	So với năm 2020	
		Diện tích năm 2020	Tăng(+) giảm(-)
Đất trồng cây hằng năm khác	4520,27	4597,20	-76,93
Đất trồng cây lâu năm	1052,21	1036,00	16,21
Đất rừng phòng hộ	2516,80	2516,80	
Đất rừng đặc dụng			
Đất rừng sản xuất	3423,01	3423,01	
<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	435,05	435,05	
Đất nuôi trồng thủy sản	97,50	98,44	-0,94
Đất chăn nuôi tập trung	7,08	7,08	
Đất làm muối			
Đất nông nghiệp khác	19,19	25,43	-6,24
Đất phi nông nghiệp	4468,36	4346,35	122,01
Đất ở tại nông thôn	1.100,28	1.059,05	41,23
Đất ở tại đô thị	142,50	137,38	5,12
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	11,71	11,45	0,26
Đất quốc phòng	82,47	82,47	
Đất an ninh	12,11	11,60	0,51
Đất xây dựng công trình sự nghiệp	131,19	124,28	6,91
<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>15,41</i>	<i>13,21</i>	<i>2,20</i>
<i>Đất xây dựng cơ sở xã hội</i>	<i>3,19</i>	<i>3,19</i>	
<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>4,19</i>	<i>4,19</i>	
<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>78,23</i>	<i>75,13</i>	<i>3,10</i>
<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao</i>	<i>28,99</i>	<i>27,39</i>	<i>1,60</i>
<i>Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác</i>	<i>1,18</i>	<i>1,18</i>	
Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	112,82	97,90	14,92
<i>Đất khu công nghiệp</i>			
<i>Đất cụm công nghiệp</i>	<i>18,02</i>	<i>16,82</i>	<i>1,20</i>
<i>Đất thương mại, dịch vụ</i>	<i>34,87</i>	<i>19,70</i>	<i>15,17</i>
<i>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</i>	<i>4,05</i>	<i>5,50</i>	<i>-1,45</i>
<i>Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản</i>	<i>55,88</i>	<i>55,88</i>	
Đất sử dụng vào mục đích công cộng	1328,34	1265,79	62,55
<i>Đất công trình giao thông</i>	<i>776,89</i>	<i>744,12</i>	<i>32,78</i>
<i>Đất công trình thủy lợi</i>	<i>464,64</i>	<i>445,36</i>	<i>19,28</i>
<i>Đất công trình cấp nước, thoát nước</i>	<i>16,54</i>	<i>14,45</i>	<i>2,09</i>

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	Diện tích tính đến ngày 31/12/2023	So với năm 2020	
		Diện tích năm 2020	Tăng(+) giảm(-)
<i>Đất công trình phòng, chống thiên tai</i>	23,35	23,35	
<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên</i>	2,00	1,21	0,79
<i>Đất công trình xử lý chất thải</i>	21,80	21,63	0,17
<i>Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng</i>	1,44	1,39	0,05
<i>Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin</i>	0,55	0,47	0,08
<i>Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối</i>	3,95	3,95	
<i>Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng</i>	17,18	9,86	7,32
<i>Đất tôn giáo</i>	12,56	12,52	0,04
<i>Đất tín ngưỡng</i>	9,02	9,36	-0,34
<i>Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt</i>	582,25	587,31	-5,06
<i>Đất có mặt nước chuyên dùng</i>	942,77	946,90	-4,13
<i>Đất phi nông nghiệp khác</i>	0,34	0,34	
Đất chưa sử dụng	407,52	410,13	-2,61

Tổng quỹ đất của huyện đến ngày 31/12/2023 là 20.560,80 ha, diện tích không thay đổi diện tích so với năm 2020.

a) Đất nông nghiệp:

Từ năm 2021 tính đến ngày 31/12/2023 để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và năng suất cây trồng, quỹ đất nông nghiệp trên địa bàn huyện đã được khai thác khá hiệu quả, đáp ứng kịp sự phát triển của nền kinh tế nông nghiệp. Đến nay tổng diện tích đất nông nghiệp 15.684,92 ha, giảm 119,39 ha so với năm 2020.

- Đất trồng lúa: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 4.048,86 ha, giảm 51,49 ha so với năm 2020. Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất khác để thực hiện các công trình: *Cửa hàng xăng dầu Trung Thiên Tâm; Nhà máy sản xuất đường Glucose; Nâng cấp mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa; Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Kỳ; Khu tái định cư đồng Bà Thơi thôn An Hội Nam 2 (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); Khu tái định cư An Hội Bắc 1 (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); ...*

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 4.520,27 ha, giảm 76,93 ha so với năm 2020. Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất khác để thực hiện các công trình: *Hố chôn lấp rác hợp vệ sinh, trồng cây xanh cách ly; Cửa hàng xăng dầu Nghĩa Lâm; Khu tái định cư Thôn 1, xã Nghĩa*

Lâm (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2; Khu tái định cư xã Nghĩa Điền phục vụ GPMB dự án Nâng cấp mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ chùa; Khu tái định cư đồng Bà Thơi thôn An Hội Nam 2 (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); Khu tái định cư An Hội Bắc 1 (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); Khu dân cư xã Nghĩa Thắng (gđ1) (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2; Khu dân cư phía Tây trụ sở Công an huyện Tư Nghĩa; ...

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 1.052,21 ha, tăng 16,21 ha so với năm 2020. Diện tích thực tăng 26,38 ha do cập nhật diện tích đất công ích và các loại đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng theo Chỉ thị số 09/CT-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Đồng thời, diện tích giảm 8,83 ha do chuyển sang các loại đất khác để thực hiện các công trình: *Khu tái định cư An Hội Bắc 1; Khu tái định cư Đồng Bà Thơi (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); Nhà máy sản xuất đường Glucose;...*

- Đất rừng sản xuất: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 3.423,01 ha, diện tích không thay đổi so với năm 2020.

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 2.516,80 ha, diện tích không thay đổi so với năm 2020.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 97,50 ha, giảm 0,94 ha so với năm 2020. Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất khác để thực hiện các công trình: *Khu tái định cư An Hội Bắc 1 (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa;...*

- Đất chăn nuôi tập trung: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 7,08 ha, diện tích không thay đổi so với năm 2020.

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 19,19 ha, giảm 6,24 ha so với năm 2020. Diện tích giảm do cập nhật loại đất, nguồn gốc sử dụng đất của đất công ích và đất nông nghiệp khác do UBND cấp xã quản lý, sử dụng thực hiện theo Chỉ thị 09/CT-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

b) Đất phi nông nghiệp:

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 1.100,28 ha, tăng 41,23 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do hoàn thành các công trình: *Khu tái định cư xã Nghĩa Điền phục vụ GPMB dự án Nâng cấp mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ chùa; Khu tái định cư An Hội Bắc 1 (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); Khu tái định cư Thôn 1, xã Nghĩa Lâm (phục vụ công tác GPMB*

dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2; Khu tái định cư đồng bào Thoi thôn An Hội Nam 2 (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); ...

- Đất ở đô thị: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 142,50 ha, tăng 5,12 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do hoàn thành công trình: Khu dân cư phía Tây trụ sở Công an huyện Tư Nghĩa; Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa; Khu dân cư phía Đông đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ; ...

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 11,71 ha, tăng 0,26 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do hoàn thành công trình: Bảo hiểm xã hội huyện Tư Nghĩa; Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa; ...

- Đất quốc phòng: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 82,47 ha, diện tích không thay đổi so với năm 2020.

- Đất an ninh: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 12,11 ha, tăng 0,51 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do hoàn thành công trình: Công an xã Nghĩa Lâm và cập nhật lại hiện trạng Trại tạm giam tại Nghĩa Kỳ.

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 15,41 ha, tăng 2,20 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do xác định lại loại đất theo Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024.

- Đất xây dựng cơ sở xã hội: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 3,19 ha, diện tích không thay đổi so với năm 2020.

- Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 4,19 ha, diện tích không thay đổi so với năm 2020.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 78,23 ha, tăng 3,10 ha so với năm 2020. Diện tích tăng hoàn thành công trình Trường TH và THCS thị trấn La Hà.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 28,99 ha, tăng 1,60 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do xác định lại loại đất theo Điều 9 Luật Đất đai và các Điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 1,18 ha, diện tích không thay đổi so với năm 2020.

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 18,02 ha, tăng 1,20 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do hoàn thành công trình Khu tiểu thủ công nghiệp, làng nghề lớp bố tập trung tại xã Nghĩa Hòa (Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Nghĩa Hòa để xây dựng khu tiểu thủ công nghiệp, làng nghề lớp bố tập trung tại xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa).

- Đất thương mại dịch vụ: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 34,87 ha, tăng 15,17 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do hoàn thành các công trình: *Cửa hàng xăng dầu Trung Thiên Tâm, Cửa hàng bán lẻ Xăng dầu Petro Dung Quất số 3, Cửa hàng xăng dầu Thiên Long, Cửa hàng xăng dầu Nghĩa Lâm, Khu sinh thái nghỉ dưỡng tắm bùn suối nước nóng Nghĩa Thuận (giai đoạn 1),...*

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 4,05 ha, giảm 1,45 ha so với năm 2020. Diện tích thực giảm 2,49 ha do chuyển mục đích sử dụng đất sang loại đất khác để thực hiện công trình Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa; Thu hồi đất của Công ty Cổ phần Điện huyện Tư Nghĩa; Thu hồi đất đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trà Tân tại công trình Xưởng chế biến lâm sản thị trấn La Hà. Đồng thời, diện tích tăng 1,04 ha do thực hiện công trình *Nhà máy sản xuất đường Glucose, tại xã Nghĩa Lâm.*

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 55,88 ha, diện tích không thay đổi so với năm 2020.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 1.328,34 ha, tăng 62,55 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do hoàn thành các công trình: *Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa; Khu tái định cư xã Nghĩa Điền phục vụ GPMB dự án Nâng cấp mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ chùa; Nâng cấp, Mở rộng tuyến đường phía Tây và phía Nam trường ĐH TCKT; Khu dân cư xã Nghĩa Thắng (gđ1) (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2; Khu tái định cư An Hội Bắc 1 (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); ...*

- Đất tôn giáo: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 12,56 ha, tăng 0,04 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do hoàn thành công trình Chùa Linh Quang.

- Đất tín ngưỡng: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 9,02 ha, giảm 0,34 ha so với năm 2020. Diện tích giảm do chuyển mục đích sang thực hiện công trình Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi – Chợ Chùa và Đình La Hà (Thị trấn La Hà) được xếp hạng thành di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 582,25 ha, giảm 5,06 ha so với năm 2020. Diện tích giảm do chuyển mục đích sang thực hiện công trình Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; Khu tái định cư Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa (phục vụ GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa); Đường Cụm công nghiệp La Hà - Đường huyện ĐH.28; Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa;...

- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao hồ, đầm, phá: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 28,54 ha, tăng 0,96 ha so với năm 2020. Diện tích tăng do thực hiện công trình *Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa.*

- Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 914,23 ha, giảm 5,09 ha so với năm 2020. Diện tích giảm do thực hiện các công trình: *Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa; Khu tái định cư đồng Bà Thoi thôn An Hội Nam 2 (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); ...*

- Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 0,34 ha, diện tích không thay đổi so với năm 2020.

c) Đất chưa sử dụng:

Diện tích tính đến ngày 31/12/2023 là 407,52 ha, giảm 2,61 ha so với năm 2020. Diện tích giảm do thực hiện các công trình: Khu tái định cư Đồng Bà Thoi, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Cầu và đường nối từ Trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến Tư Nghĩa (Cầu Trà Khúc 3); Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương; Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa;...

4.3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của huyện đạt kết quả khá, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển hạ tầng, các cơ sở sản xuất, dịch vụ, mở rộng đô thị, khu dân cư nông thôn. Trong đó:

Đối với nhóm đất nông nghiệp: Đất sản xuất nông nghiệp được sử dụng khá triệt để, hợp lý và hiệu quả, các chỉ tiêu đều giảm thấp hơn so với chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt. Việc chuyển mục đích đất nông nghiệp sử dụng sang các mục đích phi nông nghiệp đạt kết quả chưa cao, một số công trình đang từng bước triển khai thực hiện.

Đối với nhóm đất phi nông nghiệp: Việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới khu dân cư nông thôn và đô thị. Đất phi nông nghiệp được sử dụng đúng yêu cầu mục đích sử dụng, quản lý chặt chẽ việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp, nhất là việc sử dụng đất trồng lúa.

Giải quyết được nhu cầu đất ở cho người dân do dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học hoặc tái định cư khi giải phóng mặt bằng để xây dựng hạ tầng, phát triển kinh tế, tạo điều kiện tốt hơn cho nhân dân an cư lạc nghiệp.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã thực sự trở thành công cụ pháp lý hết sức quan trọng cho quản lý Nhà nước về đất đai; nhất là đối với công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...

Các cấp chính quyền và ngành quản lý đất đai đã chú trọng, tăng cường quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch; kiên quyết xử lý và ngăn chặn tình trạng giao

đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Việc tăng cường quản lý đối với thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần quan trọng đưa công tác quản lý đất đai ở địa phương đi vào nề nếp. Đảm bảo được tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp huyện đến cấp xã, thị trấn.

❖ Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất:

- Kết quả thực hiện quy hoạch giai đoạn 2011-2020: Phần này đã được đánh giá cụ thể trong báo cáo thuyết minh tổng hợp được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo quyết định 814/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa.

- Trong kỳ điều chỉnh này, báo cáo đánh giá bổ sung Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tư Nghĩa từ năm 2021 đến năm 2023, cụ thể như sau:

Tổng số công trình, dự án thực hiện đến năm 2030 huyện Tư Nghĩa đã được phê duyệt tại Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 (điều chỉnh, bổ sung tại các quyết định 887/QĐ-UBND ngày 28/7/2022, 1205/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 là: **357** công trình. Trong đó:

- Công trình, dự án đã thực hiện hoàn thành: 33 công trình;
- Công trình, dự án đang triển khai thực hiện nhưng chưa được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 52 công trình;
- Công trình, dự án chưa thực hiện, chuyển tiếp sang kỳ này thực hiện: 163 công trình;
- Công trình, dự án có thay đổi về tên công trình, diện tích và vị trí, chuyển tiếp sang kỳ này thực hiện: 92 công trình;
- Công trình, dự án loại bỏ: 17 công trình.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước được thể hiện cụ thể tại bảng dưới đây:

Bảng 7: Tổng hợp kết quả thực hiện QHSD đất kỳ trước

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt tại QĐ 1205/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	Kết quả thực hiện	
				Hiện trạng năm 2023	So sánh Tăng (+), giảm (-) ha
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)
	Tổng diện tích tự nhiên		20.560,80	20.560,80	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	13.476,36	15.684,92	2.208,56

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.921,13	4.048,86	1.127,73
-	Đất chuyên trồng lúa	LUC	2.856,60	3.983,62	1.127,02
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK		65,24	65,24
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	3.697,47	4.520,27	822,80
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	808,41	1.052,21	243,80
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.418,96	2.516,80	97,84
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.228,17	3.423,01	194,84
-	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	435,05	435,05	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	46,83	97,5	50,67
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT		7,08	7,08
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	355,39	19,19	-336,2
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.815,94	4.468,36	-2.347,58
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.758,40	1.100,28	-658,12
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	213,10	142,5	-70,6
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,40	11,71	-0,69
2.4	Đất quốc phòng	CQP	112,21	82,47	-29,74
2.5	Đất an ninh	CAN	13,16	12,11	-1,05
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	170,90	131,19	-39,71
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	18,28	15,41	-2,87
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	5,00	3,19	-1,81
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,92	4,19	-5,73
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	98,16	78,23	-19,93
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	37,78	28,99	-8,79
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,76	1,18	-0,58
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	725,72	112,82	-612,9
-	Đất khu công nghiệp	SKK			
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	75,52	18,02	-57,50
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	377,68	34,87	-342,81
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	47,21	4,05	-43,16
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	225,32	55,88	-169,44
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.293,16	1.328,34	-964,82
	Trong đó:				
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.413,65	776,89	-636,76
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	494,69	464,64	-30,05
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT		16,54	16,54
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC		23,35	23,35
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	41,59	2,00	-39,59
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	83,25	21,80	-61,45
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	21,53	1,44	-20,09
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,47	0,55	0,08
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	5,50	3,95	-1,55
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	232,48	17,18	-215,3
2.9	Đất tôn giáo	TON	15,34	12,56	-2,78
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	9,37	9,02	-0,35
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	636,19	582,25	-53,94
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	855,69	942,77	87,08
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,30	0,34	0,04
3	Đất chưa sử dụng	CSD	268,50	407,52	139,02
3.1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT		108,12	108,12
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS		289,70	289,70
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		0,13	0,13
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS			
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS		9,57	9,57

a) Đất nông nghiệp:

Diện tích quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 13.476,36 ha, diện tích đất nông nghiệp thực hiện đến 31/12/2023 là 15.684,92 ha, tăng 2.208,56 ha so với quy hoạch được duyệt. Cụ thể:

- **Đất trồng lúa:** Diện tích thực hiện đến 31/12/2023 là 4.048,86 ha, tăng 1.127,73 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (2.921,13 ha).

Trong kỳ quy hoạch, diện tích đất trồng lúa được phê duyệt giảm 1.178,31 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023, diện tích đất lúa giảm 51,36 ha (đạt 4,36%) để thực hiện các công trình: *Cửa hàng xăng dầu Trung Thiên Tâm; Nhà máy sản xuất đường Glucose; Nâng cấp mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa; Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Kỳ; Khu tái định cư đồng Bà Thơi thôn An Hội Nam 2 (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); Khu tái định cư An Hội Bắc 1 (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa);...*

Nguyên nhân chỉ tiêu đất trồng lúa chưa đạt so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kỳ quy hoạch đã đăng ký chuyển đổi đất trồng lúa sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng chưa thực hiện theo tiến độ như:

+ Một số công trình, dự án đang thực hiện chưa hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nên chưa được cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất: *Thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Mở rộng cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa; Showroom trang trí nội thất và Vật liệu xây dựng Trung Thiên Tâm; Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp Phát Đạt, KDC Tây Bàu Giang (đợt 2); Khu dịch vụ đô thị Thiên Phúc; KDC phía Đông dọc đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ; KDC nông thôn mới Gia An (xã Nghĩa Kỳ); KDC An Hoà (xã Nghĩa Trung); KDC Trung tâm xã Nghĩa Trung; Khu đô thị mới Nam Trường Chinh,...*

+ Một số công trình chưa triển khai thực hiện như: *Tuyến đường từ QL1A đi ven biển, Đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn La Hà (đoạn từ La Hà đến Nghĩa Phương), Đường kết nối từ huyện Bình Sơn đến huyện Tư Nghĩa đoạn qua khu Kinh tế Dung Quất về TP Quảng Ngãi, Nông trại giáo dục TEVA EDUFARM, Trang trại Cà Tang, Khu Thương mại dịch vụ (Cánh đồng Bàu Lá) xã Nghĩa Mỹ,...*

- **Đất trồng cây hằng năm khác:** Diện tích thực hiện đến 31/12/2023 là 4.520,27 ha, tăng 822,80 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (3.697,47 ha).

Trong kỳ quy hoạch, diện tích đất trồng cây hằng năm khác được phê duyệt giảm 785,42 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023, diện tích trồng cây hằng năm giảm 73,57 ha (đạt 9,36%) để thực hiện các công trình: *Khu tái định cư xã Nghĩa Điền phục vụ GPMB dự án Nâng cấp mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ chùa; Khu tái định cư An Hội Bắc 1 (phục vụ GPMB dự án đường bộ*

cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); Khu tái định cư đồng Bà Thơi thôn An Hội Nam 2 (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); Khu tái định cư xã Nghĩa Hòa; Khu tái định cư Thôn 1, xã Nghĩa Lâm (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2; Trường tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa; Nhà máy sản xuất Đường Glucose; Cửa hàng xăng dầu Trung Thiên Tâm; Nghĩa trang nhân dân xã Nghĩa Mỹ;...

Nguyên nhân chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm chưa đạt so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kỳ quy hoạch đã đăng ký chuyển đổi đất trồng cây hàng năm sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng chưa thực hiện theo tiến độ như:

+ Một số công trình, dự án đang thực hiện chưa hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nên chưa được cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất: Thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025); Khu dân cư Kết hợp bệnh viện Đa khoa; Khu đô thị mới Nam Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi (đoạn qua địa phận xã Nghĩa Điền); Khu dân cư chỉnh trang đô thị tổ dân phố 2; Các Khu dân cư dọc đường dẫn Cầu Trà Khúc 3; Khu dân cư dọc đường Cụm Công nghiệp La Hà đi đường ĐH 28; Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Nghĩa Kỳ (mở rộng) qua địa bàn huyện Tư Nghĩa; Khu đô thị sinh thái Coastal Quảng Ngãi;....

+ Một số công trình chưa triển khai thực hiện như: Trang trại rau sạch ven Sông Trà, Trang trại rau sạch Gò Rộng, Mở rộng đường Nghĩa Phương - Nghĩa Trung, Tuyến đường từ QL1A đi ven biển, Đường Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận - Suối Mơ, Đường kết nối từ huyện Bình Sơn đến huyện Tư Nghĩa đoạn qua khu Kinh tế Dung Quất về TP Quảng Ngãi, Đường Cụm CN La Hà đi Nghĩa Thương (Giai đoạn 2 dự kiến nối vào đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh), Kè chống sạt lở Sông Trà; Kè sông Vực Hồng, xã Nghĩa Hòa; Trường TH và THCS Nghĩa Thuận; Mở rộng trường Mầm non thị trấn Sông Vệ; Di tích Trường Lũy; Mở rộng nghĩa trang Nhân dân Gò Gạch (Nghĩa Hiệp); Mở rộng Dinh làng Nghĩa An (xã Nghĩa Điền),...

- **Đất trồng cây lâu năm:** Diện tích thực hiện đến 31/12/2023 1.052,21 ha, tăng 243,80 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (808,41 ha).

Trong kỳ quy hoạch, diện tích đất trồng cây lâu năm được phê duyệt giảm 187,46 ha so với năm 2020. Kết quả thực hiện đến năm 2023, diện tích trồng cây hàng năm giảm 8,96 ha (đạt 4,76%) để thực hiện các công trình: Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị phía Tây cụm CN La Hà; Hồ chứa nước Hồ Tạc; Cầu Sông Cùng, xã Nghĩa Thuận; Nhà máy sản xuất Đường Glucose 0,93 ha; Đường Nghĩa Lâm - Nghĩa Sơn 0,03 ha; Khu tái định cư đồng Bà Thơi thôn An Hội Nam 2 (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa);...

Nguyên nhân chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm chưa đạt so với chỉ tiêu được duyệt là do trong kỳ quy hoạch đã đăng ký chuyển đổi đất trồng cây lâu năm sang các loại đất khác để thực hiện các công trình, dự án nhưng chưa thực hiện theo tiến độ như:

+ Một số công trình, dự án đang thực hiện chưa hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nên chưa được cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất: *Thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, Hoa viên nghĩa trang xã Nghĩa Kỳ, Mở rộng cụm công nghiệp La Hà, Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ,....*

+ Một số công trình chưa triển khai thực hiện như: *Trang trại trồng trọt Tân Bôi, Trang trại Cà Tang, Trang trại Nông nghiệp được liệu sinh thái Thiên Phú, Khu sản xuất kinh doanh xã Nghĩa Thắng, Mở rộng Trường tiểu học Quyết Thắng, Khu TDTT thôn An Đại 3, Di tích Trường Lũy, Nghĩa trang nhân dân xã Nghĩa Thuận, Mở rộng Nghĩa trang Nhân dân Đê Bô Núi Trọc,...*

- Đất rừng phòng hộ:

Diện tích thực hiện đến 31/12/2023 2.516,80 ha, tăng 97,84 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (2.418,96 ha).

Nguyên nhân chỉ tiêu đất rừng phòng hộ chưa đạt so với chỉ tiêu được duyệt là do các công trình, dự án chưa thực hiện xong thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ sang mục đích khác: *Chuyển sang đất rừng sản xuất tại xã Nghĩa Kỳ; Đường vào đường hầm Nghĩa Sơn, hạng mục hầm;...*

- Đất rừng sản xuất:

Diện tích thực hiện đến 31/12/2023 là 3.423,01 ha, tăng 194,84 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (3.228,17 ha).

Nguyên nhân chỉ tiêu đất rừng sản xuất chưa đạt so với chỉ tiêu được duyệt là do các công trình, dự án chưa thực hiện xong thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang mục đích khác: *Trường bắn, thao trường huấn luyện của Ban chỉ huy quân sự huyện Tư Nghĩa; Đường vào đường hầm Nghĩa Sơn; Căn cứ chiến đấu mô phỏng của Ban chỉ huy quân sự huyện Tư Nghĩa; Thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Nghĩa Trang nhân dân xã Nghĩa Kỳ;...*

- Đất nuôi trồng thủy sản:

Diện tích thực hiện đến 31/12/2023 là 97,50 ha, tăng 50,67 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (46,83 ha).

Nguyên nhân chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản chưa đạt so với chỉ tiêu được duyệt là do các công trình, dự án chưa thực hiện xong thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản sang mục đích khác: *Khu đô thị sinh thái Coastal Quảng Ngãi; Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Bãi Dừa,...*

- Đất chăn nuôi tập trung:

Diện tích thực hiện đến 31/12/2023 là 7,08 ha. Trong kỳ quy hoạch, diện tích đất chăn nuôi tập trung không thay đổi so với năm 2020.

- Đất nông nghiệp khác:

Diện tích thực hiện đến 31/12/2023 là 19,19 ha, giảm 336,20 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (355,39 ha).

Diện tích giảm là do chưa thực hiện xong các công trình: *Nông trại giáo dục TEVA EDUFARM, Trang trại Nông nghiệp được liệu sinh thái Thiên Phú, Trang trại Hóc Đảnh, Trang trại Cà Tang, Trang trại rau sạch ven Sông Trà, Trang trại nông nghiệp xã Nghĩa Thắng, Trang trại nông nghiệp Mỹ Thạnh Nam, Trang trại Bãi Kiếng Nghĩa Hoà,*

b) Đất phi nông nghiệp:

Diện tích quy hoạch sử dụng đất được duyệt là 6.815,94 ha, diện tích đất phi nông nghiệp thực hiện đến 31/12/2023 là 4.468,36 ha, giảm 2.347,58 ha so với quy hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 1.758,40 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 1.100,28 ha, giảm 658,12 ha.

Trong giai đoạn 2021-2023 đã thực hiện hoàn thành một số công trình: *Khu tái định cư Thôn 1, xã Nghĩa Lâm (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2; Khu tái định cư đồng Bà Thơi (dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); Khu tái định cư An Hội Bắc 1 (dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); TĐC phục vụ dự án đường Quảng Ngãi - Chợ Chùa; KDC dọc đường Cụm công nghiệp La Hà - Nghĩa Thương; Khu dân cư số 3 - Gò Bằng; ...*

Nguyên nhân giảm là do nhiều công trình dự án chưa thực hiện hoặc đang thực hiện như:

+ Một số công trình đang thực hiện: *Hệ thống hạ tầng khu dân cư trục đường Bàu Giang - Cầu mới; Khu đô thị mới Nam Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi (đoạn qua địa phận xã Nghĩa Điền); Chính trang khu dân cư nông thôn Điện Chánh (đổi tên thành KDC nông thôn mới Điện Chánh Hưng); Chợ xã và Khu dân cư trung tâm xã Nghĩa Trung; Khu dân cư du lịch suối nước khoáng nóng Nghĩa Thuận; Khu dân cư nông thôn mới An Hòa, huyện Tư Nghĩa; Khu dân cư Gia An; ...*

+ Một số công trình chưa thực hiện: *Khu TĐC xã Nghĩa Thương phục vụ GPMB đường Hoàng Sa - Quốc lộ 1 và đường nối từ Quốc lộ 1 (nút giao đường dẫn cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi) đến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; KDC Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận (xã Nghĩa Kỳ 9,28 ha; xã Nghĩa Thuận 11,86 ha) và một số khu dân cư trên địa bàn huyện chưa thực hiện xong thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, ...* Đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân chưa thực hiện.

- **Đất ở đô thị:** Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 213,10 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 142,50 ha, giảm 70,60 ha.

Trong giai đoạn 2021-2023 đã thực hiện hoàn thành một số công trình: *Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị phía Tây cụm công nghiệp La Hà; Khu dân cư phía Tây trụ sở công an huyện Tư Nghĩa; Khu dân cư Tây Bàu Giang; Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa.*

Nguyên nhân giảm là do nhiều công trình dự án đang thực hiện như: *Khu dân cư Nam Bàu Giang; Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa (đợt 2); Khu dịch vụ đô thị Thiên Phúc (giai đoạn 1+2); Khu dân cư phía Đông đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ (đợt 2) và một số khu dân cư trên địa bàn huyện chưa thực hiện xong thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư,...* Đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân chưa thực hiện.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 12,40 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 11,71 ha, giảm 0,69 ha.

Trong giai đoạn 2021-2023 đã thực hiện hoàn thành một số công trình: *Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa; Trụ sở UBND xã Nghĩa Hòa; Bảo hiểm xã hội huyện Tư Nghĩa.*

Nguyên nhân giảm là do chưa hoàn thành các công trình đang thực hiện như: *Kho bạc nhà nước huyện Tư Nghĩa; Mở rộng Trụ sở Huyện uỷ và một số công trình chưa thực hiện: Trụ sở UBND xã Nghĩa Phương, Trụ sở UBND xã Nghĩa Thuận, Tòa án huyện Tư Nghĩa,*

- **Đất quốc phòng:** Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 112,21 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 82,47 ha, giảm 29,74 ha.

Diện tích giảm là do chưa hoàn thành công trình đang thực hiện: *Trường bắn, thao trường huấn luyện và khu căn cứ hậu cần và các công trình chưa thực hiện: Khu vực căn cứ chiến đấu mô phỏng Nghĩa Phương, Công trình phòng thủ SCH xã Nghĩa Sơn, Căn cứ quân sự và phân căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật xã Nghĩa Thắng,....*

- **Đất an ninh:** Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 13,16 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 12,11 ha, giảm 1,05 ha.

Trong giai đoạn 2021-2023 đã thực hiện hoàn thành công trình: *Nhà làm việc Công an xã Nghĩa Lâm.* Diện tích giảm là do chưa hoàn thành công trình đang thực hiện: *Trụ sở làm việc Công an xã Nghĩa Sơn và một số công trình chưa thực hiện: Trụ sở làm việc Công an xã Nghĩa Thắng, Trụ sở làm việc Công an xã Nghĩa Thuận, Nghĩa Kỳ, Nghĩa Phương, Nghĩa Hoà, Nghĩa Hiệp,*

- **Đất xây dựng công trình sự nghiệp:** Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 170,90 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 131,19 ha, giảm 39,71 ha.

Trong giai đoạn 2021-2023 đã thực hiện hoàn thành một số công trình: Mở rộng trường mầm non Nghĩa Kỳ; Trường tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa; Trường Mầm Non xã Nghĩa Mỹ; Đất văn hoá, thể thao trong các khu dân cư như: Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa; Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị phía Tây cụm công nghiệp La Hà; Khu dân cư phía Tây trụ sở công an huyện Tư Nghĩa; Khu tái định cư Thôn 1, xã Nghĩa Lâm (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2; Khu tái định cư đông Bà Thơi (dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); Khu tái định cư An Hội Bắc 1 (dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); TĐC phục vụ dự án đường Quảng Ngãi - Chợ Chùa; KDC dọc đường Cụm công nghiệp La Hà - Nghĩa Thương,...

Diện tích giảm là do nhiều công trình dự án chưa thực hiện hoặc đang thực hiện như:

+ Một số công trình đang thực hiện: Mở rộng THPT Chu Văn An; Khu thể thao xã Nghĩa Mỹ; Mở rộng NVH thôn 2, Gò Thần, xã Nghĩa Sơn; Nhà văn hoá thôn 6 xã Nghĩa Lâm; Mở rộng NVH An Cư, xã Nghĩa Thắng; Mở rộng NVH thôn An Hòa Bắc, xã Nghĩa Thắng; Đài tưởng niệm xã Nghĩa Thuận; Nhà văn hóa Mỹ Thạnh Đông, xã Nghĩa Thuận; Nhà văn hóa thôn Phú Sơn xã Nghĩa Kỳ; Nhà văn hóa thôn Điền Hoà, xã Nghĩa Điền; Nhà văn hoá và khu thể thao thôn Điền Chánh; Mở rộng nhà văn hóa thôn An Hà 3, xã Nghĩa Trung; Nhà văn hóa thị trấn La Hà; Mở rộng NVH thôn La Hà 1, xã Nghĩa Thương; Bảng tin, cột cờ thôn Vạn An 2; Mở rộng Trung tâm bảo trợ xã hội tại xã Nghĩa Kỳ; Trạm y tế xã Nghĩa Phương; Khu bệnh viện đa khoa xã Nghĩa Thương; Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Lâm; Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Thắng (điểm chính); Mở rộng Trường tiểu học Nghĩa Thắng (An Lạc); Trường TH và THCS Nghĩa Thuận; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe Phương Đông; Mở rộng trường Phan Văn Đường (CS2) Nghĩa Hoà; Trạm kiểm lâm khu Tây;...

- **Đất cụm công nghiệp:** Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 75,52 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 18,02 ha, giảm 57,50 ha.

Diện tích giảm là do chưa hoàn thành công trình đang thực hiện *Mở rộng cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa* và công trình chưa thực hiện: *Cụm công nghiệp An Hội* (do không đảm bảo khoảng cách xây dựng).

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 377,68 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 34,87 ha, giảm 342,81 ha.

Diện tích giảm là do nhiều công trình dự án chưa thực hiện hoặc đang thực hiện như:

+ Một số công trình đang thực hiện chưa xong thủ tục: *Showroom trang trí nội thất và Vật liệu xây dựng Trung Thiên Tâm, Cửa hàng xăng dầu Tư Nghĩa, Cửa hàng xăng dầu Vạn Thịnh, Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp Phát Đạt, Cửa hàng*

xăng dầu Tư Nghĩa, Cửa hàng trưng bày và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp Thành Phát, Cửa hàng xăng dầu Nghĩa Thương,...

+ Một số công trình chưa thực hiện: Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Bãi Dừa, Điểm du lịch sinh thái Hồ Hóc Xoài, Điểm du lịch sinh thái Đầm Sen (Bàu Sen), Điểm du lịch thương mại Bàu Lãng Nghĩa Kỳ, Khu thương mại dịch vụ xã Nghĩa Trung, Khu thương mại dịch vụ thị trấn La Hà, Khu Dịch Vụ - thương mại dọc bờ Nam kè Sông Cây Bứa tại thị trấn Sông Vệ, Khu Thương mại dịch vụ (Cánh đồng Bàu Lá) xã Nghĩa Mỹ, Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Petro Dung Quất 2 và đất thương mại dịch vụ trong các khu dân cư trên địa bàn huyện,...

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 47,21 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 4,05 ha, giảm 43,16 ha.

Diện tích giảm là do chưa thực hiện xong công trình Khu sản xuất kinh doanh xã Nghĩa Thương; Khu sản xuất kinh doanh xã Nghĩa Thắng; Khu sản xuất kinh doanh xã Nghĩa Lâm; Khu sản xuất kinh doanh xã Nghĩa Hiệp; Đất sản xuất kinh doanh Núi Máng xã Nghĩa Phương,....

- **Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:** Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 225,32 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 55,88 ha, giảm 169,44 ha.

Diện tích giảm là do chưa thực hiện xong công trình Mỏ đá Hòn Gai; Mỏ đá Hóc Đành; Mỏ đất Núi Bé, xã Nghĩa Thắng; Mỏ đất Gò Thù, thôn An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ;...

- **Đất sử dụng vào mục đích công cộng** (Bao gồm các loại đất sau: DGT, DTL, DCT, DRA, DKV, DCH, DNL,...): Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 2.293,16 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 1.328,34 ha, giảm 964,82 ha.

Trong giai đoạn 2021-2023 đã thực hiện hoàn thành một số công trình: Cầu Sông cùng, xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa; Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa; Cầu phủ thuộc tuyến đường cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa đi huyện Nghĩa Hành; Nâng cấp, Mở rộng tuyến đường phía Tây và phía Nam trường ĐH TCKT; Đường Cụm công nghiệp La Hà - Nghĩa Thương, huyện Tư Nghĩa; Mở rộng Đường Nghĩa Lâm - Nghĩa Sơn; Tuyến đường nối từ đường ĐT.623B vào khu vực dự án Khu sinh thái, nghỉ dưỡng tắm bùn Suối nước nóng Nghĩa Thuận; Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Đông đi Thu Xà; Nhà lưu niệm Nhà thờ Bích Khê; Hồ chôn lấp rác hợp vệ sinh, trồng cây xanh cách ly; Đất hạ tầng trong các khu dân cư như: Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa; Khu dân cư kết hợp chỉnh trang đô thị phía Tây cụm công nghiệp La Hà; Khu dân cư phía Tây trụ sở công an huyện Tư Nghĩa; Khu tái định cư Thôn 1, xã Nghĩa Lâm (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2; Khu tái định cư đồng Bà Thơi (dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); Khu tái định cư An Hội Bắc 1 (dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 đoạn qua địa bàn huyện Tư Nghĩa); TĐC phục vụ dự án đường Quảng Ngãi - Chợ Chùa; KDC dọc đường Cụm công nghiệp La Hà - Nghĩa Thương;...

Diện tích giảm là do nhiều công trình dự án chưa thực hiện hoặc đang thực hiện như:

+ Một số công trình đang thực hiện: Thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham) giai đoạn 2+3; Đường Nghĩa Thuận Nghĩa Thọ đi nghĩa trang liệt sỹ tỉnh (chiều dài 1200m, mở mới 12m); Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa; Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ.

+ Một số công trình chưa thực hiện: Tuyến đường từ QL1A đi ven biển; Đường kết nối từ huyện Bình Sơn đến huyện Tư Nghĩa đoạn qua khu Kinh tế Dung Quất về TP Quảng Ngãi; Mở rộng Đường từ TL623B (Nghĩa Thắng) đi Quốc lộ 24; Kè sông Bàu Giang, Thị trấn La Hà; Nạo vét tuyến mương tưới, tiêu La Hà - Nghĩa Thương - Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa; Kè sông Vực Hồng, xã Nghĩa Hòa; Mở rộng chợ Nghĩa Kỳ; Chợ xã Nghĩa Trung; Chợ Vạn An, xã Nghĩa Thương;...

- **Đất tôn giáo:** Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 15,34 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 12,56 ha, giảm 2,78 ha. Nguyên nhân giảm là do chưa thực hiện các công trình như: Mở rộng Chùa An Hội; Mở rộng Chùa Huệ Quang; Mở rộng chùa Vạn Bửu.

- **Đất tín ngưỡng:** Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 9,37 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 9,02 ha, giảm 0,35 ha. Nguyên nhân giảm là do chưa thực hiện công trình Mở rộng Đình làng Nghĩa An tại xã Nghĩa Điền.

- **Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt:** Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 636,19 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 582,25 ha, giảm 53,94 ha. Nguyên nhân giảm là do chưa thực hiện các công trình như: Mở rộng Nghĩa trang nhân dân Trảng Đế; Nghĩa trang nhân dân xã Nghĩa Thuận; Nghĩa trang nhân dân xã Nghĩa Kỳ; Mở rộng Nghĩa trang Nhân dân Đề Bô Núi Trọc xã Nghĩa Phương.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 855,69 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 942,77 ha, tăng 87,08 ha. Diện tích tăng là do chưa thực hiện xong các công trình lấy từ loại đất này như: Điểm du lịch thương mại Bàu Lãng xã Nghĩa Kỳ và một số khu dân cư trên địa bàn huyện,

- **Đất phi nông nghiệp khác:** Diện tích theo quy hoạch được duyệt là 0,30 ha. Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 diện tích có 0,3 ha, đạt 100%.

c) Đất chưa sử dụng:

Kết quả thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 407,52 ha, tăng 139,02 ha so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (268,50 ha).

❖ **Kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các nội dung khác có liên quan:**

- Kết quả thu hồi đất giai đoạn 2021-2023, cụ thể như sau:

- + Đất trồng lúa: 117,65 ha;
- + Đất trồng cây hằng năm khác: 80,67 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 7,12 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 3,68 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,75 ha;
- + Đất ở tại nông thôn: 2,82 ha;
- + Đất ở tại đô thị: 0,43 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,35 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1,04 ha;
- + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 4,90 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 6,96 ha;
- + Đất tín ngưỡng: 0,35 ha;
- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 3,70 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: 0,39 ha;
- + Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 11,76 ha;
- + Đất chưa sử dụng: 3,59 ha.

- Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất giai đoạn 2021-2023, cụ thể như sau:

- + Đất trồng lúa: 51,36 ha/1.178,18 ha;
- + Đất trồng cây hằng năm khác: 73,57/785,42 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 8,96 ha/187,46 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,72 ha/31,41 ha;
- + Đất ở tại nông thôn: 0,77 ha;
- + Đất ở tại đô thị: 0,43 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,35 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1,04 ha;
- + Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 2,75 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 4,75 ha;
- + Đất tín ngưỡng: 0,34 ha;

- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 3,47 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: 0,38 ha;
- + Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 10,11 ha;
- + Đất chưa sử dụng: 3,46 ha.

4.4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất:

4.4.1. Hiệu quả về kinh tế:

Qua kết quả đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện Tư Nghĩa cho thấy, việc khai thác và sử dụng tài nguyên đất đai ngày càng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả hơn, cơ bản đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện phù hợp theo xu hướng chung của tỉnh và phù hợp với điều kiện của địa phương theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, có nhiều đóng góp tích cực cho việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Việc chuyển đổi mục đích một bộ phận từ đất nông nghiệp sang các khu đô thị và dân cư đô thị theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt đã làm động lực cho nền kinh tế của huyện tăng trưởng với tốc độ cao, qua đó tạo chuyển biến lớn cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thuận lợi cho phát triển dịch vụ và nông nghiệp. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp.

4.4.2. Hiệu quả về xã hội:

Thu hút hàng ngàn lao động vào phát triển cụm công nghiệp, tạo tiền đề cho phân bố lại lao động theo không gian và theo ngành, góp phần tạo thêm việc làm cho người lao động.

Tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp - nông thôn chuyển dịch cơ cấu lao động sang phi nông nghiệp để tích tụ quy mô đất, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao thu nhập và đời sống của người dân.

Bố trí quỹ đất xây dựng các khu vực tái định cư, di dời các hộ dân có nguy cơ bị ảnh hưởng do quá trình đô thị hóa và các đặc dụng nhằm ổn định đời sống cho người dân.

4.4.3. Hiệu quả về môi trường:

Huyện Tư Nghĩa có môi trường sinh thái đa dạng nhưng do quá trình phát triển kinh tế, xã hội nhanh trong những năm qua, đã dẫn đến việc khai thác sử dụng đất cho các mục đích dân sinh, kinh tế với cường độ ngày càng cao. Trong nông nghiệp việc lạm dụng quá mức thuốc bảo vệ thực vật, phân hóa học làm cho môi trường đất, môi trường nước bị ô nhiễm; quá trình xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, phát triển đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề,... cũng làm suy giảm môi trường. Ở nông thôn và các khu vực miền núi nhiều nơi còn thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh, thiếu các khu vực thu gom, chôn lấp, xử lý rác thải.

4.5. Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục:

4.5.1. Những mặt đạt được:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2023 của huyện cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển hạ tầng, các cơ sở sản xuất, dịch vụ, mở rộng đô thị, khu dân cư nông thôn. Trong đó:

- Đối với nhóm đất nông nghiệp: Đất sản xuất nông nghiệp được sử dụng khá triệt để, hợp lý và hiệu quả, các chỉ tiêu đều thấp hơn so với chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt. Việc chuyển mục đích đất nông nghiệp sử dụng sang các mục đích phi nông nghiệp đạt kết quả chưa cao, một số công trình đang từng bước triển khai thực hiện.

- Đối với nhóm đất phi nông nghiệp: Việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới khu dân cư nông thôn và đô thị. Đất phi nông nghiệp được sử dụng đúng yêu cầu mục đích sử dụng, quản lý chặt chẽ việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp, nhất là việc sử dụng đất trồng lúa.

Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất được duyệt đã thu hút các nhà đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch,... xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Giải quyết được nhu cầu đất ở cho người dân do dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học hoặc tái định cư khi giải phóng mặt bằng để xây dựng hạ tầng, phát triển kinh tế, tạo điều kiện tốt hơn cho nhân dân an cư lạc nghiệp.

Quy hoạch sử dụng đất đã góp phần phát triển ổn định thị trường bất động sản, khai thác tốt hơn nguồn lực đất đai, làm cho việc sử dụng đất đai ngày càng tiết kiệm và đạt được hiệu quả cao. Nguồn thu từ đất trở thành nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách.

4.5.2. Những tồn tại, nguyên nhân:

Đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt là 10 năm (2021-2030): đánh giá trong vòng 03 năm (2021-2023) nên các chỉ tiêu, danh mục công trình đang ở giai đoạn triển khai thực hiện và thu hút đầu tư dẫn đến chỉ tiêu so sánh với quy hoạch được duyệt chưa đầy đủ.

- Quy hoạch sử dụng đất được lập từ những năm 2021, khi tổ chức thực hiện có một số công trình, dự án không còn phù hợp nên loại bỏ khỏi quy hoạch (14 công trình). Nhiều công trình đang tuyến khi đưa vào quy hoạch chỉ là định hướng tuyến, đến khi triển khai thực hiện việc khảo sát, thiết kế cho phù hợp thực tiễn dẫn đến nhiều vị trí chưa phù hợp quy hoạch.

- Do thiếu vốn đầu tư nên nhiều ngành, nhiều lĩnh vực đã không thực hiện theo kế hoạch hoặc thực hiện chậm tiến độ. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến các

chỉ tiêu sử dụng đất không đạt quy hoạch phê duyệt.

- Các nhà đầu tư sau khi được thỏa thuận địa điểm xây dựng công trình còn chậm làm các thủ tục theo quy định để Nhà nước giao đất, cho thuê đất xây dựng công trình, dự án. Nhất là công tác tự thỏa thuận chuyển nhượng còn nhiều bất cập, người sử dụng đất chưa thống nhất nhưng không có cơ chế giải quyết cho phù hợp.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án phát triển kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn do chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng còn bất cập, có một số hộ dân trong vùng dự án chưa đồng thuận nên các cấp chính quyền phải vận động, giải thích, cưỡng chế thu hồi đất, kéo dài thời gian thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất.

- Quy hoạch của các ngành còn hạn chế dẫn đến dự báo nhu cầu sử dụng đất chưa sát đúng với nhu cầu thực tế. Tính đồng bộ, thống nhất giữa quy hoạch chuyên ngành với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa cao.

- Chính sách pháp luật về đất đai, về đầu tư, xây dựng... của Trung ương thường xuyên có sự thay đổi, một số văn bản hướng dẫn còn chậm được ban hành, chồng chéo, chưa rõ ràng và chưa có sự thống nhất giữa Luật Đất đai với Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quy hoạch, Luật Lâm nghiệp,...

- Thủ tục hành chính trong việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất còn phức tạp, nhiều thủ tục.

4.5.3. Bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục:

Trước khi thực hiện quy hoạch, cần huy động mọi nguồn lực từ các cấp, các ngành từ cấp trên đến cấp cơ sở để phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn để xác định nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện sát với thực tiễn, tránh tình trạng quy hoạch tràn lan, không hiệu quả.

Để nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần xác định nhu cầu sử dụng đất trên cơ sở các chỉ tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và môi trường của địa phương.

Quy hoạch sử dụng đất phải đảm bảo nguyên tắc được lập tổng thể đến chi tiết, quy hoạch sử dụng đất của cấp dưới phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của cấp trên và đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch chuyên đề cùng cấp đã được phê duyệt, tránh sự chồng chéo giữa các quy hoạch liên quan dẫn đến không thực hiện được, phải điều chỉnh bổ sung.

Cần phải tăng cường công khai, minh bạch các thông tin về quy hoạch, lấy ý kiến đóng góp của người dân và sự phản biện của các nhà chức năng đối với các đồ án quy hoạch.

Lập phương án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cũng như các phương án khác có liên quan tới lợi ích của người dân đảm bảo thực sự công khai minh bạch.

Cần phải đổi mới công tác lập quy hoạch, nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo hướng tiếp cận phương pháp tiên tiến; quan tâm đến vấn đề kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, có tính đến tác động của biến đổi khí hậu; tạo sự đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng.

PHẦN V:
XÁC ĐỊNH CÁC QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
HUYỆN TƯ NGHĨA

5.1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

Để đảm bảo sử dụng quỹ đất có hiệu quả, ổn định, đáp ứng được mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện thì định hướng sử dụng đất của huyện phải đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, đầy đủ và có hiệu quả cao trên quan điểm cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Quy hoạch sử dụng đất phải đảm bảo đáp ứng được nhu cầu đất của các ngành, để thực hiện định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Đối với huyện Tư Nghĩa, trong nhiều năm tới nông - lâm nghiệp vẫn là ngành kinh tế quan trọng, nên việc bố trí hợp lý cơ cấu diện tích cây trồng, chuyển hướng cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với thị trường, tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp - nông thôn là hướng đi thích hợp.

Là một huyện nằm trong vùng có ý nghĩa quan trọng về mặt an ninh, quốc phòng, phòng chống thiên tai. Vì vậy phải bảo vệ, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn rừng hiện có, tăng cường việc khoanh nuôi, bảo vệ rừng trồng và rừng tái sinh tự nhiên, trồng rừng mới để phủ xanh đất trống đồi trọc, tăng độ che phủ của rừng nhằm bảo vệ, cân bằng môi trường sinh thái, tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, góp phần bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

Quỹ đất phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải ưu tiên cho những ngành có khả năng sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, những ngành nghề truyền thống của địa phương như công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm thủy hải sản, ... và những ngành có tác dụng làm thay đổi nhanh cơ cấu kinh tế, thu hút được nhiều lao động nhưng phải phát triển bền vững.

Ưu tiên đất cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

Sử dụng đất tiết kiệm, không ngừng bảo vệ, cải tạo, làm giàu đất, có mô hình canh tác hợp lý, chống xói mòn, rửa trôi, thoái hoá đất. Điều chỉnh dần và tiến tới dứt điểm những bất hợp lý trong sử dụng đất. Trong khai thác, sử dụng đất đặc biệt quan tâm tới việc bảo vệ môi trường đất để sử dụng ổn định lâu dài và bền vững.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn của huyện phải phù hợp với điều kiện của biến đổi khí hậu, đặc điểm sinh thái các địa phương; tận dụng các cơ hội để phát triển nông nghiệp bền vững.

Duy trì và bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa cần thiết để bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; đất rừng phòng hộ, đất di tích danh thắng nhằm bảo vệ cảnh quan môi trường, đa dạng sinh học và phát triển bền vững.

Đảm bảo hợp lý quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng đô thị, khu dân cư nông thôn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và kết cấu hạ tầng trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đồng thời chủ động phòng tránh, thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu trong tương lai.

5.2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

5.2.1. Mục tiêu sử dụng đất nông nghiệp:

Sản xuất nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất chiếm tỉ trọng lớn trong phát triển kinh tế của huyện thì việc duy trì, bảo vệ quỹ đất nông nghiệp cần được quan tâm hàng đầu trong quá trình khai thác sử dụng đất. Tiếp tục phát huy lợi thế về đất đai, nguồn nước, khí hậu, tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, mở rộng các hình thức hợp tác giữa doanh nghiệp với nông dân; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm cây trồng, vật nuôi, hướng tới sản xuất hàng hóa; phát triển một số cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn huyện; mở rộng thâm canh, đưa giống lúa có chất lượng cao vào sản xuất, xây dựng các vùng sản xuất lúa hàng hóa có thương hiệu gạo đặc sản địa phương. Tập trung cải tạo, thâm canh các cánh đồng lớn.

Tuy nhiên nhu cầu quỹ đất phi nông nghiệp cho thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ của huyện đến năm 2030 rất lớn, dẫn đến quỹ đất nông nghiệp của huyện sẽ bị thu hẹp.

5.2.2. Mục tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp:

Bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới khu dân cư nông thôn và đô thị. Đất phi nông nghiệp được sử dụng đúng yêu cầu mục đích sử dụng, quản lý chặt chẽ việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp, nhất là việc sử dụng đất trồng lúa. Dự án kết nối giao thông các tỉnh: Cao tốc Quảng Ngãi - Quy Nhơn, Tuyến ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh kết nối với các tỉnh Bình Định, Quảng Nam, Kon Tum và nhiều dự án phát triển công nghiệp, thương mại, dịch

vụ sẽ làm chuyển dịch mạnh cơ cấu dân cư, cơ cấu sử dụng đất, nâng cao chất lượng hạ tầng sẽ là một trong những nhân tố chủ đạo đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, tạo điều kiện thuận lợi để hình thành hệ thống đô thị, các khu dân cư tập trung trên địa bàn huyện. Mặt khác, tại các tuyến đường giao thông mới được đầu tư, xây dựng cũng có thể bố trí các khu dân cư mới cho nhân dân địa phương hoặc các hộ tái định cư trên địa bàn.

Giải quyết được nhu cầu đất ở cho người dân do dân số tăng tự nhiên và tăng cơ học hoặc tái định cư khi giải phóng mặt bằng để xây dựng hạ tầng, phát triển kinh tế, tạo điều kiện tốt hơn cho nhân dân an cư lạc nghiệp. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới bảo đảm thực chất bền vững. Các khu dân cư nông thôn hiện có cũng có khả năng tự mở rộng để đáp ứng nhu cầu đất ở cho các hộ phát sinh mới.

Đẩy mạnh phát triển ngành thương mại dịch vụ, đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng ngành thương mại dịch vụ, tạo môi trường thuận lợi cho ngành thương mại dịch vụ phát triển mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Huyện Tư Nghĩa được thiên nhiên ưu đãi, ban tặng nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp, có nền văn hóa truyền thống phong phú, đa dạng, độc đáo, giàu bản sắc, đặc biệt là du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng. Trong giai đoạn tới, ngành du lịch huyện Tư Nghĩa đang định hướng phát triển du lịch văn hoá, tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, du lịch làng nghề.

5.2.3. Mục tiêu sử dụng đất chưa sử dụng:

Khai thác triệt để và sử dụng hiệu quả quỹ đất, đặc biệt là khai hoang phục hoá quỹ đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là mục tiêu quan trọng hàng đầu của huyện trong thời gian qua và trong tương lai.

Phần VI:
DỰ BÁO XU THẾ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRONG
KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
HUYỆN TƯ NGHĨA

6.1. Dự báo các yếu tố tác động đến xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất:

a) Dự báo về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên:

Khí hậu là một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng lớn đến việc sử dụng tài nguyên đất. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến sử dụng đất nông nghiệp, đất ở, các công trình và giá trị đất đai. Ngược lại, việc sử dụng đất đai cũng có ảnh hưởng đối với sự thay đổi các yếu tố khí hậu. Vì vậy cần tích hợp yếu tố biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Cụ thể, có các hoạt động chính: sử dụng dữ liệu có liên quan đến khí hậu; đánh giá tiềm năng đất đai và các rủi ro do biến đổi khí hậu có thể gây ra; đánh giá về mặt môi trường đối với các phương án quy hoạch nhằm xem xét các tác động của phương án quy hoạch tới khí hậu và ngược lại; đánh giá nhu cầu bố trí đất đai cho các công trình sản xuất năng lượng tái tạo.

Tư Nghĩa là huyện đồng bằng, nằm giữa lưu vực hai con sông lớn trong tỉnh là sông Trà Khúc và Sông Vệ, địa hình phức tạp, thấp dần từ Tây sang Đông. Vì vậy, hàng năm, huyện thường xuyên chịu các đợt thiên tai như: bão, lũ, lũ lụt, hạn hán, sạt lở bờ sông, sạt lở núi... Trước tình hình biến đổi khí hậu bất thường đang xảy ra như hiện nay, dự báo tần suất và cường độ thiên tai sẽ ngày càng gia tăng. Chính vì vậy, huyện Tư Nghĩa cần chủ động xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai nhằm giảm nhẹ thiên tai, giảm thiểu những tác động xấu của thiên tai đến đời sống của nhân dân trong huyện.

b) Dự báo về kinh tế - xã hội:

- Giai đoạn đến năm 2025:

+ Tốc độ tăng trưởng trung bình của Nông, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS) > 3%/năm, của Công nghiệp (CN) > 8%/năm, của Dịch vụ (DV) > 8%/năm. Đến năm 2025, tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 69-70%;

+ Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp trong tổng số lao động trong xã hội khoảng 35-37%.

- Giai đoạn 2026 - 2030:

+ Tốc độ tăng trưởng trung bình của Nông, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS) > 5%/năm, của Công nghiệp (CN) > 10%/năm, của Dịch vụ (DV) > 12%/năm.

+ Đến năm 2030, tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 75-76%.

+ Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp trong tổng số lao động trong xã hội khoảng 28-30%.

Dự báo đến năm 2030: Dân số toàn huyện khoảng 130 ngàn người nếu giữ tốc độ tăng dân số hiện tại là 0,6%.

c) Dự báo về kết quả điều tra đánh giá chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, tiềm năng đất đai:

Sử dụng kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; điều tra đánh giá thoái hóa đất, ô nhiễm đất để huyện xây dựng phương án quy hoạch, kế hoạch, đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với chất lượng đất; phương án cải tạo đất bị ô nhiễm nhằm cân bằng dinh dưỡng, tăng độ phì cho đất, bảo vệ, cải tạo đất, phòng chống suy thoái đất,...

d) Dự báo về quốc phòng, an ninh:

Củng cố vững chắc quốc phòng an ninh; nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để trở thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tập trung giải quyết hiệu quả các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài. Đảm bảo môi trường thuận lợi, an toàn cho các hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân. Xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện căn cứ chiến đấu mô phỏng, xây dựng nhà làm việc công an tại các xã, củng cố và nâng cao chất lượng các lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên.

đ) Dự báo tác động của biến đổi khí hậu và các yếu tố khác có liên quan:

Dưới tác động của biến đổi khí hậu như mưa, bão, lũ lụt, lốc xoáy, nắng nóng, hạn hán,... gây ra thời tiết cực đoan trên địa bàn huyện, gây ảnh hưởng đến chất lượng của công trình và cơ sở hạ tầng, hệ thống cấp thoát nước vào mùa mưa còn hạn chế. Tình trạng sạt lở dọc các bờ sông tại các khu vực sông Vệ, sông Phước Giang, sông Cây Bứa, sông Phủ,..., sạt lở núi làm cho diện tích đất các khu vực ven sông, triền núi ngày càng thu hẹp. Do đó, huyện cần xây dựng đê kè dọc sông, các đập ngăn chặn sự xâm nhập mặn, kè chống sạt lở núi.

6.2. Dự báo xu thế chuyển dịch đất đai của huyện, gồm: các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật đất đai và các điều 4, 5, 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP:

Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhu cầu dành một phần quỹ đất cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các khu công nghiệp và đô thị... ngày càng gia tăng mạnh. Vì vậy diện tích nhóm đất phi nông nghiệp trên cả nước có mức tăng trưởng tương đối nhanh, liên tục và tuyến tính trong vòng một thập niên qua là phù hợp thực tế kinh tế xã hội Việt Nam đang ngày càng phát triển.

Trong những năm qua, quá trình đô thị hóa diễn ra tốc độ nhanh và phong trào xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh. Để đáp ứng nhu cầu nhà ở, diện

tích đất ở trên địa bàn cả nước đã không ngừng được mở rộng, kể cả khu vực đô thị và nông thôn, đặc biệt là diện tích đất ở tại đô thị tăng nhanh. Bên cạnh nhiều đô thị mới hình thành và phát triển; các đô thị hiện hữu từng bước được nâng cấp, cải tạo, mở rộng cả về quy mô đất đai, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Quỹ đất chưa sử dụng có xu hướng giảm mạnh để đảm bảo khai thác và sử dụng tối đa nguồn lực đất đai vào các mục đích khác nhau đảm bảo cho sự phát triển chung cả về kinh tế lẫn xã hội.

6.2.1. Xu thế biến động sử dụng nhóm đất nông nghiệp:

Xu hướng biến động sử dụng đất nông nghiệp của huyện Tư Nghĩa chủ yếu chuyển sang đất phi nông nghiệp; đất công nghiệp dịch vụ, đất đô thị, đất cơ sở hạ tầng; từ đất nông nghiệp quy mô nhỏ sang đất nông nghiệp tập trung...

Đất trồng lúa có khả năng giảm: Việc giảm diện tích đất trồng lúa chủ yếu do thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp (công trình công cộng, phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn hoặc đất sản xuất kinh doanh).

6.2.2. Xu thế biến động nhóm đất phi nông nghiệp:

Diện tích đất phi nông nghiệp sẽ tiếp tục tăng để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế xã hội, phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, đô thị, đảm bảo an ninh quốc phòng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, then chốt.

Cùng với nhu cầu và mục tiêu phát triển kinh tế thì việc hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hệ tầng giao thông là vô cùng quan trọng, đáp ứng nhu cầu trong nước cũng như tạo không gian phát triển, thúc đẩy đầu tư. Khi nền kinh tế đã phát triển, tốc độ đô thị hóa tăng cao thì nhu cầu về phát triển, thụ hưởng văn hóa; nâng cao chất lượng cuộc sống; chăm sóc y tế; giáo dục đào tạo; thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí, cũng vì thế mà tăng cao. Quỹ đất để phục vụ xây dựng hệ thống hạ tầng đáp ứng các nhu cầu này cũng tất yếu tăng theo.

6.2.3. Khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:

UBND huyện có kế hoạch đầu tư, khai hoang, phục hóa, cải tạo đất để đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng. Khai thác triệt để đất chưa sử dụng nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội.

PHẦN VII:

ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT TRONG KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TƯ NGHĨA

7.1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu:

Phương án phát triển, định hướng sử dụng đất của huyện Tư Nghĩa phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan.

Kịch bản phát triển của Tư Nghĩa nằm trong Kịch bản phát triển của Tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó, Tỉnh lựa chọn Phương án phát triển Bền vững cân bằng lợi ích giữa các lĩnh vực được phân bổ theo từng giai đoạn phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương. Trong giai đoạn 2021 - 2030, tiếp tục tập trung phát triển các công nghiệp đang có lợi thế và là đầu tàu mang lại nguồn thu ngân sách cho tỉnh, thu hút nhân lực, hệ sinh thái kinh doanh để phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ. Đầu tư, nâng cao chất lượng về dịch vụ du lịch, nâng cao nguồn nhân lực trong ngành du lịch, phát triển các cơ sở đào tạo chuyên sâu. Ứng dụng công nghệ hiện đại từng bước nhằm nâng cao năng suất và chất lượng ngành nông nghiệp trong tương lai.

Huyện Tư Nghĩa với thế mạnh và tiềm năng sẵn có có thể tập trung vào các mục tiêu sau của Tỉnh: Phát triển nhanh chóng và đồng bộ ngành logistics hiện đại - đóng vai trò là ngành mở neo để giải quyết nhu cầu vận chuyển hàng hóa trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ khác; Tiếp tục mở rộng các ngành công nghiệp chủ đạo theo hướng công nghệ cao và công nghiệp mới (các ngành sản xuất chế biến, năng lượng tái tạo,...); Triển khai toàn diện nhóm ngành dịch vụ tiêu dùng (du lịch, bán lẻ v.v.) phục vụ khu vực và quảng bá thương hiệu Quảng Ngãi và Đẩy mạnh phát triển ngành nông nghiệp xanh và bền vững.

7.2. Định hướng sử dụng đất, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn:

Để đảm bảo sử dụng quỹ đất có hiệu quả, ổn định, đáp ứng được mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện thì định hướng sử dụng đất của huyện phải đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, đầy đủ và có hiệu quả cao trên quan điểm cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tư Nghĩa phải đảm bảo đáp ứng được nhu cầu đất của các ngành, để thực hiện định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030 và những năm tiếp theo đồng bộ với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tư Nghĩa được UBND tỉnh phê duyệt tại

Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 04/7/2023; đồng bộ với Quy hoạch phân khu I.1 tại khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 06/7/2023; đồng bộ với Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn La Hà và vùng phụ cận được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 và các quy hoạch khác có liên quan.

Đối với huyện Tư Nghĩa, trong nhiều năm tới nông - lâm nghiệp vẫn là ngành kinh tế quan trọng, nên việc bố trí hợp lý cơ cấu diện tích cây trồng, chuyển hướng cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với thị trường, tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp - nông thôn là hướng đi thích hợp, phù hợp với điều kiện của biến đổi khí hậu, đặc điểm sinh thái các địa phương; tận dụng các cơ hội để phát triển nông nghiệp bền vững.

Quỹ đất phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải ưu tiên cho những ngành có khả năng sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, những ngành nghề truyền thống của địa phương như công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm, thủy, hải sản, ... và những ngành có tác dụng làm thay đổi nhanh cơ cấu kinh tế, thu hút được nhiều lao động nhưng phải phát triển bền vững. Tiếp tục duy trì phát triển các sản phẩm quan trọng, định hướng phát triển công nghiệp hậu cần (dịch vụ khu bãi, sửa chữa xe động cơ, đóng gói, ghi mã, v.v.) và tiểu thủ công nghiệp. Tiếp tục phát triển các ngành nghề thủ công nghiệp đặc trưng của huyện như sản phẩm từ lớp vỏ phế thải, làm nhang, hàng thủ công mỹ nghệ, kẹo gương. Phát triển xây dựng nhãn hiệu phục vụ thương mại, du lịch, và cung cấp cho các trạm nghỉ.

Phát triển dịch vụ bán buôn, bán lẻ, trên cơ sở huy động các nguồn lực xã hội đầu tư vào hạ tầng thương mại tại các CCN cũng như khu du lịch tiềm năng của huyện; phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ và tập trung vào một số dịch vụ có tiềm năng lợi thế: dịch vụ vận tải, dịch vụ bất động sản, dịch vụ công. Đầu tư hoàn thiện trạm nghỉ chất lượng cao tại Tư Nghĩa để tận dụng thế mạnh hậu cầu, thương mại, và giới thiệu đặc sản của huyện. Phát triển du lịch theo hướng du lịch văn hoá, tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, du lịch làng nghề. Tập trung xây dựng 02 cụm khu du lịch: du lịch văn hoá kết hợp giữa Bãi Dừa và Khu phố cổ Thu Xà và du lịch sinh thái Tam Nghĩa (Nghĩa Thương, nghĩa Phương, Nghĩa Hiệp). Nghiên cứu du lịch tâm linh bằng đường sông đường biển giữa Cửa đại Cổ Lũy và sông Vực Hồng, xã Nghĩa Hòa. Nghiên cứu đăng ký nhãn hiệu cho đặc sản và sản phẩm làng nghề (Bánh kẹo, sản phẩm từ lớp vỏ phế thải, làm nhang, hàng thủ công mỹ nghệ, kẹo gương, don, cá bóng (Nghĩa Hoà), làng hoa (xã Nghĩa Hiệp) v.v. để tạo ra sản phẩm du lịch đặc thù, phát triển du lịch cộng đồng.

Ưu tiên đất cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

Xây dựng thị trấn La Hà, thị trấn Sông Vệ và vùng phụ cận thành “Đô thị ven sông” trở thành một đô thị tích hợp các tính chất sinh thái - thích nghi với

biến đổi khí hậu - thông minh - bền vững với cấu trúc mở, đa trung tâm, là điểm dừng chân lý tưởng cho khách du lịch. Lấy khu vực trung tâm hiện hữu của La Hà làm hạt nhân chủ đạo, trung tâm hiện hữu của Sông Vệ làm hạt nhân hỗ trợ, lấy các con sông làm không gian chủ đạo tạo dựng hình ảnh mới cho đô thị. Về giao thông, lấy trục đường quốc lộ 1A làm trục trung tâm (Trục Bắc Nam), phát triển thêm các trục Đông Tây để hỗ trợ cho vận tải logistics phục vụ công nghiệp chế biến.

Sử dụng đất tiết kiệm, không ngừng bảo vệ, cải tạo, làm giàu đất, có mô hình canh tác hợp lý, chống xói mòn, rửa trôi, thoái hoá đất. Điều chỉnh dần và tiến tới dứt điểm những bất hợp lý trong sử dụng đất. Trong khai thác, sử dụng đất đặc biệt quan tâm tới việc bảo vệ môi trường đất để sử dụng ổn định lâu dài và bền vững.

Duy trì và bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa cần thiết để bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; đất rừng phòng hộ, đất di tích danh thắng nhằm bảo vệ cảnh quan môi trường, đa dạng sinh học và phát triển bền vững.

Đảm bảo hợp lý quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng đô thị, khu dân cư nông thôn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và kết cấu hạ tầng trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đồng thời chủ động phòng tránh, thích ứng và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu trong tương lai.

PHẦN VIII:
XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TƯ NGHĨA

8.1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Các chỉ tiêu về kinh tế:

❖ *Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:*

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 15 - 16%/năm, giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 14 - 15%/năm.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến năm 2030:

+ Công nghiệp - xây dựng : chiếm tỷ trọng 50,5%;

+ Thương mại - dịch vụ : chiếm tỷ trọng 42,0%;

+ Nông, lâm, thủy sản : chiếm tỷ trọng 7,5%.

(Nguồn: Báo cáo Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tư Nghĩa - tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030)

❖ *Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế:*

■ *Sản xuất nông, lâm, thủy sản:*

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Đẩy mạnh phát triển toàn diện nông - lâm - thủy sản theo hướng gắn sản xuất với chế biến và thị trường tiêu thụ. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu mùa vụ cây trồng, vật nuôi phù hợp, có hiệu quả kinh tế cao; đẩy nhanh tiến độ dồn điền đổi thửa, hình thành nhiều cánh đồng lớn, năng suất cao; tập trung đưa các giống lúa mới có năng suất cao vào sản xuất trên diện rộng. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất; đảm bảo thủy lợi; chủ động phòng trừ dịch bệnh, nâng cao năng suất, hiệu quả các loại cây trồng. Chú trọng phát triển vùng rau an toàn, nghề trồng hoa, sinh vật cảnh và các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao.

Đẩy mạnh kỹ thuật vào chăn nuôi. Thành lập mới từ 1-2 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, chế biến thịt gắn với các địa bàn chăn nuôi tập trung, có trang thiết bị hiện đại, đạt yêu cầu phát triển chăn nuôi bằng nhiều hình thức và quy mô phù hợp, khuyến khích chăn nuôi công nghiệp, tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa; ứng dụng khoa học yêu cầu về chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để lây lan, nâng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi.

Tập trung huy động tối đa nguồn lực để đầu tư xây dựng, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí của xã và huyện đạt chuẩn nông thôn mới; phấn đấu đạt xã nông thôn mới kiểu mẫu nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân ở địa phương.

Thực hiện tốt quy hoạch, giao đất, giao rừng cho Nhân dân. Tăng cường quản lý, bảo vệ rừng. Tổ chức khai thác rừng đúng kế hoạch gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện có hiệu quả các dự án trồng rừng, đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng; quan tâm lựa chọn những loài cây đưa vào trồng rừng vừa có tác dụng phòng hộ, vừa có giá trị kinh tế cao. Phát triển mạnh các loại hình nuôi trồng thủy sản với quy mô tập trung gắn với bảo vệ môi trường; đưa các giống mới, công nghệ mới vào nuôi trồng, chú trọng phòng trừ các loại dịch bệnh.

■ *Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:*

Tập trung huy động các nguồn vốn từ các thành phần kinh tế, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ. Tiếp tục xây dựng và phát huy hiệu quả Cụm Công nghiệp La Hà, các điểm công nghiệp và các làng nghề, thu hút nhiều lao động ở địa phương; thực hiện tốt công tác khuyến công, từng bước đổi mới công nghệ, góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường; đồng thời quy hoạch vùng nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; áp dụng linh hoạt cơ chế, chính sách của tỉnh để phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống, ưu tiên các ngành có lợi thế về nguyên liệu, khả năng cạnh tranh, thu hút nhiều lao động như: may, chế biến sản phẩm tại địa phương. Khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới phương thức quản lý để nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp.

■ *Phát triển thương mại, dịch vụ:*

Tập trung phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ và du lịch. Phát triển ngành thương mại, dịch vụ gắn chặt với phát triển các ngành kinh tế khác; khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển ngành thương mại, dịch vụ. Tiếp tục phát huy chợ nông thôn; nâng cấp chợ thị trấn La Hà và thị trấn Sông Vệ thành những trung tâm thương mại của huyện tạo đầu mối giao thương với thành phố Quảng Ngãi và các huyện lân cận. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành thương mại, dịch vụ đa dạng hóa đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh phục vụ tốt việc mua sắm tiêu dùng của Nhân dân trong và ngoài huyện. Đầu tư mới một số điểm du lịch phục vụ tham quan, giải trí; khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ, hỗ trợ trực tiếp cho phát triển công nghiệp, phục vụ dân sinh như tài chính, ngân hàng, viễn thông, giáo dục, y tế...

b) Các chỉ tiêu về xã hội:

Phấn đấu đến năm 2030, giáo dục huyện Tư Nghĩa trở thành đô thị vệ tinh, giảm thiểu áp lực giáo dục cho thành phố Quảng Ngãi. Bố trí mạng lưới trường trung học đảm bảo bán kính phục vụ cho dân cư các khu đô thị. Tăng cường phối hợp giữa các cơ sở giáo dục - đào tạo trong công tác đào tạo nghề và hướng nghiệp cho người lao động; khuyến khích phát triển các loại hình đào tạo, xã hội hóa giáo dục đầu tư xây dựng các trường học.

Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại và bền vững; đẩy mạnh xã hội hóa. Đảm bảo tính hệ thống, liên tục trong hoạt động chuyên môn của từng tuyến

và giữa các tuyến. Phát triển hệ thống y tế theo khu vực dân cư nhằm tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe thuận lợi với chất lượng ngày càng cao.

Phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá - thông tin, xây dựng môi trường văn hóa phong phú, lành mạnh; Xây dựng các thiết chế văn hoá, thể thao đáp ứng nhu cầu của nhân dân trên địa bàn và người lao động từ các địa phương khác làm việc tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn. Tôn tạo các di tích thuộc địa bàn Huyện như Chùa Ông (xã Nghĩa Hòa, Cẩm Ông Nghè (xã Nghĩa Phương), hoàn thiện trang bị thêm sân vận động, các sân thể thao, hồ bơi (bóng chuyền, cầu lông, tennis, sân bóng đá mini,...) tại các trung tâm xã.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp đô thị. Nâng cao đời sống người có công với đất nước, đảm bảo người có công có mức sống cao hơn mức trung bình của người dân cùng địa bàn. Thực hiện giảm nghèo bền vững. Mở rộng mạng lưới an sinh xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; đảm bảo 100% đối tượng bảo trợ xã hội có đủ điều kiện theo quy định được hưởng chính sách trợ giúp xã hội; Đẩy lùi các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy, phân đấu 100% người nghiện có hồ sơ quản lý.

c) Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh:

Củng cố vững chắc quốc phòng an ninh; nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để trở thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tập trung giải quyết hiệu quả các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài. Đảm bảo môi trường thuận lợi, an toàn cho các hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân.

d) Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu:

Các khu vực ven sông Vệ có lưu lượng thoát nước lớn có các giải pháp xây đê bao và thoát nước tốt, giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của lũ lụt với người dân. Các phương án đó là: Xây dựng đê, kè hoặc trồng cây các đoạn sông, suối chảy qua đô thị, khu dân cư để tạo cảnh quan và chống sạt lở, các vị trí xung yếu. Cụ thể các sông: Trà Khúc, sông Vệ, sông La Hà, sông Cây Bứa, sông Bến Lở, sông Vực Hồng; Cải tạo hệ thống sông như xây đê, kè, mở rộng kênh, lòng sông, nạo vét kênh, lòng sông,...

đ) Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng:

Thời gian tới, huyện tiếp tục đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư, huy động các nguồn lực trong và ngoài ngân sách nhằm phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại. Cùng với đó, nâng cấp các đô thị hiện hữu để hoàn chỉnh diện mạo đô thị trung tâm một cách bài bản, cũng như mở rộng không gian phát triển mới dựa trên thế mạnh, đặc điểm của từng địa phương.

Đầu tư phát triển hệ thống đô thị: Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các đô thị: đường giao thông đô thị; cầu; kè; hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống xử lý

nước thải, chất thải; nhà tang lễ, hỏa táng; điện chiếu sáng, cây xanh và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

8.2. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phân theo đơn vị hành chính cấp xã, gồm:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho cấp huyện:

Bảng 8: Chỉ tiêu sử dụng đất cấp Tỉnh phân bổ trên địa bàn huyện
(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Cấp tỉnh phân bổ Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024		Ghi chú
			Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 theo Quyết định 326/QĐ-TTg	Diện tích quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng diện tích		20.560,80	20.560,80	
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	15.583,34	12.497,11	
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	3.943,67	2.607,49	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.943,67	2.607,49	
	Đất chuyên trồng lúa	LUC	3.943,67	2.543,76	
	Đất trồng lúa còn lại	LUK			
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK			
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	935,39	789,10	
3	Đất lâm nghiệp	LNP	5.856,00	5.519,97	
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD			
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.512,75	2.418,96	
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX	3.343,25	3.101,01	
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	435,05	435,05	
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS			
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT			
6	Đất làm muối	LMU			
7	Đất nông nghiệp khác	NKH			

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4.936,69	7.796,20	
1	Đất ở	OTC	1.484,56	2.375,31	
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.260,79	2.162,95	
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	223,77	212,36	
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,05	14,60	
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	113,03	195,24	
3.1	Đất quốc phòng	CQP	99,48	117,44	
3.2	Đất an ninh	CAN	13,55	77,80	
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	135,59	178,88	
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	6,45	9,86	
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH			
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,08	12,36	
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	86,46	100,42	
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	31,84	49,24	
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	4,76	7,00	
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	401,71	827,21	
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	29,73	305,73	
-	Đất khu công nghiệp	SKK		276,00	
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	29,73	29,73	
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	299,30	481,01	
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	72,68	40,47	
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.491,23	2.128,87	
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	941,78	1485,34	
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	470,42	495,41	
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT			
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	7,54	42,04	
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	59,61	83,25	
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	9,38	21,83	
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,50	1,00	

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

7	Đất tôn giáo	TON	18,34	15,35	
8	Đất tín ngưỡng	TIN			
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	615,91	632,55	
10	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	40,77	267,49	
IV	Khu chức năng				
1	Đất khu kinh tế	KKT			
2	Đất đô thị	KDT	731,99	731,99	
3	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	4.879,06	4.879,06	
4	Khu lâm nghiệp	KLN	5.856,00	5.856,00	
5	Khu du lịch	KDL	83,90	83,90	
6	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT			
7	Khu phát triển công nghiệp	KPC	29,73	29,73	
8	Khu đô thị	DTC	35,00	35,00	
9	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	349,80	349,80	
10	Khu dân cư nông thôn	DNT	5.817,89	5.817,89	

❖ **Đất nông nghiệp:**

Diện tích đất nông nghiệp của huyện được tỉnh phân bổ đến năm 2030 theo Quyết định số 326/QĐ-TTg là 15.583,34 ha và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 326/QĐ-TTg là 12.497,11 ha. Trong đó: Đất trồng lúa là 2.607,49 ha; đất trồng cây lâu năm 789,10 ha; đất rừng phòng hộ 2.418,96 ha; đất rừng sản xuất 3.101,01 ha.

❖ **Đất phi nông nghiệp:**

Đáp ứng sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và của huyện Tư Nghĩa nói riêng. Đất phi nông nghiệp của huyện được tỉnh phân bổ đến năm 2030 theo Quyết định số 326/QĐ-TTg là 4.936,69 ha và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 326/QĐ-TTg là 7.796,20 ha. Trong đó: Đất ở tại nông thôn 2.162,95 ha; Đất ở tại đô thị 212,36 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan 14,60 ha; Đất quốc phòng 117,44 ha; Đất an ninh 77,80 ha; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 178,88 ha (Trong đó: Đất xây dựng cơ sở văn hóa 9,86 ha; Đất xây dựng cơ sở y tế 12,36 ha; Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 100,42 ha; Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao 49,24 ha; Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 7,00 ha); Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 827,21 ha (Trong đó: Đất khu công nghiệp 276,00 ha; Đất cụm công nghiệp 29,73 ha; Đất thương mại, dịch vụ 481,01 ha; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 40,47 ha); Đất sử dụng vào mục đích công cộng 2.128,87 ha (Trong đó: Đất công trình giao thông 1.485,34 ha; Đất công trình thủy lợi 495,41 ha; Đất di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên 42,04 ha; Đất công trình xử lý chất thải 83,25 ha; Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng 21,83 ha; Đất công trình hạ tầng

buu chính, viễn thông, công nghệ thông tin 1,00 ha); Đất tôn giáo 15,35 ha; Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 632,55 ha.

❖ **Đất chưa sử dụng:** Diện tích đất chưa sử dụng của huyện được tính phân bổ đến năm 2030 theo Quyết định số 326/QĐ-TTg là 40,77 ha và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 326/QĐ-TTg là 267,49 ha.

b) Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực của huyện:

Dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, thực trạng phát triển của các ngành kinh tế - xã hội, hiện trạng và xu hướng biến động sử dụng đất; căn cứ vào các mục tiêu, định hướng phát triển nền kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2030; trên cơ sở các dự báo, tính toán về nhu cầu, định hướng sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực và tiềm năng đất đai có thể đáp ứng (về số lượng, chất lượng) trên các địa bàn ... Phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đai đến năm 2030 của huyện được xây dựng nhằm đáp ứng các nhu cầu về đất đai (đảm bảo sử dụng tiết kiệm, khoa học, hợp lý và có hiệu quả) cho hiện tại và tương lai để phát triển các ngành kinh tế (với biện pháp ưu tiên phát triển các ngành, các lĩnh vực mũi nhọn, có ưu thế); là cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm; phục vụ cho công tác thống nhất quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện, đáp ứng được các mục tiêu kinh tế - xã hội (đạt hiệu quả đồng bộ cả 3 lợi ích: kinh tế, xã hội và môi trường). Phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đai đến năm 2030 của huyện được xây dựng với tinh thần luôn bám sát và xuyên suốt vấn đề này theo phương châm đón đầu, chuẩn bị sẵn việc đáp ứng các nhu cầu về đất đai khi cần thiết. Với các cơ sở và mục tiêu nêu trên, phương án quy hoạch và phân bổ sử dụng đất đai cụ thể cho từng mục đích sử dụng trên địa bàn huyện đến năm 2030 được xây dựng như sau:

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện đến năm 2030 là: 20.560,80 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp 12.631,86 ha, chiếm 61,43% diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp 7.648,03 ha, chiếm 37,20% diện tích tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng 280,91 ha, chiếm 1,37% diện tích tự nhiên.

❖ **Đất nông nghiệp:**

Trong thời gian tới, ngoài việc đảm bảo một phần lương thực tại chỗ, cần đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hoá, đặc biệt với những cây trồng có lợi thế về thị trường. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển kinh tế trang trại, phát triển cây công nghiệp ngắn, dài ngày và cây lương thực. Ổn định và phát triển vốn rừng, trồng rừng sản xuất vừa gia tăng được vốn rừng, đảm bảo cân bằng sinh thái mà ổn định được đời sống nhân dân, góp phần cải thiện đời sống. Nhu cầu đến năm 2030 đất nông nghiệp có khoảng 12.631,86 ha, chiếm 61,43% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

■ **Đất trồng lúa:** Diện tích đến năm 2030 là 2.607,49 ha; (trong đó diện tích chuyên trồng lúa 2.543,76 ha) phân bổ trên địa bàn xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 0,86 ha, Thị trấn Sông Vệ 27,54 ha, Nghĩa Điền 164,81 ha; Nghĩa

Hiệp 284,13 ha; Nghĩa Hoà 159,19 ha; Nghĩa Kỳ 316,43 ha; Nghĩa Lâm 207,04 ha; Nghĩa Mỹ 126,11 ha; Nghĩa Phương 151,94 ha; Nghĩa Sơn 63,17 ha; Nghĩa Thắng 411,94 ha; Nghĩa Thuận 221,81 ha; Nghĩa Thương 233,87 ha; Nghĩa Trung 238,65 ha.

■ **Đất trồng cây hằng năm khác:** Đến năm 2030 có khoảng 3.233,46 ha, được phân bố trên địa bàn xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 32,48 ha, Thị trấn Sông Vệ 39,54 ha, Nghĩa Điền 182,50 ha; Nghĩa Hiệp 188,15 ha; Nghĩa Hoà 117,75 ha; Nghĩa Kỳ 644,42 ha; Nghĩa Lâm 224,29 ha; Nghĩa Mỹ 127,54 ha; Nghĩa Phương 87,95 ha; Nghĩa Sơn 46,79 ha; Nghĩa Thắng 664,48 ha; Nghĩa Thuận 444,93 ha; Nghĩa Thương 171,28 ha; Nghĩa Trung 261,31 ha.

■ **Đất trồng cây lâu năm:** Diện tích đất trồng cây lâu năm đến năm 2030 là 789,10 ha; phân bố trên địa bàn xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 7,50 ha, Nghĩa Điền 26,27 ha; Nghĩa Hiệp 16,71 ha; Nghĩa Hoà 18,11 ha; Nghĩa Kỳ 145,12 ha; Nghĩa Lâm 146,22 ha; Nghĩa Mỹ 5,46 ha; Nghĩa Phương 25,51 ha; Nghĩa Sơn 64,68 ha; Nghĩa Thắng 195,40 ha; Nghĩa Thuận 126,51 ha; Nghĩa Thương 2,58 ha; Nghĩa Trung 9,03 ha.

■ **Đất lâm nghiệp:** (đất rừng phòng hộ và đất rừng sản xuất).

Trong kỳ quy hoạch tới tiếp tục chăm sóc, bảo vệ vốn rừng hiện có, đẩy mạnh khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp theo mô hình vườn rừng, trang trại theo Quyết định 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Diện tích đất lâm nghiệp đến năm 2030 khoảng 5.654,72 ha phân bố chủ yếu ở các xã miền núi Nghĩa Lâm, Nghĩa Sơn, Nghĩa Thắng, Nghĩa Kỳ.

■ **Đất nuôi trồng thủy sản:** Diện tích đất nuôi trồng thủy sản đến năm 2030 là 16,38 ha; phân bố trên địa bàn các xã như sau: Nghĩa Điền 0,18 ha; Nghĩa Hiệp 0,04 ha; Nghĩa Hoà 8,38 ha; Nghĩa Kỳ 2,87 ha; Nghĩa Lâm 0,61 ha; Nghĩa Mỹ 0,02 ha; Nghĩa Sơn 1,16 ha; Nghĩa Thắng 2,76 ha; Nghĩa Thương 0,36 ha.

■ **Đất chăn nuôi tập trung:** Diện tích đất chăn nuôi tập trung đến năm 2030 là 16,33 ha; phân bố trên địa bàn các xã như sau: Nghĩa Điền 1,97 ha; Nghĩa Kỳ 4,97 ha; Nghĩa Thắng 7,34 ha; Nghĩa Thuận 2,05 ha.

■ **Đất nông nghiệp khác:** Diện tích đất nông nghiệp khác đến năm 2030 là 314,38 ha; phân bố trên địa bàn các xã như sau: Thị trấn La Hà 0,18 ha; Thị trấn Sông Vệ 11,35 ha; Nghĩa Điền 3,27 ha; Nghĩa Hiệp 7,58 ha; Nghĩa Hòa 0,32 ha; Nghĩa Kỳ 57,30 ha; Nghĩa Lâm 24,21 ha; Nghĩa Phương 10,22 ha; Nghĩa Thắng 167,19 ha; Nghĩa Thuận 29,66 ha; Nghĩa Trung 3,10 ha.

❖ **Đất phi nông nghiệp:**

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, giải quyết nhu cầu đất ở, đất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ tập trung, xây dựng cơ sở hạ tầng và các cơ sở, đất phi nông nghiệp có khoảng 7.648,03 ha. Trong đó:

■ **Đất ở nông thôn:** Để đáp ứng nhu cầu về nhà ở trên địa bàn huyện đến năm 2030 diện tích đất ở nông thôn tăng khoảng 2.162,95 ha, được phân bố ở 12 xã: Nghĩa Điền 156,71 ha; Nghĩa Hiệp 158,01 ha; Nghĩa Hoà 220,57 ha; Nghĩa Kỳ 194,31 ha; Nghĩa Lâm 244,58 ha; Nghĩa Mỹ 66,55 ha; Nghĩa Phương 139,16 ha; Nghĩa Sơn 32,33 ha; Nghĩa Thắng 124,65 ha; Nghĩa Thuận 138,55 ha; Nghĩa Thương 400,66 ha; Nghĩa Trung 286,97 ha.

■ **Đất ở đô thị:** Từng bước xây dựng trung tâm kinh tế thương mại phía Nam của huyện đáp ứng yêu cầu công nghiệp thị trấn La Hà xứng tầm là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa của huyện. Phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội để thị trấn Sông Vệ hiện đại hoá trong tương lai. Đến năm 2030 nhu cầu sử dụng đất ở đô thị là 223,77 ha (TT La Hà 158,26 ha, TT Sông Vệ 65,51 ha).

■ **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Tổng hợp rà soát nhu cầu sử dụng đất để làm trụ sở của các phòng ban huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn giai đoạn 2021-2030, quy mô dự kiến xây dựng các công trình được bố trí tăng thêm 4,00 ha để sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở cơ quan cho toàn huyện.

■ **Đất quốc phòng:** Để đáp ứng nhu cầu đất cho các mục đích làm nơi đóng quân của quân đội, đất sử dụng làm căn cứ quân sự, sở chỉ huy, trường bắn, diện tích đất quốc phòng đến năm 2030 tăng khoảng 34,31 ha.

■ **Đất an ninh:** Để đáp ứng nhu cầu sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở Công an, đất an ninh đến năm 2030 tăng thêm khoảng 50,93 ha.

■ **Đất xây dựng công trình sự nghiệp:** Nhu cầu tăng thêm 68,54 ha cho các loại đất để xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, sân thể thao,... để phục vụ nhu cầu dân sinh trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2030; được phân bố trên địa bàn xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 34,77 ha, Thị trấn Sông Vệ 7,04 ha, Nghĩa Điền 6,18 ha; Nghĩa Hiệp 10,27 ha; Nghĩa Hoà 13,55 ha; Nghĩa Kỳ 24,56 ha; Nghĩa Lâm 5,74 ha; Nghĩa Mỹ 4,32 ha; Nghĩa Phương 8,70 ha; Nghĩa Sơn 3,06 ha; Nghĩa Thắng 14,21 ha; Nghĩa Thuận 10,56 ha; Nghĩa Thương 28,82 ha; Nghĩa Trung 14,30 ha.

■ **Đất khu công nghiệp:** Để đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp đô thị đến năm 2030, diện tích đất bố trí cho khu công nghiệp khoảng 276,00 ha.

■ **Đất cụm công nghiệp:** Để bảo đảm đất đai cho việc thu hút đầu tư, nhu cầu bố trí đất để mở rộng cụm công nghiệp La Hà là 8,73 ha (TT La Hà và xã Nghĩa Thương).

■ **Đất thương mại, dịch vụ:** Để đáp ứng nhu cầu phát triển giao thương buôn bán dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng, hình thành trung tâm thương mại của địa phương. Diện tích đất thương mại, dịch vụ đến năm 2030 tăng 467,25 ha.

■ **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Nhu cầu sử dụng đất để bố trí các điểm công nghiệp, các nhà máy sản xuất,... phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, diện tích đến năm 2030 bố trí tăng thêm 23,63 ha trên địa bàn toàn huyện.

■ **Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:** Để đáp ứng nhu cầu phát triển cho hoạt động khoáng sản. Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đến năm 2030 tăng 91,00 ha, chủ yếu phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương về khai thác cát, đá, khai thác làm vật liệu xây dựng.

■ **Đất sử dụng vào mục đích công cộng:** Nhu cầu tăng thêm 1.108,37 ha cho các loại đất để xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, phòng chống thiên tai, đất bãi thải, xử lý chất thải, chợ,... để phục vụ nhu cầu dân sinh trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2030; được phân bố trên địa bàn xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 139,07 ha, Thị trấn Sông Vệ 57,19 ha, Nghĩa Điền 130,96 ha; Nghĩa Hiệp 167,15 ha; Nghĩa Hoà 150,64 ha; Nghĩa Kỳ 369,41 ha; Nghĩa Lâm 135,05 ha; Nghĩa Mỹ 30,16 ha; Nghĩa Phương 88,10 ha; Nghĩa Sơn 42,77 ha; Nghĩa Thắng 228,88 ha; Nghĩa Thuận 180,84 ha; Nghĩa Thương 371,44 ha; Nghĩa Trung 345,05 ha.

■ **Đất tôn giáo:** Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho mục đích tôn giáo trên địa bàn các xã, thị trấn giai đoạn 2021-2030. Diện tích đất tôn giáo đến năm 2030 tăng 2,96 ha.

■ **Đất tín ngưỡng:** Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho mục đích tín ngưỡng trên địa bàn các xã, thị trấn giai đoạn 2021-2030. Diện tích đất tín ngưỡng đến năm 2030 tăng 0,47 ha.

■ **Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt:** Để đáp ứng nhu cầu làm nơi mai táng tập trung, nhà tang lễ, công trình để hỏa táng. Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt đến năm 2030 tăng 90,38 ha.

8.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật đất đai và điều 4, 5, 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó xác định diện tích các loại đất để đảm bảo chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống biểu số liệu, số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo:

Theo Nghị quyết số 1279/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023 - 2025, huyện Tư Nghĩa còn 13 xã, thị trấn kể từ ngày 01/01/2025 (xã Nghĩa Mỹ, Nghĩa Phương và thị trấn Sông Vệ sáp nhập thành xã Nghĩa Phương và thị trấn Sông Vệ). Theo Kế hoạch 192/KH-UBND ngày 11/12/2024 của UBND huyện Tư Nghĩa về kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 1279/NQ-UBTVQH15: hoàn thành bản giao sản phẩm bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính ĐVHC các cấp trong vòng 06 tháng kể từ ngày 01/01/2025. Do vậy, chỉ tiêu sử dụng đất trong kỳ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Tư Nghĩa hiện nay được tổng hợp theo ĐVHC là 14 xã, thị trấn và sẽ được đồng bộ dữ liệu sau khi công tác bản giao sản phẩm bản đồ và hồ sơ địa giới hành chính hoàn thành.

Trên cơ sở định hướng phát triển của các ngành, lĩnh vực của tỉnh Quảng Ngãi (triển khai trên địa bàn huyện Tư Nghĩa); căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

- xã hội của huyện Tư Nghĩa; định hướng phát triển và điều chỉnh, bổ sung nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện; căn cứ vào quỹ đất đai hiện có, nguồn lực thực hiện và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước. Sau khi tổng hợp, cân đối, tính toán trên cơ sở mục tiêu, yêu cầu và nguyên tắc lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất để đề xuất phương án quy hoạch sử dụng đất của huyện đến năm 2030 cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp 12.631,86 ha, chiếm 61,43% diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp 7.648,03 ha, chiếm 37,20% diện tích tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng 280,91 ha, chiếm 1,37% diện tích tự nhiên.

Bảng 9: Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tư Nghĩa

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2023		Cấp tỉnh phân bổ Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 (ha)		Cấp huyện xác định, xác định bổ sung (ha)		Tổng số đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	QHSDD đến năm 2030 theo Quyết định 326/QĐ-TTg	QHSDD đến năm 2030 sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg	So với QHSDD đến năm 2030 theo Quyết định 326/QĐ-TTg	So với QHSDD đến năm 2030 sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)= (6)+(8) hoặc (7)+(9)	(11)
	Tổng diện tích		20.560,80	100,00	20.560,80	20.560,80	0,00	0,00	20.560,80	100,00
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	15.684,92	76,29	15.583,34	12.497,11	-2951,48	134,75	12.631,86	61,43
	Trong đó:									
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.048,86	19,69	3.943,67	2.607,49	-1336,18	0,00	2.607,49	12,68
	Trong đó:									
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	3.983,62	19,38	3.943,67	2.543,76	-1399,91	0,00	2.543,76	12,37
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	65,24	0,32		63,73		63,73	63,73	0,31
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	4.520,27	21,98			3233,46	3233,46	3.233,46	15,73
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.052,21	5,12	935,39	789,1	-146,29	0,00	789,10	3,84
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD								
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.516,80	12,24	2.512,75	2.418,96	22,97	116,76	2.535,72	12,33
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.423,01	16,65	3.343,25	3.101,01	-224,25	17,99	3119	15,17
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	435,05	2,12	435,05	435,05	0,00	0,00	435,05	2,12
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	97,5	0,47			16,38	16,38	16,38	0,08
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	7,08	0,03			16,33	16,33	16,33	0,07
1.9	Đất làm muối	LMU								
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	19,19	0,09			314,38	314,38	314,38	1,53
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4.468,36	21,73	4.936,69	7.796,20	2711,34	-148,17	7.648,03	37,2

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.100,28	5,35	1.260,79	2.162,95	902,16	0,00	2.162,95	10,52
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	142,5	0,69	223,77	212,36	0,00	11,41	223,77	1,09
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,71	0,06	12,05	14,6	0,71	-1,84	12,76	0,06
2.4	Đất quốc phòng	CQP	82,47	0,4	99,48	117,44	17,30	-0,66	116,78	0,57
2.5	Đất an ninh	CAN	12,11	0,06	13,55	77,8	49,49	-14,76	63,04	0,31
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	131,19	0,64	135,59	171,88	50,49	14,20	186,08	0,91
	Trong đó									
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	15,41	0,07	6,45	9,86	11,18	7,77	17,63	0,09
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	3,19	0,02			5,20	5,20	5,2	0,03
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,19	0,02	6,08	12,36	6,28	0,00	12,36	0,06
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	78,23	0,38	86,46	100,42	13,96	0,00	100,42	0,49
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	28,99	0,14	31,84	49,24	17,40	0,00	49,24	0,24
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH								
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT								
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT					0,05	0,05	0,05	
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG								
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,18	0,01				1,18	1,18	0,01
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	112,82	0,55	401,71	827,21	541,05	115,55	942,76	4,59
	Trong đó:									
2.7.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	18,02	0,09	29,73	305,73	273,02	-2,98	302,75	1,47
2.7.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK				276,00	276,00	0,00	276	1,34
2.7.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	18,02	0,09	29,73	29,73	-2,98	-2,98	26,75	0,13
2.7.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT								
2.7.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	34,87	0,17	299,3	481,01	167,95	-13,76	467,25	2,27
2.7.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4,05	0,02	72,68	40,47	-46,80	-14,59	25,88	0,13
2.7.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	55,88	0,27			146,88	146,88	146,88	0,71
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.328,34	6,46	1.767,58	2.462,60	669,13	-25,89	2.436,71	11,85
	Trong đó									
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	776,89	3,78	941,78	1.485,34	543,56	0,00	1.485,34	7,22
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	464,64	2,26	470,42	495,41	-70,91	-95,90	399,51	1,94
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	16,54	0,08			16,80	16,80	16,8	0,08
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	23,35	0,11			95,90	95,90	95,9	0,47
2.8.5	Đất cổ di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	2	0,01	7,54	42,04	26,50	-8,00	34,04	0,17
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	21,8	0,11	59,61	83,25	23,64	0,00	83,25	0,4
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,44	0,01	9,38	21,83	-5,44	-17,89	3,94	0,02
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,55		2,5	1,00	-1,50	0,00	1,00	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,95	0,02			5,16	5,16	5,16	0,03

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	17,18	0,08			311,77	311,77	311,77	1,52
2.9	Đất tôn giáo	TON	12,56	0,06	18,34	15,35	-2,90	0,09	15,44	0,08
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	9,02	0,04			9,26	9,26	9,26	0,05
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	582,25	2,83	615,91	632,55	16,64	0,00	632,55	3,08
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	942,77	4,59			845,59	845,59	845,59	4,11
	Trong đó:									
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	28,54	0,14			12,80	12,80	12,80	0,06
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	914,23	4,45			832,79	832,79	832,79	4,05
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,34				0,34	0,34	0,34	
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	407,52	1,98	40,77	267,49	240,14	13,42	280,91	1,37
3.1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	108,12	0,53			20,92	20,92	20,92	0,1
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	289,7	1,41			250,45	250,45	250,45	1,22
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	0,13				0,13	0,13	0,13	
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS								
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	9,57	0,05			9,41	9,41	9,41	0,05

8.3.1. Đất nông nghiệp:

Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn; tiếp tục hình thành các vùng sản xuất chuyên canh trên cơ sở ứng dụng phát triển nông nghiệp công nghệ cao hiện đại để tạo ra các sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng gắn kết với thị trường; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ; tập trung phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực của huyện; trong đó, ưu tiên các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh như: lúa, bắp, mì, hoa các loại, cây cảnh, một số cây dược liệu, trồng nấm và rau màu các loại; chăn nuôi gà, lợn, bò, trồng keo....

Việc chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ sang mục đích khác được thực hiện theo Khoản 1, Điều 122 Luật Đất đai năm 2024. Ngoài ra, việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác phải tuân theo tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 46 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về quy định chi tiết thi hành một số điều luật Đất đai.

Diện tích đất nông nghiệp đến năm 2030 thông qua tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa là 12.571,82 ha. Tuy nhiên, qua rà soát với bản đồ Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 đã loại bỏ một số công trình không phù hợp với Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia. Do đó, diện tích đất nông nghiệp đến năm 2030 toàn huyện là 12.631,86 ha. tăng 60,04 ha so với số liệu theo Nghị quyết số

34/NQ-HĐND (chiếm 61,43% tổng diện tích đất tự nhiên), giảm 3.053,06 ha so với năm 2023. Trong đó: Thực tăng 36,91 ha được lấy từ đất phi nông nghiệp 29,71 ha và đất chưa sử dụng 7,20 ha. Giảm 3.089,97 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Ngoài ra, còn có sự chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp với diện tích 298,11 ha.

Diện tích đất nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 12.296,84 ha. Trong đó:

a) Đất trồng lúa:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 3.943,67 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 2.607,49 ha, cấp huyện xác định giảm 1.336,18 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và bằng với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đến năm 2030, diện tích đất trồng lúa toàn huyện có 2.607,49 ha, chiếm 20,64% diện tích đất nông nghiệp, giảm 1.441,37 ha so với năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- + Đất nuôi trồng thủy sản 0,42 ha;
- + Đất chăn nuôi tập trung 0,58 ha;
- + Đất nông nghiệp khác 42,10 ha;
- + Đất ở tại nông thôn 410,87 ha;
- + Đất ở tại đô thị 36,76 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 1,36 ha;
- + Đất quốc phòng 1,65 ha;
- + Đất an ninh 2,65 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 36,67 ha;
- + Đất khu công nghiệp 95,14 ha;
- + Đất cụm công nghiệp 1,00 ha;
- + Đất thương mại, dịch vụ 199,53 ha;
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,34 ha;
- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 0,53 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 594,87 ha;
- + Đất tôn giáo 0,59 ha;
- + Đất tín ngưỡng 0,10 ha;

- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 11,30 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 2,50 ha.
- + Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 2,41 ha.

Diện tích đất trồng lúa không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 2.607,49 ha.

b) Đất trồng cây hàng năm khác:

Đất trồng cây hàng năm khác cấp huyện xác định đến năm 2030 có diện tích là 3.233,46 ha, chiếm 25,60% diện tích đất nông nghiệp, giảm 1.441,37 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Diện tích thực tăng 2,80 ha (lấy từ đất chưa sử dụng).
- Diện tích thực giảm 1.289,61 ha do chuyển sang các loại đất sau:
 - + Đất nuôi trồng thủy sản 0,32 ha;
 - + Đất chăn nuôi tập trung 4,33 ha;
 - + Đất nông nghiệp khác 155,73 ha;
 - + Đất ở tại nông thôn 581,93 ha;
 - + Đất ở tại đô thị 40,22 ha;
 - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,06 ha;
 - + Đất quốc phòng 2,76 ha;
 - + Đất an ninh 0,25 ha;
 - + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 19,29 ha;
 - + Đất khu công nghiệp 38,79 ha;
 - + Đất cụm công nghiệp 0,39 ha;
 - + Đất thương mại, dịch vụ 107,54 ha;
 - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 8,03 ha;
 - + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 2,30 ha;
 - + Đất sử dụng cho mục đích công cộng 306,88 ha;
 - + Đất tôn giáo 0,46 ha;
 - + Đất tín ngưỡng 0,17 ha;
 - + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 18,66 ha;
 - + Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,39 ha.;
 - + Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1,11 ha.

Diện tích đất trồng cây hàng năm không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 3.230,66 ha.

c) Đất trồng cây lâu năm:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 935,39 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 789,10 ha, cấp huyện xác định giảm 146,29 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và bằng với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đến năm 2030 diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn toàn huyện có 789,10 ha, chiếm 6,25% diện tích đất nông nghiệp, giảm 263,11 ha so với năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- + Đất chăn nuôi tập trung 6,41 ha;
- + Đất nông nghiệp khác 34,57 ha;
- + Đất ở tại nông thôn 25,36 ha;
- + Đất ở tại đô thị 2,12 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,60 ha;
- + Đất quốc phòng 4,86 ha;
- + Đất an ninh 46,70 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,79 ha;
- + Đất khu công nghiệp 7,97 ha;
- + Đất cụm công nghiệp 0,17 ha;
- + Đất thương mại, dịch vụ 20,09 ha;
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 8,22 ha;
- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 17,59 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 65,87 ha;
- + Đất tín ngưỡng 0,11 ha;
- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 20,50 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,03 ha.
- + Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,15 ha.

Diện tích đất trồng cây lâu năm không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 789,10 ha.

d) Đất rừng phòng hộ:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 2.512,75 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 2.418,96 ha, cấp huyện xác định tăng 22,97 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và tăng 116,76 ha với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Rừng phòng hộ có nhiệm vụ bảo vệ nguồn nước, đất đai, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, điều hoà khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái cho toàn huyện và các vùng lân cận. Biện pháp chủ yếu là bảo vệ diện tích rừng hiện có và chuyển qua khai thác trồng rừng sản xuất theo quy hoạch ba loại rừng.

Diện tích đất rừng phòng hộ đến năm 2030 thông qua tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa là 2.418,96 ha. Tuy nhiên, qua rà soát với bản đồ Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 đã loại bỏ một số công trình lấy từ đất rừng phòng hộ không phù hợp với Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia như: *Di tích trạm y tế núi Đá vách (xã Nghĩa Thắng); Chuyển RPH sang RSX (xã Nghĩa Kỳ); Điểm du lịch xã Nghĩa Sơn*. Do đó, diện tích đất rừng phòng hộ đến năm 2030, toàn huyện có 2.535,72 ha, tăng 116,76 ha so với số liệu theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND, (chiếm 20,07% diện tích đất nông nghiệp), tăng 18,92 ha so với năm 2023. Trong đó, diện tích thực tăng 21,51 ha do quy hoạch đất rừng phòng hộ tại xã Nghĩa Hoà. Ngoài ra, diện tích thực giảm 2,59 ha do chuyển sang đất quốc phòng 2,12 ha (Công trình phòng thủ SCH xã Nghĩa Sơn); đất công trình giao thông 0,47 ha (Đường vào Đường hầm Nghĩa Sơn (hạng mục đường giao thông)).

Diện tích đất rừng phòng hộ không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 2.514,21 ha.

e) Đất rừng sản xuất:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 3.343,25 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 3.101,01 ha, cấp huyện xác định giảm 224,25 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và tăng 17,99 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Diện tích đất rừng sản xuất đến năm 2030 thông qua tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa là 3.101,01 ha. Tuy nhiên, qua rà soát với bản đồ Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 đã loại bỏ một số công trình lấy từ đất rừng sản xuất không phù hợp với Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia như: *Căn cứ địa cách mạng (xã Nghĩa Thắng); Trang trại xã Nghĩa Sơn; Trang trại nông nghiệp (xã Nghĩa Kỳ); Mỏ đá Hóc Đành (xã Nghĩa Thắng); Mỏ đất Núi Dục giai đoạn 2 (xã Nghĩa Thắng)*. Do đó, diện tích đất rừng sản xuất đến năm 2030, toàn huyện có 3.119,00 ha, tăng 17,99 ha so với số liệu theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND, chiếm 24,69% diện tích đất nông nghiệp, giảm 304,01 ha so với năm 2023. Diện tích do chuyển sang các loại đất sau:

- + Đất nông nghiệp khác 30,62 ha;
- + Đất quốc phòng 16,48 ha;
- + Đất khu công nghiệp 115,88 ha;
- + Đất thương mại dịch vụ 0,61 ha;
- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 74,01 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 18,40 ha.

Diện tích đất rừng sản xuất không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 3.119,00 ha.

f) Đất nuôi trồng thủy sản:

Đất nuôi trồng thủy sản cấp huyện xác định đến năm 2030 có 16,38 ha, chiếm 0,13% diện tích đất nông nghiệp, giảm 81,12 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Diện tích thực tăng 0,74 ha (*lấy từ Đất trồng cây hằng năm khác 0,32 ha; đất trồng lúa 0,42 ha*) nhằm quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản (nhỏ lẻ) tại xã Nghĩa Sơn;

- Diện tích thực giảm 81,86 ha chuyển sang đất như:

- + Đất rừng phòng hộ 16,61 ha;
- + Đất nông nghiệp khác 6,42 ha;
- + Đất ở tại nông thôn 27,04 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,51 ha;
- + Đất thương mại, dịch vụ 18,23 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng 11,88 ha;
- + Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1,17 ha.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 15,64 ha.

g) Đất chăn nuôi tập trung: (được tách ra từ đất nông nghiệp khác theo Luật Đất đai năm 2024)

Diện tích đất chăn nuôi tập trung đến năm 2030 thông qua tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa là 31,55 ha. Tuy nhiên, qua rà soát với bản đồ Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 đã loại bỏ công trình *Trang trại xã Nghĩa Sơn* và điều chỉnh giảm diện tích 2,66 ha công trình *Trang trại Hóc Đảnh tại xã Nghĩa Thắng* không phù hợp với Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia. Do đó, đất chăn nuôi tập trung cấp huyện xác định đến năm 2030 có diện tích là 16,33 ha, chiếm 0,13% diện tích đất nông nghiệp, tăng 9,25 ha so với năm 2023. Diện tích thực tăng 12,31 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,58 ha; Đất trồng cây hằng năm

khác 4,33 ha; đất trồng cây lâu năm 6,41 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,21 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,58 ha; đất chưa sử dụng là 0,20 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 10: Quy hoạch đất chăn nuôi tập trung đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Trang trại Hóc Đảnh	7,34	Xã Nghĩa Thắng
Trang trại nông nghiệp khác (Phú Thuận)	2,10	Xã Nghĩa Thuận
Trang trại chăn nuôi bò	4,97	Xã Nghĩa Kỳ

- Diện tích thực giảm 3,06 ha chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

Diện tích đất chăn nuôi tập trung không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 4,02 ha.

h) Đất nông nghiệp khác:

Diện tích đất nông nghiệp khác đến năm 2030 thông qua tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa là 373,87 ha. Tuy nhiên, qua rà soát với bản đồ Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 đã loại bỏ công trình *Trang trại nông nghiệp (xã Nghĩa Kỳ)* và điều chỉnh giảm diện tích công trình *Trang trại tổng hợp (xã Nghĩa Thắng)*; *Trang trại nông nghiệp (xã Nghĩa Thắng)* và *Trang trại Nông nghiệp được liệu sinh thái Thiên Phú (xã Nghĩa Lâm, xã Nghĩa Sơn)* không phù hợp với Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia. Do đó, đất nông nghiệp khác cấp huyện xác định đến năm 2030 có diện tích là 314,38 ha, giảm 59,49 ha so với số liệu theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND, chiếm 2,49% diện tích đất nông nghiệp, tăng 295,19 ha so với năm 2023.

- Diện tích thực tăng 297,66 ha lấy từ đất trồng lúa 42,10 ha; Đất trồng cây hằng năm khác 155,73 ha; đất trồng cây lâu năm 34,57 ha; đất rừng sản xuất 30,62 ha; đất nuôi trồng thủy sản 6,42 ha; đất ở tại nông thôn 9,50 ha; đất ở tại đô thị 0,03 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,13 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 8,99 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 1,92 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 2,73 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,15 ha; đất chưa sử dụng là 3,77 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 11: Quy hoạch đất nông nghiệp khác đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Trang trại Nông nghiệp được liệu sinh thái Thiên Phú	24,21	Xã Nghĩa Lâm
Trang trại Cà Tang	22,70	Xã Nghĩa Thắng
Trang trại tổng hợp Bàu Vừng	3,40	Xã Nghĩa Thắng
Trang trại rau sạch Gò Rộng	14,46	Xã Nghĩa Thắng

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Trang trại nông nghiệp	17,91	Xã Nghĩa Thắng
Trang trại tổng hợp Hồ Tre	12,60	Xã Nghĩa Thắng
Trang trại tổng hợp	4,01	Xã Nghĩa Thắng
Trang trại trồng trọt Tân Bồi (Nam Phước)	7,53	Xã Nghĩa Thuận
Trang trại nông nghiệp Mỹ Thạnh Nam	5,77	Xã Nghĩa Thuận
Trang trại nông nghiệp Nam Phước	2,24	Xã Nghĩa Thuận
Trang trại rau sạch ven Sông Trà	101,92	Xã Nghĩa Thắng; Nghĩa Thuận
Trang trại nông nghiệp	1,38	Xã Nghĩa Thuận
Trang trại sản xuất cây giống	2,83	Xã Nghĩa Kỳ
Trang trại rau sạch Cổng đình - Bàu Lát	2,10	Xã Nghĩa Kỳ
Trang trại nông nghiệp An Hội	47,45	Xã Nghĩa Kỳ; xã Nghĩa Điền
Trang trại Vườn Vông	3,10	Xã Nghĩa Trung
Trang trại nông nghiệp	0,15	Xã Nghĩa Trung
Trang trại trồng hoa tươi	2,80	Xã Nghĩa Hiệp
Nông trại giáo dục TEVA EDUFARM	19,50	Nghĩa Phương, Nghĩa Hiệp và TT Sông Vệ
Trang trại nông nghiệp xã Nghĩa Phương	4,25	Xã Nghĩa Phương

- Diện tích thực giảm 2,47 ha chuyển sang đất như:

+ Đất ở tại đô thị 0,38 ha.

+ Đất thương mại, dịch vụ 0,43 ha;

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng 1,66 ha.

Diện tích đất nông nghiệp khác không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 16,72 ha.

8.3.2. Đất phi nông nghiệp:

Trong kỳ quy hoạch tiếp tục chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ... từng bước thúc đẩy phát triển kinh tế các ngành trong huyện.

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 4.936,69 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 7.796,20 ha, cấp huyện xác định tăng 2.711,34 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và giảm 148,17 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2030 thông qua tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa là 7.708,07 ha. Tuy nhiên, qua rà soát với bản đồ Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 đã loại bỏ một số công trình không

phù hợp với Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia. Do đó, diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2030 toàn huyện có 7.648,03 ha, chiếm 37,20% tổng diện tích tự nhiên, tăng 3.179,67 ha so với năm 2023. Trong đó: Diện tích thực tăng 3.209,38 ha được lấy từ đất nông nghiệp 3.089,97 ha; đất chưa sử dụng 119,41 ha. Diện tích giảm 29,71 ha do chuyển sang đất nông nghiệp.

Diện tích đất phi nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 4.063,24 ha. Trong đó:

a) Đất ở tại nông thôn:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 1.260,79 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 2.162,95 ha, cấp huyện xác định tăng 902,16 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và bằng với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đến năm 2030 diện tích đất ở tại nông thôn là 2.162,95 ha, tăng 1.062,67 ha so với năm 2023. Trong đó:

Diện tích thực tăng 1.136,28 ha được lấy từ đất trồng lúa 410,87 ha; Đất trồng cây hằng năm khác 581,93 ha; đất trồng cây lâu năm 25,36 ha; đất rừng sản xuất 1,21 ha; đất nuôi trồng thủy sản 27,04 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,57 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 4,12 ha; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,43 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 39,55 ha; đất tín ngưỡng 0,10 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 10,11 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,34 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 8,77 ha; đất chưa sử dụng 26,33 ha.

Bảng 12: Quy hoạch đất ở nông thôn đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Các điểm khu dân cư tại xã Nghĩa Sơn	7,07	xã Nghĩa Sơn
Các điểm khu dân cư tại xã Nghĩa Lâm	19,64	Xã Nghĩa Lâm
Khu dân cư thôn 7, xã Nghĩa Lâm	3,62	Xã Nghĩa Lâm
Khu dân cư thôn 2, xã Nghĩa Lâm	1,84	Xã Nghĩa Lâm
Các điểm khu dân cư tại xã Nghĩa Thắng	16,99	Xã Nghĩa Thắng
Khu dân cư xã Nghĩa Thắng (gđ1) (phục vụ công tác GPMB dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT 623B (QN-Thạch Nham), giai đoạn 2	1,37	Xã Nghĩa Thắng
KDC Bàu Tràm	6,00	Xã Nghĩa Thắng
KDC Đông Phú Lý	4,30	Xã Nghĩa Thắng
KDC An Hoà Nam	0,50	Xã Nghĩa Thắng

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Khu dân cư du lịch suối nước khoáng nóng Nghĩa Thuận	7,23	xã Nghĩa Thuận
Các khu dân cư tại xã Nghĩa Thuận	54,61	Xã Nghĩa Thuận
Các Khu dân cư dọc đường dẫn Cầu Trà Khúc 3	30,00	Xã Nghĩa Thuận
KDC Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận (xã Nghĩa Kỳ 9,28 ha; xã Nghĩa Thuận 11,86 ha)	17,45	xã Nghĩa Kỳ, Xã Nghĩa Thuận
Dự án Di dân, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Tư Nghĩa	35,00	xã Nghĩa Kỳ, xã Nghĩa Điền
Khu dân cư nông thôn mới Gia An - xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	9,24	Xã Nghĩa Kỳ
Các khu dân cư tại xã Nghĩa Kỳ	103,82	Xã Nghĩa Kỳ
KDC Nghĩa Điền (đợt 2)	1,97	Xã Nghĩa Điền
Khu đô thị mới Nam Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi (đoạn qua địa phận xã Nghĩa Điền)	12,74	Xã Nghĩa Điền
Chỉnh trang khu dân cư nông thôn Điền Chánh (đổi tên thành KDC nông thôn mới Điền Chánh Hưng)	17,70	Xã Nghĩa Điền
Hệ thống hạ tầng khu dân cư trục đường Bàu Giang - Cầu mới	7,98	Xã Nghĩa Điền
Các khu dân cư tại xã Nghĩa Điền	30,41	Xã Nghĩa Điền
Khu dân cư kết hợp chỉnh trang Trung tâm xã Nghĩa Điền	17,37	Xã Nghĩa Điền
Chỉnh trang KDC Tây Bàu Giang (Phần còn lại)	4,24	TT La Hà; Nghĩa Trung
Khu dịch vụ đô thị Thiên Phúc (giai đoạn 1+2)	17,43	Xã Nghĩa Trung, TT La Hà
Khu đô thị Bàu Giang	27,14	Xã Nghĩa Trung
Khu dân cư nông thôn mới An Hòa, huyện Tư Nghĩa	7,12	Xã Nghĩa Trung
Chợ xã và Khu dân cư trung tâm xã Nghĩa Trung	3,38	Xã Nghĩa Trung
Khu dân cư Nam Bàu Giang	5,10	Thị trấn La Hà; xã Nghĩa Trung
Khu dân cư dọc đường Phan Đình Phùng nối dài (Tên dự án sẽ được chuẩn xác trong quá trình đề xuất chủ trương đầu tư)	14,38	xã Nghĩa Trung
KDC trung tâm xã Nghĩa Trung	13,08	Xã Nghĩa Trung
Khu dân cư chỉnh trang đô thị tổ dân phố 2	12,71	TT La Hà và xã Nghĩa Trung
Các khu dân cư tại xã Nghĩa Trung	144,16	Xã Nghĩa Trung
KDC Nghĩa Trung (giáp với Hành Thuận)	51,40	xã Nghĩa Trung
KDC dọc đường Phan Đình Phùng nối dài	120,22	Xã Nghĩa Trung

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Khu đô thị Nam Khang	72	xã Nghĩa Trung
Khu đô thị Kết hợp bệnh viện Đa khoa	80,5	Xã Nghĩa Thương, Nghĩa Trung
Khu dân cư dọc đường Cụm Công nghiệp La Hà đi đường ĐH 28	11,7	Xã Nghĩa Thương; TT La Hà
Khu TĐC xã Nghĩa thương phục vụ GPMB đường Hoàng Sa - Quốc lộ 1 và đường nối từ Quốc lộ 1 (nút giao đường dẫn cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi) đến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh	3,00	Nghĩa Thương
Các khu dân cư tại xã Nghĩa Thương	542,19	Nghĩa Thương
Khu dân cư phía Nam đường cụm CN La Hà-Nghĩa Thương (Khu dân cư Vạn Phúc và Khu dân cư Hưng Thịnh)	21,67	Xã Nghĩa Thương
Khu TĐC Dung Quất - Sa Huỳnh	3,93	Xã Nghĩa Hòa
Khu đô thị sinh thái Coastal Quảng Ngãi	107,78	xã Nghĩa Hòa
Khu đô thị thương mại dịch vụ	108,80	Xã Nghĩa Hòa
Khu TĐC xã Nghĩa Hòa phục vụ GPMB Đường nối từ Quốc lộ 1 (nút giao đường dẫn cao tốc Đà Nẵng- Quảng Ngãi) đến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh	3,00	Xã Nghĩa Hòa
Các khu dân cư tại xã Nghĩa Hòa	37,81	Xã Nghĩa Hòa
Khu dân cư phía Đông Nam Cầu Đá	9,5	Xã Nghĩa Hòa
Các khu dân cư tại xã Nghĩa Hiệp	50,44	Xã Nghĩa Hiệp
Các khu dân cư tại xã Nghĩa Phương	50,44	Nghĩa Phương
Khu đô thị thương mại dịch vụ	3,60	Nghĩa Phương
KDC Cầu Ông Tổng	1,70	Xã Nghĩa Mỹ
Các điểm khu dân cư tại xã Nghĩa Mỹ	7,46	xã Nghĩa Mỹ
Các thửa đất công, đất UBND cấp xã quản lý (thửa đất phù hợp quy hoạch đất ở, có diện tích nhỏ hơn hoặc bằng 300 m2)	0,35	Toàn huyện
CMD sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở sang đất ở	275,32	12 xã

Diện tích thực giảm 73,61 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 9,50 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,64 ha; đất thương mại, dịch vụ 6,22 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 57,06 ha; đất tôn giáo 0,19 ha.

Diện tích đất ở tại nông thôn không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 1.026,67 ha.

b) Đất ở đô thị:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 223,77 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 212,36 ha, cấp huyện xác định bằng với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và tăng 11,41 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đến năm 2030 diện tích đất ở tại đô thị là 223,77 ha, tăng 81,27 ha so với năm 2023. Trong đó:

Diện tích thực tăng 86,64 ha được lấy từ đất trồng lúa 36,76 ha; Đất trồng cây hằng năm khác 40,22 ha; đất trồng cây lâu năm 2,12 ha; đất nông nghiệp khác 0,38 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,30 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 2,71 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 2,94 ha; Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,46 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,20 ha; đất bằng chưa sử dụng 0,55 ha.

Bảng 13: Quy hoạch đất ở đô thị đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Chinh trang KDC Tây Bàu Giang (Phần còn lại)	4,24	TT. La Hà; Nghĩa Trung
Khu dịch vụ đô thị Thiên Phúc (giai đoạn 1+2)	17,43	Xã Nghĩa Trung, TT. La Hà
Khu dân cư Nam Bàu Giang	5,10	TT. La Hà; xã Nghĩa Trung
Khu dân cư chinh trang đô thị tổ dân phố 2	12,71	TT. La Hà; xã Nghĩa Trung
Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa	14,00	TT. La Hà
Đường Trương Quang Giao kết hợp khu dân cư	1,99	TT. La Hà
Các khu dân cư tại thị trấn La Hà	70,70	TT. La Hà
Chinh trang đô thị và kết hợp xây dựng khu dân cư mới, thị trấn La Hà	5,5	TT. La Hà
Khu dân cư phía Đông đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ	4,10	TT. Sông Vệ
Khu dân cư dọc bờ kè Bắc Sông Vệ	2,70	TT. Sông Vệ
Các khu dân cư tại thị trấn Sông Vệ	23,96	TT. Sông Vệ
Khu dân cư phía Nam Sông Cây Bứa	5	TT. Sông Vệ
CMD sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở sang đất ở	24,68	02 thị trấn

Diện tích thực giảm 5,37 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 0,03 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,06 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,05 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,30 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 4,93 ha.

Diện tích đất ở đô thị không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 137,13 ha.

c) Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 12,05 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 14,60 ha, cấp huyện xác định tăng 0,71 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và giảm 1,84 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đến năm 2030 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan có 12,76 ha, chiếm 0,17% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 1,05 ha so với năm 2023. Trong đó:

- Diện tích thực tăng 4,00 ha được lấy từ đất trồng lúa 1,36 ha; Đất trồng cây hằng năm khác 0,06 ha; đất trồng cây lâu năm 0,6 ha; đất ở tại đô thị 0,06 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,71 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,10 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,03 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,02 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,06 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 14: Quy hoạch đất trụ sở cơ quan đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Trụ sở UBND xã Nghĩa Thuận	0,53	Xã Nghĩa Thuận
Kho bạc nhà nước huyện Tư Nghĩa	0,30	TT La Hà
Mở rộng Trụ sở Huyện uỷ	0,38	TT La Hà
Tòa án huyện Tư Nghĩa	0,50	TT La Hà
Đất trụ sở cơ quan	1,07	TT La Hà
Trụ sở UBND xã Nghĩa Hòa	0,48	Xã Nghĩa Hòa
Trụ sở CQ Quân sự xã Nghĩa Hòa	0,12	Xã Nghĩa Hòa
Mở rộng trụ sở UBND xã Nghĩa Hiệp	0,09	Xã Nghĩa Hiệp
Trụ sở UBND xã Nghĩa Phương	0,72	Xã Nghĩa Phương

Diện tích thực giảm 2,95 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,57 ha; đất an ninh 0,76 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,99 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,19 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,44 ha.

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 8,76 ha.

d) Đất quốc phòng:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 99,48 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 117,44 ha, cấp huyện xác định tăng 17,30 so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và giảm 0,66 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đến năm 2030 diện tích đất quốc phòng có 116,78 ha, chiếm 1,53% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 34,31 ha so với năm 2023. (Số liệu này Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tư Nghĩa đã thống nhất tại Công văn số 1422/BCH-TM ngày 02/5/2024).

Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 1,65 ha; Đất trồng cây hằng năm khác 2,76 ha; đất trồng cây lâu năm 4,86 ha; đất rừng sản xuất 16,48 ha; đất rừng phòng hộ 2,12 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,28 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,06 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,59 ha; đất chưa sử dụng 5,51 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 15: Quy hoạch đất quốc phòng đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Đường vào hầm Nghĩa Sơn	2,12	Xã Nghĩa Sơn
Đường hầm SCHcb	9,90	Xã Nghĩa Thắng
Trường bắn, thao trường huấn luyện và khu căn cứ chiến đấu mô phỏng	9,48	xã Nghĩa Kỳ
	8,48	
Mở rộng SCH thường xuyên, xây dựng nhà DBĐV	0,93	TT La Hà
Cụm điểm tựa dBB	4,05	Xã Nghĩa Phương

Diện tích đất quốc phòng không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 82,47 ha.

e) Đất an ninh:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 13,55 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 77,80 ha, cấp huyện xác định tăng 49,49 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và giảm 14,76 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đến năm 2030 diện tích đất an ninh là 63,04 ha, chiếm 0,82% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 50,93 ha so với năm 2023. (Số liệu này Công an tỉnh Quảng Ngãi đã thống nhất tại Công văn 2310/CAT-PH10(Đ4) ngày 03/5/2024).

Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 2,65 ha; Đất trồng cây hằng năm khác 0,25 ha; đất trồng cây lâu năm 46,70 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,76 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,36 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,15 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,06 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 16: Quy hoạch an ninh đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Mở rộng Nhà làm việc Công An xã Nghĩa Sơn	0,11	Xã Nghĩa Sơn
Nhà làm việc Công An xã Nghĩa Lâm	0,10	Xã Nghĩa Lâm

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Nhà làm việc Công An xã Nghĩa Thắng	0,37	Xã Nghĩa Thắng
Đất an ninh xã Nghĩa Thắng	46,55	Xã Nghĩa Thắng
Nhà làm việc Công An xã Nghĩa Thuận	0,22	Xã Nghĩa Thuận
Nhà làm việc công an xã Nghĩa Kỳ	0,11	Xã Nghĩa Kỳ
Nhà làm việc Công An xã Nghĩa Điền	0,19	Xã Nghĩa Điền
Nhà làm việc Công An xã Nghĩa Trung	0,20	Xã Nghĩa Trung
Trụ sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy	2,64	xã Nghĩa Thương
Nhà làm việc Công An xã Nghĩa Hòa	0,14	Xã Nghĩa Hòa
Nhà làm việc Công An xã Nghĩa Hiệp	0,25	Xã Nghĩa Hiệp
Nhà làm việc Công An xã Nghĩa Phương	0,15	Xã Nghĩa Phương

Diện tích đất an ninh không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 12,11 ha.

f) Đất xây dựng công trình sự nghiệp:

❖ Đất xây dựng cơ sở văn hóa:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 6,45 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 9,86 ha, cấp huyện xác định tăng 11,18 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và tăng 7,77 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đất xây dựng cơ sở văn hóa đến năm 2030 có 17,63 ha, chiếm 0,23% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 2,22 ha so với năm 2023. Trong đó, diện tích thực tăng 3,57 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,36 ha; Đất trồng cây hằng năm khác 1,30 ha; đất trồng cây lâu năm 0,25 ha; đất ở tại nông thôn 0,25 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,53 ha; các loại đất xây dựng công trình sự nghiệp còn lại 0,69 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,12 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,07 ha. Ngoài ra, diện tích giảm 1,35 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,06 ha; đất quốc phòng 0,28 ha; đất an ninh 0,11 ha; các đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 0,02 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,64 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,24 ha.

Bảng 17: Quy hoạch đất xây dựng cơ sở văn hóa đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Mở rộng NVH thôn 2, Gò Thần, xã Nghĩa Sơn	0,15	Xã Nghĩa Sơn
Nhà văn hoá thôn 6 xã Nghĩa Lâm	0,23	Xã Nghĩa Lâm
Mở rộng NVH An Cư, xã Nghĩa Thắng	0,24	Xã Nghĩa Thắng
Mở rộng NVH thôn An Hòa Bắc, xã Nghĩa Thắng	0,23	Xã Nghĩa Thắng

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Đài tưởng niệm xã Nghĩa Thuận	0,53	Xã Nghĩa Thuận
Nhà văn hóa Mỹ Thạnh Đông, xã Nghĩa Thuận	0,07	Xã Nghĩa Thuận
Mở rộng nhà văn hóa mỹ Thạnh Nam, xã Nghĩa Thuận	0,33	Xã Nghĩa Thuận
Nhà văn hóa Mỹ Thạnh Bắc, xã Nghĩa Thuận	0,17	Xã Nghĩa Thuận
Nhà VH thôn Nam Phước, xã Nghĩa Thuận	0,07	Xã Nghĩa Thuận
Nhà văn hóa thôn Xuân Phổ Tây	0,28	Xã Nghĩa Kỳ
Nhà văn hóa thôn Xuân Phổ Đông	0,13	Xã Nghĩa Kỳ
Nhà văn hóa thôn An Hội Bắc 1	0,13	Xã Nghĩa Kỳ
Nhà văn hóa thôn An Hội Bắc 2	0,09	Xã Nghĩa Kỳ
Nhà văn hóa thôn An Hội Bắc 3	0,23	Xã Nghĩa Kỳ
Nhà văn hóa thôn An Bình	0,11	Xã Nghĩa Kỳ
Nhà văn hóa thôn An Hội Nam 1	0,05	Xã Nghĩa Kỳ
Nhà văn hóa thôn An Hội Nam 2	0,10	Xã Nghĩa Kỳ
Nhà văn hóa thôn Phú Sơn	0,24	Xã Nghĩa Kỳ
Nhà văn hóa thôn Điện Hoà, xã Nghĩa Điện	0,07	Xã Nghĩa Điện
Nhà văn hóa thôn Điện Long, xã Nghĩa Điện	0,10	Xã Nghĩa Điện
Nhà văn hoá và khu thể thao thôn Điện Chánh	0,22	Xã Nghĩa Điện
Mở rộng nhà văn hóa thôn An Hà 3	0,75	Xã Nghĩa Trung
Trung tâm văn hóa huyện	0,41	TT La Hà
Nhà văn hóa thị trấn La Hà	0,11	TT La Hà
Nhà Văn hoá TDPI	0,12	TT La Hà
Mở rộng NVH thôn La Hà 1, xã Nghĩa Thương	0,07	Nghĩa Thương
NVH thôn Vạn An 3	0,08	Nghĩa Thương
Bảng tin, cột cờ thôn Vạn An 2	0,01	Nghĩa Thương
Nhà văn hóa thôn Hải Môn, xã Nghĩa Hiệp	0,09	Xã Nghĩa Hiệp
Nhà văn hóa thôn Thế Bình, xã Nghĩa Hiệp	0,09	Xã Nghĩa Hiệp
Nhà văn hóa xã Nghĩa Mỹ	0,13	Xã Nghĩa Mỹ

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 14,06 ha.

❖ Đất xây dựng cơ sở xã hội:

Đất xây dựng cơ sở xã hội cấp huyện xác định đến năm 2030 có diện tích là 5,20 ha, chiếm 0,07% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 2,01 ha so với năm 2023.

Diện tích thực tăng 2,01 ha được lấy từ Đất trồng cây hằng năm khác 0,74 ha; đất trồng cây lâu năm 0,38 ha; đất ở tại nông thôn 0,16 ha; đất sử dụng vào mục

đích công cộng 0,08 ha; Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,65 ha nhằm quy hoạch công trình: Mở rộng Trung tâm bảo trợ xã hội tại xã Nghĩa Kỳ.

Diện tích đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 3,19 ha.

❖ **Đất xây dựng cơ sở y tế:**

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 6,08 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 12,36 ha, cấp huyện xác định tăng 6,28 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và bằng với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đất xây dựng cơ sở y tế đến năm 2030 có 12,36 ha, chiếm 0,16% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 8,17 ha so với năm 2023. Trong đó, diện tích thực tăng 8,27 ha được lấy từ đất trồng lúa 4,61 ha; Đất trồng cây hằng năm khác 2,50 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,04 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 1,08 ha; Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,03 ha; đất chưa sử dụng 0,01 ha. Ngoài ra, diện tích giảm 0,10 ha do chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,08 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,02 ha.

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 4,09 ha.

❖ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:**

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 86,46 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 100,42 ha, cấp huyện xác định tăng 13,96 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và bằng với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2030 có 100,42 ha, chiếm 1,31% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 22,19 ha so với năm 2023. Trong đó, diện tích thực tăng 30,74 ha được lấy từ đất trồng lúa 17,89 ha; Đất trồng cây hằng năm khác 7,78 ha; đất trồng cây lâu năm 0,83 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,47 ha; đất ở tại nông thôn 0,18 ha; đất ở tại đô thị 0,05 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,46 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 2,13 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,64 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,01 ha; đất chưa sử dụng 0,30 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 18: Quy hoạch đất cơ sở giáo dục và đào tạo đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Sơn	0,21	Xã Nghĩa Sơn
Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Lâm	0,60	Xã Nghĩa Lâm
Mở rộng trường Mầm non Nghĩa Thọ	0,50	Xã Nghĩa Thắng

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Thắng (điểm chính)	0,70	Xã Nghĩa Thắng
Mở rộng Trường tiểu học Nghĩa Thắng (An Lạc)	1,65	Xã Nghĩa Thắng
Mở rộng trường Mầm non (điểm chính)	1,15	Xã Nghĩa Thuận
Trường TH và THCS Nghĩa Thuận	2,55	Xã Nghĩa Thuận
Trường tiểu học bán trú Thanh Bình	0,16	Xã Nghĩa Kỳ
Trường tiểu học và trung học cơ sở Nghĩa Điền	1,77	Xã Nghĩa Điền
Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe Phương Đông	4,20	Xã Nghĩa Trung
Mở rộng Trường Mầm non Nghĩa Trung (Thôn An Hà 3)	0,84	Xã Nghĩa Trung
Mở rộng trường tiểu học Châu Phú Điền	0,93	Xã Nghĩa Trung
Quy hoạch đất giáo dục	10,00	Xã Nghĩa Trung
Mở rộng THPT Chu Văn An	1,99	TT La Hà
Mở rộng trường THPT số 1 Tư Nghĩa	3,20	TT La Hà
Quy hoạch đất giáo dục	0,87	TT La Hà
Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Thương (La Hà 4)	1,00	Nghĩa Thương
Mở rộng Trường THCS Nghĩa Thương	2,07	Nghĩa Thương
Mở rộng trường Phan Văn Đường (CS2)	0,87	Xã Nghĩa Hòa
Trường mầm non Nghĩa Hòa (Hòa Phú)	0,52	Xã Nghĩa Hòa
Mở rộng trường Mầm non thị trấn Sông Vệ (Điểm Vườn Xù)	1,12	TT Sông Vệ
Mở rộng trường Tiểu học thị trấn Sông Vệ	1,12	TT Sông Vệ
Mở rộng Trường THCS xã Nghĩa Phương	1,00	Xã Nghĩa Phương
Trường Tiểu học xã Nghĩa Phương	2,00	Xã Nghĩa Phương

Diện tích thực giảm 8,55 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn 2,59 ha; đất ở tại đô thị 0,30 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 1,63 ha; đất an ninh 0,06 ha; các loại đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 1,31 ha; đất thương mại, dịch vụ 1,59 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,61 ha; đất tôn giáo 0,45 ha; đất tín ngưỡng 0,01 ha.

Diện tích đất cơ sở giáo dục và đào tạo không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 69,68 ha.

❖ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 31,84 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 49,24 ha, cấp huyện xác định tăng 17,40 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và bằng với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao đến năm 2030 có 49,24 ha, chiếm 0,64% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 20,25 ha so với năm 2023. Trong đó, diện tích thực tăng 23,82 ha được lấy từ đất trồng lúa 13,81 ha; Đất trồng cây hằng năm khác 6,92 ha; đất trồng cây lâu năm 0,33 ha; đất ở tại nông thôn 0,05 ha; các loại đất công trình sự nghiệp khác 0,70 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,32 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,14 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,06 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,46 ha; đất chưa sử dụng 1,03 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 19: Quy hoạch đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Khu thể thao thôn An Tân, xã Nghĩa Thắng	1,57	Xã Nghĩa Thắng
Khu thể thao xóm 1, thôn An Nhơn	1,00	Xã Nghĩa Thắng
Khu thể thao thôn Xuân Phổ Đông, xã Nghĩa Kỳ	0,19	Xã Nghĩa Kỳ
Sân vận động (2/9) xã	1,16	Xã Nghĩa Kỳ
Sân vận động thôn An Bình	0,42	Xã Nghĩa Kỳ
Sân vận động thôn Phú Sơn	0,53	Xã Nghĩa Kỳ
Khu thể thao thôn La Châu, xã Nghĩa Trung	0,35	Xã Nghĩa Trung
Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao thôn Điền Trang	0,14	Xã Nghĩa Trung
Đất thể dục thể thao thôn Tân Hội	0,20	xã Nghĩa Trung
Khu thể thao xã Nghĩa Thương	0,35	Nghĩa Thương
Khu thể thao thôn La Hà 1, xã Nghĩa Thương	0,20	Nghĩa Thương
Khu thể thao thôn La Hà 2, xã Nghĩa Thương	0,32	Nghĩa Thương
Khu thể thao thôn Điện An 2, xã Nghĩa Thương	0,17	Nghĩa Thương
Khu thể thao thôn Vạn An 1, xã Nghĩa Thương	0,32	Nghĩa Thương
Khu thể thao thôn Vạn An 2, xã Nghĩa Thương	0,25	Nghĩa Thương
Khu thể thao thôn La Hà 4, xã Nghĩa Thương	0,43	Nghĩa Thương
Khu thể thao thôn Điện An 4, xã Nghĩa Thương	0,60	Nghĩa Thương
Khu thể thao thôn Vạn An 3, xã Nghĩa Thương	0,22	Nghĩa Thương
Nhà Thi đấu Đa năng xã Nghĩa Hiệp	1,34	Xã Nghĩa Hiệp
Khu thể thao thôn Thế Bình	0,76	Xã Nghĩa Hiệp
Khu thể thao thôn Hải Môn	0,23	Xã Nghĩa Hiệp
Khu thể thao, nhà văn hóa thôn Năng Tây 1	0,46	Xã Nghĩa Phương
Nhà Văn hóa và Khu TDTT thôn An Đại 2	0,49	Xã Nghĩa Phương
Khu TDTT Năng Tây 3, xã Nghĩa Phương	0,27	Xã Nghĩa Phương
Khu TDTT thôn An Đại 3, xã Nghĩa Phương	0,33	Xã Nghĩa Phương
Khu thể thao thôn An Đại 1, xã Nghĩa Phương	0,30	Xã Nghĩa Phương
Khu thể thao xã Nghĩa Mỹ	1,00	Xã Nghĩa Mỹ
Khu thể thao thôn Bách Mỹ, xã Nghĩa Mỹ	0,43	Xã Nghĩa Mỹ

Diện tích thực giảm 3,57 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 1,13 ha; đất ở tại nông thôn 1,47 ha; đất an ninh 0,19 ha; các loại đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,06 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,72 ha.

Diện tích xây dựng cơ sở thể dục thể thao không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 25,42 ha.

❖ **Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn:**

Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn cấp huyện xác định đến năm 2030 có diện tích là 0,05 ha. Diện tích tăng được lấy từ Đất trồng cây hằng năm khác.

❖ **Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác**

Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác cấp huyện xác định đến năm 2030 có diện tích là 1,18 ha, chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp, diện tích không thay đổi so với năm 2023. Diện tích thực tăng 0,08 ha được lấy từ đất xây dựng cơ sở y tế (Trạm kiểm lâm khu Tây). Đồng thời diện tích thực giảm là 0,08 ha do chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan tại Thị trấn La Hà.

Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp khác không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 1,10 ha.

g) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:

❖ **Đất khu công nghiệp:**

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 0,00 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 276,00 ha, cấp huyện xác định tăng 276,00 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và bằng với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đến năm 2030 diện tích đất khu công nghiệp là 276,00 ha, chiếm 3,61% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 95,14 ha; Đất trồng cây hằng năm khác 38,79 ha; đất trồng cây lâu năm 7,97 ha; đất rừng sản xuất 115,88 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 6,06 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,42 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 11,72 ha và đất chưa sử dụng 0,02 ha nhằm quy hoạch Khu phức hợp công nghiệp - đô thị - dịch vụ An Phú.

❖ **Đất cụm công nghiệp:**

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 29,73 ha, cấp huyện xác định giảm 2,98 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đến năm 2030 diện tích đất cụm công nghiệp là 26,75 ha, chiếm 0,35% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 8,73 ha so với năm 2023. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 1,00 ha; Đất trồng cây hằng năm khác 0,39 ha; đất trồng cây lâu

năm 0,17 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,66 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,04 ha; đất chưa sử dụng 6,47 ha nhằm quy hoạch mở rộng cụm công nghiệp La Hà. (Theo đề án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được phê duyệt tại Quyết định 8777/QĐ-UBND ngày 26/12/2018).

Diện tích đất cụm công nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 18,02 ha.

❖ Đất thương mại, dịch vụ:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 299,30 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 481,01 ha, cấp huyện xác định tăng 167,95 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và giảm 13,76 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Diện tích đất thương mại, dịch vụ đến năm 2030 thông qua tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa là 481,01 ha. Tuy nhiên, qua rà soát với bản đồ Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 đã loại bỏ công trình *Điểm du lịch xã Nghĩa Sơn* và điều chỉnh giảm diện tích công trình *Điểm du lịch B21 (xã Nghĩa Sơn)* và *Đất thương mại dịch vụ Hóc Chó (xã Nghĩa Thắng)* không phù hợp với Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia. Do đó, diện tích đất thương mại, dịch vụ đến năm 2030 toàn huyện có 467,25 ha, giảm 13,76 ha so với số liệu theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND, chiếm 6,11% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 432,38 ha so với năm 2023. Diện tích thực tăng 433,17 ha được lấy từ đất trồng lúa 199,53 ha; đất trồng cây hàng năm khác 107,54 ha; đất trồng cây lâu năm 20,09 ha; đất rừng sản xuất 0,61 ha; đất nuôi trồng thủy sản 18,23 ha; đất nông nghiệp khác 0,43; đất ở tại nông thôn 6,22 ha; đất ở tại đô thị 0,30 ha; đất trụ sở cơ quan 0,19 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 2,23 ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 1,80 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 31,75 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 7,03 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 17,40 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 12,14 ha; đất chưa sử dụng là 8,29 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 20: Quy hoạch đất thương mại, dịch vụ đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Điểm du lịch B21	5,40	Xã Nghĩa Sơn
Hợp tác xã Nông nghiệp xã Nghĩa Lâm	0,05	Xã Nghĩa Lâm
Đất thương mại dịch vụ xã Nghĩa Lâm	18,00	Xã Nghĩa Lâm
Đất thương mại dịch vụ xã Nghĩa Lâm (Ao cá Bác Hồ)	1,85	Xã Nghĩa Lâm
Điểm du lịch sinh thái Đầm Sen (Bàu Sen)	10,68	Xã Nghĩa Thắng

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Đất TMDV Bàu Lú	6,25	Xã Nghĩa Thắng
Đất TMDV Hóc Chó	3,41	Xã Nghĩa Thắng
Điểm dịch vụ thương mại	3,09	Xã Nghĩa Thắng
Khu sinh thái, nghỉ dưỡng tắm bùn Suối nước nóng Nghĩa Thuận	13,90	Xã Nghĩa Thuận
Khu thương mại dịch vụ xã Nghĩa Thuận	5,82	Xã Nghĩa Thuận
Showroom trang trí nội thất và Vật liệu xây dựng Trung Thiên Tâm	0,50	Xã Nghĩa Kỳ
Điểm du lịch thương mại Bàu Lãng	4,93	Xã Nghĩa Kỳ
Khu thương mại dịch vụ xã Nghĩa Kỳ	35,28	Xã Nghĩa Kỳ
Điểm Logistic	5,18	Xã Nghĩa Kỳ
HTX xã Nghĩa Điền	0,05	Xã Nghĩa Điền
Điểm thương mại dịch vụ xã Nghĩa Điền (2 vị trí)	0,41	Xã Nghĩa Điền
Khu thương mại dịch vụ xã Nghĩa Trung (03 vị trí)	13,59	Xã Nghĩa Trung
Cửa hàng xăng dầu Tư Nghĩa	0,11	TT La Hà
Cửa hàng xăng dầu Vạn Thịnh	0,17	TT La Hà
Khu thương mại dịch vụ thị trấn La Hà	6,49	TT La Hà
Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp Phát Đạt	2,60	Nghĩa Thương
Cửa hàng xăng dầu Tư Nghĩa	0,37	Nghĩa Thương
Cửa hàng trưng bày và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp Thành Phát	0,57	Nghĩa Thương
Cửa hàng xăng dầu Nghĩa Thương	0,31	Nghĩa Thương
Khu TMDV xã Nghĩa Thương (02 vị trí)	1,28	Nghĩa Thương
Điểm thương mại dịch vụ xã Nghĩa Thương	0,19	xã Nghĩa Thương
Bãi đậu xe và Gara ô tô sửa chữa máy móc cơ giới Thủy Chung	0,21	xã Nghĩa Thương
Khu nghỉ dưỡng Bãi Dừa (mở rộng)	1,85	Xã Nghĩa Hòa
Khu thương mại dịch vụ xã Nghĩa Hòa	28,01	Xã Nghĩa Hòa
Khu TMDV Bãi Kiếng	8,33	Xã Nghĩa Hòa
Khu Thương mại - Dịch vụ xã Nghĩa Hòa (01 vị trí)	1,70	xã Nghĩa Hòa
Khu du lịch sinh thái Tam Nghĩa	8,70	Nghĩa Thương, Nghĩa Hiệp
Đất TMDV xã Nghĩa Hiệp	8,40	Xã Nghĩa Hiệp
Khu thương mại dịch vụ xã Nghĩa Hiệp	13,84	Xã Nghĩa Hiệp
Khu Dịch Vụ - thương mại dọc bờ Nam kè Sông Cây Bứa	3,25	TT Sông Vệ
Đất TMDV TT Sông Vệ	1,48	TT Sông Vệ

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
HTX Bắc Phương	0,14	Xã Nghĩa Phương
Điểm thương mại dịch vụ xã Nghĩa Phương	4,07	Xã Nghĩa Phương
Đất thương mại dịch vụ xã Nghĩa Phương (Mở rộng cây xăng Tín Nghĩa)	0,30	Xã Nghĩa Phương
Hồ bơi và điểm thương mại dịch vụ	0,20	xã Nghĩa Phương
Khu Thương mại dịch vụ (Cánh đồng Bàu Lá)	14,33	Xã Nghĩa Mỹ

Diện tích thực giảm 1,40 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,43 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,10 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,44 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,43 ha.

Diện tích đất thương mại, dịch vụ không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 33,47 ha.

❖ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 72,68 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 40,47 ha, cấp huyện xác định giảm 46,80 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và giảm 14,59 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đến năm 2030 diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có 25,88 ha, chiếm 0,34% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 21,83 ha so với năm 2023. Trong đó:

Diện tích thực tăng 23,63 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,34 ha; đất trồng cây hằng năm khác 8,03 ha; đất trồng cây lâu năm 8,22 ha; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 5,54 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,10 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,13 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,02 ha; đất chưa sử dụng là 1,25 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 21: Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Khu sản xuất kinh doanh	6,31	Xã Nghĩa Lâm
Điểm sản xuất kinh doanh thôn 2	0,50	Xã Nghĩa Lâm
Khu sản xuất kinh doanh	2,50	Xã Nghĩa Thắng
Khu sản xuất kinh doanh	0,90	Nghĩa Thương
Đất sản xuất kinh doanh Núi Máng	5,54	Xã Nghĩa Phương
Khu sản xuất kinh doanh xã Nghĩa Mỹ	2,00	Xã Nghĩa Mỹ

Diện tích thực giảm 1,80 ha do chuyển sang đất thương mại, dịch vụ.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 2,25 ha.

❖ **Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:**

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đến năm 2030 thông qua tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa là 185,76 ha. Tuy nhiên, qua rà soát với bản đồ Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 đã loại bỏ một số công trình không phù hợp với Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia như: *Mỏ đá Hóc Đành và Mỏ đất Núi Dự giai đoạn 2 (xã Nghĩa Thắng)*. Do đó, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản cấp huyện xác định đến năm 2030 có diện tích là 146,88 ha, giảm 38,88 ha so với số liệu theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND, chiếm 1,92% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 91,00 ha so với năm 2023. Trong đó:

Diện tích thực tăng 96,54 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,53 ha; đất trồng cây hằng năm khác 2,30 ha; đất trồng cây lâu năm 17,59 ha; đất rừng sản xuất 74,01 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 2,11 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 22: Quy hoạch đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Mỏ cát làm VLXD TT Thôn 1 (TN01)	34,48	Nghĩa Lâm
Mỏ cát làm VLXD TT Thôn 6 (TN02)	65,31	Nghĩa Lâm
Mỏ đất Núi Bé, xã Nghĩa Thắng	18,29	Xã Nghĩa Thắng
Mỏ đất Núi Dự, thôn An Tân, xã Nghĩa Thắng	12,00	Xã Nghĩa Thắng
Mỏ cát thôn An Tráng, xã Nghĩa Thắng	24,43	Xã Nghĩa Thắng
Mỏ đá Dốc Miếu	15,49	Xã Nghĩa Thắng
Mỏ đá Núi Hòn Gai, thôn Phú Thuận, xã Nghĩa Thuận (TN07)	26,00	Xã Nghĩa Thuận
Mỏ cát thôn Nam Phước, xã Nghĩa Thuận (TN19)	34,83	Nghĩa Thuận
Mỏ đất khai thác vật liệu xây dựng	6,00	Xã Nghĩa Thuận
Mỏ cát thôn Xuân Phổ Đông, xã Nghĩa Kỳ	22,74	Xã Nghĩa Kỳ
Trạm sản xuất bê tông nhựa tại xã Nghĩa Kỳ	1,65	Xã Nghĩa Kỳ
Mỏ đá Thôn An Hội 2, xã Nghĩa Kỳ (TN09)	30,00	Xã Nghĩa Kỳ
Mỏ cát khu vực Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận (TN04)	28,50	Xã Nghĩa Thuận (6,80 ha), Nghĩa Kỳ (21,7 ha)
Mỏ cát thôn Đông Mỹ, xã Nghĩa Hiệp	14,90	xã Nghĩa Hiệp
Mỏ cát thôn Thế Bình, xã Nghĩa Hiệp	16,97	xã Nghĩa Hiệp
Mỏ cát làm VLXD TT TDP Vạn Mỹ (TN17)	7,18	TT Sông Vệ
Mỏ đất làm VLXD TT Núi Cư (TN14)	16,81	xã Nghĩa Phương
Mỏ cát thôn Mỹ Hòa, xã Nghĩa Mỹ	22,79	xã Nghĩa Mỹ

Đồng thời diện tích thực giảm 5,54 ha do chuyển sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch là 50,34 ha.

h) Đất sử dụng vào mục đích công cộng:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng đến năm 2030 là 2.462,60 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 1.767,58 ha, cấp huyện xác định tăng 669,13 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và giảm 25,89 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

❖ Đất công trình giao thông:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 941,78 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 1.485,34 ha, cấp huyện xác định tăng 543,56 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và bằng với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Diện tích đất giao thông đến năm 2030 có 1.485,34 ha, chiếm 19,42% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 708,45 ha so với năm 2023. Trong đó, diện tích thực tăng 774,72 ha được lấy đất trồng lúa 384,11 ha; đất trồng cây hằng năm khác 200,85 ha; đất trồng cây lâu năm 26,29 ha; đất rừng sản xuất 2,07 ha; đất rừng phòng hộ 0,47 ha; đất nuôi trồng thủy sản 5,37 ha; đất ở tại nông thôn 49,42 ha; đất ở tại đô thị 4,92 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,26 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,09 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,43 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 20,18 ha; đất tôn giáo 0,01 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 14,31 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,19 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 16,57 ha; đất chưa sử dụng là 48,18 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 23: Quy hoạch đất giao thông đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi -Hoài Nhơn thuộc dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021- 2025	38,10	Nghĩa Kỳ (33,97); Nghĩa Điền (4,10)
Đường vào hầm Nghĩa Sơn (hạng mục đường giao thông)	2,27	Xã Nghĩa Sơn
Đường giao thông xã Nghĩa Sơn	6,20	Xã Nghĩa Sơn
Mở rộng Đường Nghĩa Lâm - Nghĩa Sơn (hiện trạng 8m, Chiều dài: 8000m; mở rộng: 10m)	8,00	Nghĩa Lâm; Nghĩa Sơn
Đường giao thông xã Nghĩa Lâm	10,57	Xã Nghĩa Lâm
Đường cầu Trà Khúc 4	3,03	Xã Nghĩa Lâm
Dự án nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.623B (Quảng Ngãi- Thạch Nham) giai đoạn 2+3	18,38	Nghĩa Thắng; Nghĩa Lâm

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Đường 623B từ Bàu Tré đi Sơn Tịnh (2000m*26m)	5,20	Xã Nghĩa Thắng
Đường giao thông xã Nghĩa Thắng	11,66	Xã Nghĩa Thắng
Đường Nghĩa Thuận Nghĩa Thọ đi nghĩa trang liệt sỹ tỉnh (chiều dài 1200m, mở mới 12m)	1,44	Xã Nghĩa Thuận
Tuyến đường nối từ đường ĐT.623B vào khu vực dự án Khu sinh thái, nghỉ dưỡng tắm bùn Suối nước nóng Nghĩa Thuận	4,46	Xã Nghĩa Thuận
Đường La Hà – Nghĩa Thuận (ĐH.24) (đoạn nối dài từ giáp đường Nghĩa Thuận – Nghĩa Thọ đến giáp đường Nghĩa Thắng – Nghĩa Thọ) (1500m*10m)	1,50	Xã Nghĩa Thuận
Mở rộng Đường TL 623B Dưới trường Tư Nghĩa 2 - Đi ra đường Quốc phòng (hiện trạng 6m, chiều dài 1400m, mở rộng 2m)	1,12	Xã Nghĩa Thuận
Mở rộng đường Nghĩa Thuận - Nghĩa Thọ (ĐH.22B) (hiện trạng 6m, Chiều dài: 4500m; mở rộng: 10m)	4,50	Xã Nghĩa Thuận
Đường từ TL 623B đi Mỹ Thạnh Bắc (1200m*10m)	1,20	Xã Nghĩa Thuận
Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cầu Trà Khúc 3).	6,10	Xã Nghĩa Thuận
Đường giao thông xã Nghĩa Thuận	14,20	Xã Nghĩa Thuận
Mở rộng đường Quốc Phòng (21m*1000m)	2,10	Xã Nghĩa Thuận
Đường từ UBND xã Nghĩa Kỳ đi đường La Hà - Nghĩa Thuận	3,50	Xã Nghĩa Kỳ
Đường Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận - Suối Mơ (giai đoạn 2) (Chiều dài: 3800m; mở rộng đủ 10m)	3,80	Xã Nghĩa Kỳ
Đường ĐT 623 - Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ (3600m*12m)	4,32	Xã Nghĩa Kỳ
Đường giao thông xã Nghĩa Kỳ	7,38	Xã Nghĩa Kỳ
Đường Nghĩa Kỳ - Quảng Phú (Chiều dài:1700m; chiều rộng 21m)	2,79	Xã Nghĩa Kỳ
Đường dọc kè sông Trà Khúc (32m*22000m)	70,40	Xã Nghĩa Lâm; Nghĩa Thắng; Nghĩa Kỳ; Nghĩa Thuận
Mở rộng tuyến đường mới nối vào đường hướng ra cầu TK3 kết nối với huyện Nghĩa Hành (Rộng: 30m)	9,51	Xã Nghĩa Kỳ; Nghĩa Thuận
Mở rộng đường Hoàng Văn Thụ nối dài (Chiều dài: 1300; hiện trạng 7.5m, mở rộng: 18m)	2,34	Xã Nghĩa Điền
Đường giao thông xã Nghĩa Điền	4,59	Xã Nghĩa Điền
Đường 621C (46m*4000m)	18,40	xã Nghĩa Kỳ; xã Nghĩa Điền
Ga và đường sắt cao tốc Bắc Nam	8,23	Xã Nghĩa Điền
Mở rộng đường từ Cầu Phủ mới đến giáp đường QH Phan Đình Phùng nối dài (chiều dài 1200m, hiện trạng 4m*600m, mở mới 26m)	3,12	Xã Nghĩa Trung
Ga Phú Nhiêu	1,17	Xã Nghĩa Trung
Đường Phan Đình Phùng nối dài (3300m*21m)	5,19	Xã Nghĩa Trung
Đường giao thông xã Nghĩa Trung	16,30	Xã Nghĩa Trung

*Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch
sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa*

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Đường cụm công nghiệp La Hà - Nghĩa Hành (giai đoạn 2)	1,70	TT La Hà
Đường giao thông TT La Hà	8,25	TT La Hà
Đường La Hà - Thu Xà nối dài, đoạn Quốc lộ 1 đi Phan Đình Phụng nối dài (2000m*10m)	1,85	TT La Hà; Nghĩa Trung
Mở rộng đường Nghĩa Thương - Nghĩa Hòa (đoạn từ Chợ Gồm Điện An đến giáp đường Sông Vệ - Nghĩa Hòa) (chiều dài: 1600m; hiện trạng: 5m; mở rộng đủ 17.5m)	2,80	Nghĩa Thương
Đường Cụm CN La Hà đi Nghĩa Thương (Giai đoạn 2 dự kiến nối vào đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh) (4700m*22m)	10,30	Thị trấn La Hà; Nghĩa Thương
Đường kết nối từ huyện Bình Sơn đến huyện Tư Nghĩa đoạn qua khu Kinh tế Dung Quất về TP Quảng Ngãi	15,00	xã Nghĩa Thương; TT La Hà
Đường cụm CN La Hà - Đường ĐH 28	1,98	xã Nghĩa Thương, TT La Hà
Đường giao thông xã Nghĩa Thương	18,47	Nghĩa Thương
Tuyến đường từ kênh N8 đến giáp đường Tân Nghĩa - Gò Bà Trẽ	0,09	xã Nghĩa Thương
Tuyến đường Điện An 4 - chùa Quang Lộc	2,98	xã Nghĩa Thương, xã Nghĩa Hòa
Tuyến đường từ QL1A đi ven biển	20,00	Xã Nghĩa Hòa; Nghĩa Hiệp
Đường giao thông xã Nghĩa Hòa	8,90	Xã Nghĩa Hòa
Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương (giai đoạn 2)	1,88	Xã Nghĩa Hòa; Nghĩa Thương
Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa	8,02	Xã Nghĩa Hòa; Nghĩa Hiệp
Đường Nghĩa Thương - Nghĩa Hiệp (ĐH 27 - ĐH 26C) (4000m*15m)	6,00	Nghĩa Thương; Nghĩa Hiệp
Đường QL1A đi Nghĩa Hiệp - Nghĩa Thương nối dài	25,30	Nghĩa Hiệp; Nghĩa Thương
Đường giao thông xã Nghĩa Hiệp	26,94	Xã Nghĩa Hiệp
Mở rộng Đường Sông Vệ - Nghĩa Hòa (ĐH.27B) (đoạn từ giáp đường Sông Vệ - Nghĩa Hiệp đến giáp đường La Hà - Nghĩa Hiệp (hiện trạng 8m, Chiều dài: 4300m; mở rộng: 16m)	6,88	TT Sông Vệ; Nghĩa Hiệp; Nghĩa Thương
Mở rộng nút giao thông đường Sông Vệ - Nghĩa Hiệp (ĐH26) tại lý trình Km1+031	0,02	TT Sông Vệ
Đường Sông Vệ - Nghĩa Hiệp	6,78	TT Sông Vệ; Nghĩa Hiệp
Đường Sông Vệ - Nghĩa Mỹ (chiều dài: 1600m; chiều rộng: 20m)	3,07	TT Sông Vệ; Nghĩa Mỹ
Tuyến đường trên kênh N16 đoạn từ nhà Phạm Khoa đến giáp đường DH.27 (TT Sông Vệ) Đường Sông Vệ - Nghĩa Thương	2,58	TT Sông Vệ; Nghĩa Hiệp; Nghĩa Thương
Đường giao thông TT Sông Vệ	4,16	TT Sông Vệ
Mở rộng đường Nghĩa Phương - Nghĩa Trung (chiều dài 1200m; hiện trạng 6m; mở rộng đủ: 10 m	1,20	Nghĩa Phương; Nghĩa Trung
Đường giao thông xã Nghĩa Phương	8,35	Xã Nghĩa Phương
Đường giao thông xã Nghĩa Mỹ	5,47	Xã Nghĩa Mỹ

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn La Hà (đoạn từ La Hà đến Sông Vệ) (4400m*32m)	14,08	TT La Hà, xã Nghĩa Thương, xã Nghĩa Phương, Nghĩa Trung, TT Sông Vệ
Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cầu Đập	0,6	Xã Nghĩa Mỹ

Diện tích thực giảm 66,27 ha do chuyển sang đất rừng phòng hộ 1,95 ha; đất chăn nuôi tập trung 0,15 ha đất nông nghiệp khác 5,37 ha; đất ở tại nông thôn 21,00 ha; đất ở tại đô thị 0,99 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,01 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 2,15 ha; đất khu công nghiệp 5,75 ha; đất cụm công nghiệp 0,33 ha; đất thương mại, dịch vụ 17,23 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,06 ha; các loại đất sử dụng cho mục đích công cộng còn lại 10,32 ha; đất tôn giáo 0,04 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,56 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,02 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,34 ha.

Diện tích đất giao thông không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 710,62 ha.

❖ Đất công trình thủy lợi:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 470,42 và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 495,41 ha, cấp huyện xác định giảm 70,91 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và giảm 95,90 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg. Diện tích giảm do điều chỉnh qua đất công trình phòng, chống thiên tai theo loại đất mới được quy định tại Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Đất thủy lợi đến năm 2030 có 399,51 ha, chiếm 5,22% diện tích đất phi nông nghiệp, giảm 65,13 ha so với năm 2023. Trong đó, diện tích thực tăng 11,94 ha được lấy đất trồng lúa 6,87 ha; đất trồng cây hàng năm khác 3,86 ha; đất trồng cây lâu năm 0,08 ha; đất ở tại nông thôn 0,03 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,18 ha; các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng còn lại 0,28 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,17 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,02 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,22 ha; đất chưa sử dụng là 0,23 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 24: Quy hoạch đất thủy lợi đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Quy hoạch hồ Hố Nang	0,10	Xã Nghĩa Sơn
Quy hoạch đất kênh mương	0,05	Xã Nghĩa Sơn

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Kênh Hóc Thê	0,06	Xã Nghĩa Thắng
Trạm bơm B1 (tưới vô cánh đồng Hồ Tạc, Hồ Vồng, Bò đề, Gò Đồn, Chim Chim)	0,61	Xã Nghĩa Thuận
Mương N6-5 nối dài (hiện trạng 1.5m, chiều dài 1300m, mở rộng 3m)	0,39	Xã Nghĩa Điền
Nạo vét Mương Soi, xã Nghĩa Trung	0,90	Xã Nghĩa Trung
Nạo vét tuyến mương tưới, tiêu La Hà -Nghĩa Thương - Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa	5,85	TT La Hà, Nghĩa Thương, Nghĩa Hòa
Trạm bơm chống hạn	0,04	Nghĩa Thương

Diện tích đất thủy lợi thực giảm 77,07 ha do chuyển sang đất rừng phòng hộ 1,35 ha; đất chăn nuôi tập trung 0,06 ha; đất nông nghiệp khác 3,62 ha; đất ở tại nông thôn 17,98 ha; đất ở tại đô thị 1,67 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,02 ha; đất quốc phòng 0,06 ha; đất an ninh 0,15 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,35 ha; đất khu công nghiệp 0,31 ha; đất cụm công nghiệp 0,33 ha; đất thương mại, dịch vụ 14,46 ha; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,04 ha; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 2,11 ha; các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng còn lại 32,93 ha; đất tôn giáo 0,03 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,19 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,06 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,35 ha.

Diện tích đất thủy lợi không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 387,57 ha.

❖ Đất công trình cấp nước, thoát nước:

Đất công trình cấp nước, thoát nước cấp huyện xác định đến năm 2030 có diện tích là 16,80 ha, chiếm 0,22% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 0,26 ha so với năm 2023.

Trong đó, diện tích thực tăng 1,16 ha được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 0,30 ha; đất trồng cây lâu năm 0,04 ha; đất ở tại nông thôn 0,01 ha; các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng còn lại 0,01 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,80 ha nhằm thực hiện công trình *Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa; Hệ thống cấp nước sinh hoạt liên xã Nghĩa Hiệp - Nghĩa Thương; Điều chỉnh bổ sung tuyến ống truyền tải nước sạch đoạn Nghĩa Kỳ*. Ngoài ra, diện tích thực giảm 0,90 ha do chuyển sang đất thương mại dịch vụ 0,06 ha; các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng còn lại 0,54 ha.

Diện tích đất công trình cấp nước, thoát nước không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 15,64 ha.

❖ Đất công trình phòng, chống thiên tai:

Đất công trình phòng, chống thiên tai cấp huyện xác định đến năm 2030 có diện tích là 95,90 ha, chiếm 1,25% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 72,55 ha so với năm 2023.

Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 18,73 ha; đất trồng cây hằng năm khác 19,48 ha; đất trồng cây lâu năm 2,69 ha; đất ở tại nông thôn 0,37 ha; đất ở tại đô thị 0,01 ha; các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng còn lại 1,80 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,03 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 28,02 ha; đất chưa sử dụng 1,42 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 25: Quy hoạch đất công trình phòng, chống thiên tai đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Kè chống sạt lở KDC Cà Đăng	0,05	Xã Nghĩa Sơn
Kè chống sạt lở Tà Măng	0,93	Xã Nghĩa Thắng
Kè chống sạt lở Sông Trà	29,00	Nghĩa Lâm; Nghĩa Thắng; Nghĩa Thuận; Nghĩa Kỳ
Kè La Châu, xã Nghĩa Trung	0,90	Xã Nghĩa Trung
Kè sông Phú, thị trấn La Hà	3,00	TT La Hà
Kè sông Bàu Giang, Thị trấn La Hà	2,50	TT La Hà
Kè chống sạt lở sông Bàu Ráng	0,45	Nghĩa Thương
Kè sông Vực Hồng, xã Nghĩa Hòa	2,50	Xã Nghĩa Hòa
Kè chống sạt lở bờ sông Phước Giang (Chiều dài 3000m; chiều rộng 10m)	3,00	Nghĩa Phương; Nghĩa Hiệp
Kè chống sạt lở Sông Cây Bứa	3,60	TT Sông Vệ; xã Nghĩa Phương
Kè phía Bắc Sông Vệ	12,00	TT Sông Vệ; xã Nghĩa Mỹ; xã Nghĩa Hiệp

Diện tích đất công trình phòng, chống thiên tai không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 23,35 ha.

❖ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 7,54 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 42,04 ha, cấp huyện xác định tăng 26,50 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và giảm 8,00 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên đến năm 2030 thông qua tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Tư Nghĩa là 42,04 ha. Tuy nhiên, qua rà soát với bản đồ Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 đã loại bỏ một số công trình không phù hợp với Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia như: *Căn cứ địa cách mạng và Di tích trạm y tế núi Đá Vách (xã Nghĩa Thắng)*. Do đó, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên đến năm 2030 là 34,04 ha, giảm 8,00 ha so với số liệu theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND, chiếm 0,45% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 32,04

ha so với năm 2023. Diện tích tăng lấy từ đất trồng lúa 2,00 ha; đất trồng cây hằng năm khác 7,81 ha; đất trồng cây lâu năm 3,74 ha; đất rừng sản xuất 16,33 ha; đất ở tại nông thôn 0,11 ha; các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng còn lại 2,00 ha; đất chưa sử dụng 0,05 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 26: Quy hoạch đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Di tích Trường Lũy	33,00	Xã Nghĩa Lâm , Nghĩa Sơn, Nghĩa Thắng
Bia tường niệm di tích Hồ Hàm xã Nghĩa Lâm	0,03	Xã Nghĩa Lâm
Xưởng sản xuất vũ khí Phan Thiết	0,03	xã Nghĩa Kỳ
Khu di tích bom B52	0,02	Xã Nghĩa Thắng
Di tích Đình La Hà	0,38	TT La Hà
Nhà lưu niệm Nhà thơ Bích Khê	0,21	Xã Nghĩa Hòa
Mở rộng Chùa Ông	0,40	Xã Nghĩa Hòa

Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 2,00 ha.

❖ Đất công trình xử lý chất thải:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 59,61 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 83,25 ha, cấp huyện xác định tăng 23,64 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và bằng với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đất công trình xử lý chất thải đến năm 2030 có 83,25 ha, chiếm 1,09% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 61,65 ha so với năm 2023 được lấy từ đất trồng lúa 6,50 ha, đất trồng cây hằng năm khác 12,09 ha, đất trồng cây lâu năm 26,45 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,03 ha, đất nông nghiệp khác 4,72 ha; đất ở tại nông thôn 1,47 ha; các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng còn lại 0,59 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,10 ha và đất chưa sử dụng 9,70 ha để xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ. Đồng thời, diện tích thực giảm 0,20 ha do chuyển sang các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng còn lại.

Diện tích đất công trình xử lý chất thải không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 21,60 ha.

❖ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 9,38 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 21,83 ha, cấp huyện xác định giảm 5,44 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và giảm 17,89 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng đến năm 2030 có 3,94 ha, chiếm 0,05% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 2,50 ha so với năm 2023. Trong đó, diện tích thực tăng 2,57 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,57 ha; đất trồng cây hằng năm khác 2,00 ha nhằm quy hoạch các công trình *Cải tạo đường dây 22 KV đấu nối nhà máy thủy điện Thạch Nham thuộc dự án thủy điện Thạch Nham, đổi tên thành: Tuyến đường dây 22kV đấu nối (thuộc dự án Thủy điện Thạch Nham); Trạm biến áp 110kV Nghĩa Hà và đấu nối*. Ngoài ra, diện tích thực giảm 0,07 ha do chuyển sang đất ở tại đô thị 0,05 ha; đất ở tại nông thôn 0,01 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,01 ha.

Diện tích công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 1,37 ha.

❖ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 2,50 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 1,00 ha, cấp huyện xác định giảm 1,50 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và bằng với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đến năm 2030 diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin có 1,00 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 0,45 ha so với năm 2023. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng cây hằng năm khác.

Diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 0,55 ha.

❖ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối:

Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối cấp huyện xác định đến năm 2030 có diện tích là 5,16 ha, chiếm 0,07% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 1,21 ha so với năm 2023. Trong đó:

Diện tích thực tăng 1,51 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,50 ha; đất trồng cây hằng năm khác 0,36 ha; đất trồng cây lâu năm 0,06 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,28 ha; các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng còn lại 0,02 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,29 ha nhằm quy hoạch các công trình sau:

Bảng 27: Quy hoạch đất chợ đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Chợ xã Nghĩa Sơn	0,30	Xã Nghĩa Sơn
Mở rộng chợ Nghĩa Lâm	0,21	Xã Nghĩa Lâm
Mở rộng chợ Nghĩa Kỳ	1,01	Xã Nghĩa Kỳ
Chợ xã Nghĩa Trung	0,36	Xã Nghĩa Trung
Chợ Vạn An, Nghĩa Thương	0,30	Nghĩa Thương
Chợ xã Nghĩa Hiệp	0,30	Xã Nghĩa Hiệp

Diện tích thực giảm 0,30 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,26 ha; các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng còn lại 0,04 ha.

Diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 3,65 ha.

❖ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng:

Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng cấp huyện xác định đến năm 2030 có diện tích là 311,77 ha, tăng 294,59 ha so với năm 2023. Diện tích tăng lấy từ đất trồng lúa 175,59 ha; đất trồng cây hằng năm khác 60,13 ha; đất trồng cây lâu năm 6,52 ha; đất nuôi trồng thủy sản 6,48 ha; đất ở tại nông thôn 5,65 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,18 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,04 ha; các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng khác 19,15 ha; đất tín ngưỡng 0,02 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 8,38 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,32 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 3,76 ha; đất chưa sử dụng 8,37 ha nhằm thực hiện các công trình sau:

Bảng 28: Quy hoạch đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Khu vui chơi giải trí xã Nghĩa Kỳ	1,35	Xã Nghĩa Kỳ
Khu vui chơi trẻ em kết hợp dịch vụ xã Nghĩa Điền	0,21	Xã Nghĩa Điền
Khu công viên cây xanh	0,18	TT La Hà
Công viên thôn Điện An 2 xã Nghĩa Thương	0,03	Nghĩa Thương
Công viên thôn Điện An 4 xã Nghĩa Thương	0,06	Nghĩa Thương
Công viên cây xanh xã Nghĩa Hiệp	1,70	Xã Nghĩa Hiệp
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng trong KDC trên địa bàn huyện	291,06	Toàn huyện

Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 17,18 ha.

i) Đất tôn giáo:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 18,34 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 15,35 ha, cấp huyện xác định giảm 2,90 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và tăng 0,09 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đến năm 2030 diện tích đất tôn giáo có 15,44 ha, chiếm 0,20% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 2,88 ha so với năm 2023. Trong đó, diện tích thực tăng 2,94 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,59 ha; đất trồng cây hằng năm khác 0,46 ha; đất ở tại nông thôn 0,19 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,45 ha; các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng còn lại 0,07 ha; đất tín ngưỡng 0,07 ha; đất nghĩa

trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,99 ha và đất chưa sử dụng 0,12 ha. Ngoài ra, diện tích thực giảm 0,06 ha do chuyển sang các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,01 ha; đất tín ngưỡng 0,05 ha.

Bảng 29: Quy hoạch đất tôn giáo đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Hội thánh Truyền giáo Cơ đốc Nghĩa Thắng	0,11	Xã Nghĩa Thắng
Mở rộng Chùa An Hội	1,19	Xã Nghĩa Kỳ
Chùa Phật Quang	0,05	Xã Nghĩa Điền
Mở rộng Chùa Tân An	0,20	Xã Nghĩa Trung
Mở rộng Chùa Đức Long	0,15	Xã Nghĩa Trung
Mở rộng Chùa Huệ Quang	0,18	Xã Nghĩa Trung
Mở rộng chùa Cảnh Tiên	0,59	Nghĩa Thương
Chùa Phước Sơn	0,35	xã Nghĩa Hòa
Chùa Đông Thọ	0,19	xã Nghĩa Hiệp
Mở rộng Chùa Long Vân	0,30	TT Sông Vệ
Mở rộng chùa Vạn Bửu	0,07	TT Sông Vệ
Chùa Mỹ Long	0,75	Xã Nghĩa Mỹ

Diện tích đất tôn giáo không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 12,50 ha.

j) Đất tín ngưỡng:

Đất tín ngưỡng cấp huyện xác định đến năm 2030 có diện tích là 9,26 ha, chiếm 0,12% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 0,24 ha so với năm 2023. Trong đó, diện tích thực tăng 0,47 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,10 ha; đất trồng cây hằng năm khác 0,17 ha; đất trồng cây lâu năm 0,11 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,01 ha; đất tôn giáo 0,05 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,01 ha và đất chưa sử dụng 0,02 ha. Ngoài ra, diện tích thực giảm 0,23 ha do chuyển sang đất rừng phòng hộ 0,04 ha; đất ở tại nông thôn 0,10 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,02 ha; đất tôn giáo 0,07 ha.

Bảng 30: Quy hoạch đất tín ngưỡng đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Mở rộng Đình làng Nghĩa An	0,64	Xã Nghĩa Điền
Dinh bà, Nghĩa từ thôn Điền Long	0,05	Xã Nghĩa Điền
Mở rộng đất tín ngưỡng (Nghĩa Từ Vạn Mỹ)	0,01	TT Sông Vệ
Đình tế Năng Tây	0,13	xã Nghĩa Phương
Dinh Da Ông Vạt	0,01	xã Nghĩa Phương

Diện tích đất tín ngưỡng không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 8,79 ha.

k) Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 615,91 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 632,55 ha, cấp huyện xác định giảm 16,64 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và bằng so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đến năm 2030 diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt có 632,55 ha, chiếm 8,27% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 50,30 ha so với năm 2023. Trong đó:

Diện tích thực tăng 99,58 ha được lấy từ đất trồng lúa 11,30 ha; đất trồng cây hằng năm khác 18,66 ha; đất trồng cây lâu năm 20,50 ha; đất rừng sản xuất 46,80 ha; các loại đất sử dụng vào mục đích công cộng còn lại 0,76 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,02 ha; đất chưa sử dụng 1,54 ha nhằm quy hoạch các công trình:

Bảng 31: Quy hoạch đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt đến năm 2030

TÊN CÔNG TRÌNH	Diện tích (ha)	Địa điểm
Mở rộng Nghĩa trang nhân dân Trảng Đé	2,48	Xã Nghĩa Thắng
Mở rộng Nghĩa trang Núi Bé	0,23	Xã Nghĩa Thắng
Nghĩa trang nhân dân xã Nghĩa Thuận	5,52	Xã Nghĩa Thuận
Nghĩa trang nhân dân xã Nghĩa Kỳ	4,48	Xã Nghĩa Kỳ
Nghĩa trang nhân dân xã Nghĩa Kỳ	50,00	Xã Nghĩa Kỳ
Mở rộng nghĩa trang nhân dân Gò Mương (phục vụ cải táng)	0,36	Xã Nghĩa Trung
Mở rộng nghĩa trang nhân dân Cồn Đào (phục vụ cải táng)	1,07	Xã Nghĩa Trung
Nghĩa địa An Hà 3, xã Nghĩa Trung	0,54	xã Nghĩa Trung
Mở rộng Nghĩa trang Nhân dân núi Ông Xeo (phục vụ cải táng)	9,74	TT La Hà
Nhà tang lễ TT La Hà	0,60	TT La Hà
Mở rộng Nghĩa trang nhân dân Gò Giữa (phục vụ cải táng)	0,41	Nghĩa Thương
Mở rộng Nghĩa địa Triển Trầm - Hòa Phú (Khu cải táng Costal)	9,23	xã Nghĩa Hòa
Mở rộng nghĩa trang Nhân dân Gò Gạch (phục vụ cải táng)	3,04	Xã Nghĩa Hiệp
Khu Nghĩa trang nhân dân thị trấn Sông Vệ (Điểm Gò Nhuệ - Gò Kê)	1,80	TT Sông Vệ
Mở rộng Nghĩa trang Nhân dân Đê Bô Núi Trọc	12,53	Xã Nghĩa Phương
Nghĩa Trang nhân dân xã Nghĩa Mỹ	1,50	Xã Nghĩa Mỹ

Diện tích thực giảm 49,28 ha do chuyển qua đất nông nghiệp khác 1,92 ha; đất ở tại nông thôn 10,11 ha; đất ở tại đô thị 2,94 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,02 ha; đất quốc phòng 0,59 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,38 ha; đất khu công nghiệp 0,42 ha; đất cụm công nghiệp 0,04 ha; đất thương mại, dịch vụ 7,03 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,13 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 23,28 ha; đất tôn giáo 0,99 ha; đất tín ngưỡng 0,01 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,42 ha.

Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 532,97 ha.

l) Đất có mặt nước chuyên dùng

❖ Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá:

Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá cấp huyện xác định đến năm 2030 là 12,80 ha, chiếm 0,16% diện tích đất phi nông nghiệp, giảm 15,74 ha so với năm 2023. Trong đó, thực giảm 19,47 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 0,15 ha; đất ở tại nông thôn 0,34 ha; đất ở tại đô thị 0,46 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,06; đất an ninh 0,06 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,47 ha; đất thương mại, dịch vụ 17,40 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,53 ha. Đồng thời, tăng 3,27 ha do lấy từ đất trồng lúa 2,50 ha; đất trồng cây hằng năm khác 0,39 ha; đất trồng cây lâu năm 0,03 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,08 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,27 ha.

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 9,07 ha.

❖ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối:

Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối cấp huyện xác định đến năm 2030 là 832,79 ha, chiếm 10,89% diện tích đất phi nông nghiệp, giảm 81,44 ha so với năm 2023. Trong đó, diện tích thực giảm 86,95 ha do chuyển sang đất rừng phòng hộ 1,13 ha; đất chăn nuôi tập trung 0,58 ha; đất nông nghiệp khác 2,73 ha; đất ở tại nông thôn 8,77 ha; đất ở tại đô thị 0,20 ha; đất khu công nghiệp 11,72 ha; đất thương mại, dịch vụ 12,14 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,02 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 49,37 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,02 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,27 ha. Diện tích thực tăng 5,97 ha được lấy từ đất trồng lúa 2,41 ha; đất trồng cây hằng năm khác 1,11 ha; đất trồng cây lâu năm 0,15 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,17 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,69 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,42 ha và đất chưa sử dụng 0,02 ha.

Diện tích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 827,28 ha.

8.3.3. Đất chưa sử dụng:

Theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh, diện tích đến năm 2030 là 40,77 ha và diện tích đến năm 2030 thực hiện sau khi Chính

phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg là 267,49 ha, cấp huyện xác định tăng 240,14 ha so với chỉ tiêu phân bổ theo Quyết định 326/QĐ-TTg và tăng 13,42 ha so với chỉ tiêu thực hiện sau khi điều chỉnh, bổ sung Quyết định 326/QĐ-TTg.

Đến năm 2030 tổng diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện còn 280,91 ha, chiếm 1,37% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn toàn huyện đến năm 2030 được đưa vào sử dụng giảm 126,61 ha, trong đó chuyển vào mục đích nông nghiệp 7,20 ha; đất phi nông nghiệp 119,41 ha.

Diện tích đất chưa sử dụng không thay đổi mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch là 280,91 ha.

8.4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ điều chỉnh quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

Tổng diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện đưa vào sử dụng cho các mục đích trong giai đoạn quy hoạch là 126,61 ha, trong đó:

- Đưa vào nhóm đất nông nghiệp là 7,20 ha, gồm các loại đất:
 - + Đất trồng cây hằng năm khác: 2,80 ha (xã Nghĩa Phương);
 - + Đất rừng phòng hộ: 0,43 ha (xã Nghĩa Hòa);
 - + Đất chăn nuôi tập trung 0,20 ha (xã Nghĩa Kỳ: 0,01 ha, xã Nghĩa Thắng: 0,19 ha);
 - + Đất nông nghiệp khác: 3,77 ha (thị trấn Sông Vệ: 0,03 ha, xã Nghĩa Phương: 3,69 ha, xã Nghĩa Thắng: 0,01 ha, xã Nghĩa Trung: 0,04 ha).
- Đưa vào nhóm đất phi nông nghiệp là 119,41 ha, gồm các loại đất:
 - + Đất ở tại nông thôn: 25,88 ha (xã Nghĩa Điền: 0,35 ha, xã Nghĩa Hòa: 1,55 ha, xã Nghĩa Kỳ: 7,46 ha, xã Nghĩa Lâm: 1,93 ha, xã Nghĩa Mỹ: 0,25 ha, xã Nghĩa Phương: 0,40 ha, xã Nghĩa Thắng: 0,52 ha, xã Nghĩa Thuận: 0,01 ha, xã Nghĩa Thương: 0,77 ha, xã Nghĩa Trung: 12,64 ha);
 - + Đất ở tại đô thị: 0,55 ha (thị trấn La Hà: 0,30 ha, thị trấn Sông Vệ: 0,25 ha);
 - + Đất quốc phòng: 5,51 ha (xã Nghĩa Kỳ);
 - + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1,34 ha (thị trấn La Hà: 0,02 ha, xã Nghĩa Điền: 0,10 ha, xã Nghĩa Hiệp: 0,01 ha, xã Nghĩa Hòa: 0,25 ha, xã Nghĩa Phương: 0,30 ha, xã Nghĩa Thương: 0,61 ha, xã Nghĩa Trung: 0,05 ha);
 - + Đất khu công nghiệp: 0,02 ha (xã Nghĩa Thuận);
 - + Đất cụm công nghiệp: 6,47 ha (thị trấn La Hà: 1,14 ha, xã Nghĩa Thương: 5,33 ha);
 - + Đất thương mại, dịch vụ: 8,29 ha (thị trấn La Hà: 0,15 ha, thị trấn Sông Vệ: 0,02 ha, xã Nghĩa Hòa: 0,15 ha, xã Nghĩa Kỳ: 0,12 ha, xã Nghĩa Lâm: 0,34 ha, xã Nghĩa Phương: 0,01 ha, xã Nghĩa Sơn: 0,61 ha, xã Nghĩa Thắng: 0,08 ha, xã Nghĩa Thuận: 0,30 ha, xã Nghĩa Thương: 3,66 ha, xã Nghĩa Trung: 2,85 ha);

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,25 ha (xã Nghĩa Lâm: 0,35 ha, xã Nghĩa Thương: 0,90 ha);

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 68,40 ha (thị trấn La Hà: 0,17 ha, thị trấn Sông Vệ: 0,13 ha, xã Nghĩa Điền: 0,64 ha, xã Nghĩa Hiệp: 2,20 ha, xã Nghĩa Hòa: 3,16 ha, xã Nghĩa Kỳ: 45,28 ha, xã Nghĩa Lâm: 2,31 ha, xã Nghĩa Mỹ: 0,26 ha, xã Nghĩa Phương: 0,06 ha, xã Nghĩa Sơn: 0,02 ha, xã Nghĩa Thắng: 0,72 ha, xã Nghĩa Thuận: 0,01 ha, xã Nghĩa Thương: 3,80 ha, xã Nghĩa Trung: 9,64 ha);

+ Đất tôn giáo: 0,12 ha (xã Nghĩa Thương);

+ Đất tín ngưỡng: 0,02 ha (xã Nghĩa Phương);

+ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 1,54 ha (thị trấn La Hà: 0,03 ha, xã Nghĩa Hòa: 0,09 ha, xã Nghĩa Kỳ: 0,06 ha, xã Nghĩa Phương: 1,33 ha, xã Nghĩa Trung: 0,03 ha);

+ Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 0,02 ha (xã Nghĩa Hòa).

(Chi tiết xem tại biểu số 06/CH)

8.5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã:

a) Nhóm đất nông nghiệp:

❖ Tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp phải thu hồi trong kỳ điều chỉnh quy hoạch là 3.388,08 ha. Trong đó:

- Đất trồng lúa: 1.441,37 ha (thị trấn La Hà: 75,52 ha, thị trấn Sông Vệ: 28,41 ha, xã Nghĩa Điền: 32,35 ha, xã Nghĩa Hiệp: 116,65 ha, xã Nghĩa Hòa: 79,60 ha, xã Nghĩa Kỳ: 201,98 ha, xã Nghĩa Lâm: 16,33 ha, xã Nghĩa Mỹ: 16,04 ha, xã Nghĩa Phương: 48,84 ha, xã Nghĩa Sơn: 1,03 ha, xã Nghĩa Thắng: 36,75 ha, xã Nghĩa Thuận: 68,21 ha, xã Nghĩa Thương: 459,11 ha, xã Nghĩa Trung: 260,55 ha);

- Đất trồng cây hàng năm khác: 1.289,61 ha (thị trấn La Hà: 46,10 ha, thị trấn Sông Vệ: 21,40 ha, xã Nghĩa Điền: 76,86 ha, xã Nghĩa Hiệp: 80,32 ha, xã Nghĩa Hòa: 115,08 ha, xã Nghĩa Kỳ: 137,22 ha, xã Nghĩa Lâm: 58,15 ha, xã Nghĩa Mỹ: 32,38 ha, xã Nghĩa Phương: 55,05 ha, xã Nghĩa Sơn: 25,89 ha, xã Nghĩa Thắng: 217,58 ha, xã Nghĩa Thuận: 130,06 ha, xã Nghĩa Thương: 127,88 ha, xã Nghĩa Trung: 165,64 ha);

- Đất trồng cây lâu năm: 263,11 ha (thị trấn La Hà: 6,90 ha, xã Nghĩa Điền: 2,09 ha, xã Nghĩa Hiệp: 4,92 ha, xã Nghĩa Hòa: 19,22 ha, xã Nghĩa Kỳ: 65,67 ha, xã Nghĩa Lâm: 20,34 ha, xã Nghĩa Mỹ: 0,39 ha, xã Nghĩa Phương: 6,58 ha, xã Nghĩa Sơn: 8,73 ha, xã Nghĩa Thắng: 102,83 ha, xã Nghĩa Thuận: 17,57 ha, xã Nghĩa Thương: 5,36 ha, xã Nghĩa Trung: 2,51 ha);

- Đất rừng phòng hộ: 2,59 ha (xã Nghĩa Sơn);

- Đất rừng sản xuất: 304,01 ha (xã Nghĩa Điền: 1,62 ha, xã Nghĩa Kỳ: 194,35 ha, xã Nghĩa Lâm 7,98 ha, xã Nghĩa Phương: 22,42 ha, xã Nghĩa Sơn: 7,46 ha, xã Nghĩa Thắng: 52,78 ha, xã Nghĩa Thuận: 17,40 ha);

- Đất nuôi trồng thủy sản: 81,86 ha (xã Nghĩa Hiệp: 6,84 ha, xã Nghĩa Hòa: 67,84 ha, xã Nghĩa Kỳ: 0,20 ha, xã Nghĩa Lâm: 5,16 ha, xã Nghĩa Thắng: 1,69 ha, xã Nghĩa Thương: 0,13 ha);

- Đất chăn nuôi tập trung: 3,06 ha (xã Nghĩa Kỳ);

- Đất nông nghiệp khác: 2,47 ha (thị trấn La Hà: 0,38 ha, xã Nghĩa Kỳ: 2,09 ha).

b) Nhóm đất phi nông nghiệp:

❖ Tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp phải thu hồi để chuyển sang mục đích sử dụng sang các loại khác trong nội bộ nhóm đất phi nông nghiệp trong kỳ điều chỉnh quy hoạch là 405,12 ha. Trong đó:

- Đất ở tại nông thôn: 73,61 ha (xã Nghĩa Điền: 5,52 ha, xã Nghĩa Hiệp: 3,44 ha, xã Nghĩa Hòa: 3,44 ha, xã Nghĩa Kỳ: 13,04 ha, xã Nghĩa Lâm: 2,76 ha, xã Nghĩa Mỹ: 0,19 ha, xã Nghĩa Phương: 3,74 ha, xã Nghĩa Sơn: 0,09 ha, xã Nghĩa Thắng: 5,23 ha, xã Nghĩa Thuận: 5,02 ha, xã Nghĩa Thương: 16,56 ha, xã Nghĩa Trung: 14,58 ha);

- Đất ở tại đô thị: 5,37 ha (thị trấn La Hà: 2,29 ha, thị trấn Sông Vệ: 3,08 ha,);

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 2,95 ha (thị trấn La Hà: 0,18 ha, xã Nghĩa Hiệp: 0,50 ha, xã Nghĩa Hòa: 0,08 ha, xã Nghĩa Mỹ: 0,23 ha, xã Nghĩa Phương: 0,26 ha, xã Nghĩa Sơn: 0,06 ha, xã Nghĩa Thắng: 0,92 ha, xã Nghĩa Thuận: 0,53 ha, xã Nghĩa Thương: 0,19 ha);

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 13,65 ha (thị trấn La Hà: 2,80 ha, thị trấn Sông Vệ: 0,38 ha, xã Nghĩa Điền: 0,86 ha, xã Nghĩa Hiệp: 0,01 ha, xã Nghĩa Hòa: 1,19 ha, xã Nghĩa Kỳ: 0,28 ha, xã Nghĩa Lâm: 0,05 ha, xã Nghĩa Mỹ: 1,21 ha, xã Nghĩa Phương: 0,63 ha, xã Nghĩa Thắng: 1,99 ha, xã Nghĩa Thuận: 1,30 ha, xã Nghĩa Thương: 0,13 ha, xã Nghĩa Trung: 2,82 ha);

- Đất thương mại, dịch vụ: 1,40 ha (thị trấn La Hà: 0,25 ha, xã Nghĩa Kỳ: 0,22 ha, xã Nghĩa Phương: 0,43 ha, xã Nghĩa Thắng: 0,13 ha, xã Nghĩa Thuận: 0,02 ha, xã Nghĩa Thương: 0,35 ha);

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,80 ha (thị trấn La Hà);

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 5,54 ha (xã Nghĩa Phương);

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 144,81 ha (thị trấn La Hà: 7,24 ha, thị trấn Sông Vệ: 2,21 ha, xã Nghĩa Điền: 1,21 ha, xã Nghĩa Hiệp: 14,96 ha, xã Nghĩa Hòa: 23,92 ha, xã Nghĩa Kỳ: 20,35 ha, xã Nghĩa Lâm: 1,70 ha, xã Nghĩa Mỹ: 0,44 ha, xã Nghĩa Phương: 2,89 ha, xã Nghĩa Sơn: 0,01 ha, xã Nghĩa Thắng: 8,85 ha, xã Nghĩa Thuận: 4,21 ha, xã Nghĩa Thương: 33,82 ha, xã Nghĩa Trung: 23,00 ha);

- Đất tôn giáo: 0,06 ha (thị trấn Sông Vệ: 0,01 ha, xã Nghĩa Điền: 0,05 ha);
- Đất tín ngưỡng: 0,23 ha (xã Nghĩa Hòa: 0,10 ha, xã Nghĩa Mỹ: 0,06 ha, xã Nghĩa Trung: 0,07 ha);
- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 49,28 ha (thị trấn La Hà: 5,44 ha, thị trấn Sông Vệ: 0,89 ha, xã Nghĩa Điền: 1,62 ha, xã Nghĩa Hiệp: 5,54 ha, xã Nghĩa Hòa: 7,18 ha, xã Nghĩa Kỳ: 7,32 ha, xã Nghĩa Lâm: 0,37 ha, xã Nghĩa Mỹ: 1,43 ha, xã Nghĩa Phương: 1,20 ha, xã Nghĩa Thắng: 0,14 ha, xã Nghĩa Thuận: 1,05 ha, xã Nghĩa Thương: 10,59 ha, xã Nghĩa Trung: 6,51 ha);
- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: 19,47 ha (thị trấn La Hà: 0,84 ha, thị trấn Sông Vệ: 0,05 ha, xã Nghĩa Hiệp: 0,51 ha, xã Nghĩa Kỳ: 1,98 ha, xã Nghĩa Lâm: 0,12 ha, xã Nghĩa Mỹ: 2,76 ha, xã Nghĩa Phương: 0,48 ha, xã Nghĩa Thắng: 12,41 ha, xã Nghĩa Thuận: 0,14 ha, xã Nghĩa Thương: 0,03 ha, xã Nghĩa Trung: 0,15 ha);
- Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 86,95 ha (thị trấn La Hà: 2,58 ha, thị trấn Sông Vệ: 1,90 ha, xã Nghĩa Điền: 0,95 ha, xã Nghĩa Hiệp: 6,83 ha, xã Nghĩa Hòa: 10,15 ha, xã Nghĩa Kỳ: 17,07 ha, xã Nghĩa Lâm: 8,94 ha, xã Nghĩa Mỹ: 1,53 ha, xã Nghĩa Phương: 2,65 ha, xã Nghĩa Sơn: 2,54 ha, xã Nghĩa Thắng: 4,50 ha, xã Nghĩa Thuận: 5,05 ha, xã Nghĩa Thương: 13,49 ha, xã Nghĩa Trung: 8,77 ha).

(Chi tiết xem tại biểu số 07/CH)

8.6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật đất đai trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã:

a) Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp:

❖ Tổng diện tích nhóm đất nông nghiệp phải chuyển mục đích trong kỳ điều chỉnh quy hoạch là 3.089,97 ha. Trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 1.398,27 ha (thị trấn La Hà: 75,52 ha, thị trấn Sông Vệ: 21,68 ha, xã Nghĩa Điền: 32,35 ha, xã Nghĩa Hiệp: 113,97 ha, xã Nghĩa Hòa: 79,60 ha, xã Nghĩa Kỳ: 187,30 ha, xã Nghĩa Lâm: 15,37 ha, xã Nghĩa Mỹ: 16,04 ha, xã Nghĩa Phương: 47,32 ha, xã Nghĩa Sơn: 0,61 ha, xã Nghĩa Thắng: 26,31 ha, xã Nghĩa Thuận: 64,45 ha, xã Nghĩa Thương: 459,11 ha, xã Nghĩa Trung: 258,64 ha);
- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 1.129,23 ha (thị trấn La Hà: 46,10 ha, thị trấn Sông Vệ: 18,22 ha, xã Nghĩa Điền: 76,51 ha, xã Nghĩa Hiệp: 77,89 ha, xã Nghĩa Hòa: 115,08 ha, xã Nghĩa Kỳ: 129,98 ha, xã Nghĩa Lâm: 58,15 ha, xã Nghĩa Mỹ: 32,38 ha, xã Nghĩa Phương: 53,66 ha, xã Nghĩa Sơn: 25,57 ha, xã Nghĩa Thắng: 90,80 ha, xã Nghĩa Thuận: 112,33 ha, xã Nghĩa Thương: 127,88 ha, xã Nghĩa Trung: 164,68 ha);

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 222,13 ha (thị trấn La Hà: 6,90 ha, xã Nghĩa Điền 2,09 ha, xã Nghĩa Hiệp: 4,92 ha, xã Nghĩa Hòa: 19,22 ha, xã Nghĩa Kỳ: 61,30 ha, xã Nghĩa Lâm: 10,35 ha, xã Nghĩa Mỹ: 0,39 ha, xã Nghĩa Phương: 6,47 ha, xã Nghĩa Sơn: 8,73 ha, xã Nghĩa Thắng: 76,96 ha, xã Nghĩa Thuận: 16,93 ha, xã Nghĩa Thương: 5,36 ha, xã Nghĩa Trung: 2,51 ha);

- Đất rừng phòng hộ: 2,59 ha (xã Nghĩa Sơn);

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 273,39 ha (xã Nghĩa Điền: 1,62 ha, Nghĩa Kỳ: 171,17 ha, Nghĩa Lâm 0,54 ha, Nghĩa Phương: 22,42 ha, Nghĩa Sơn: 7,46 ha, Nghĩa Thắng: 52,78 ha và xã Nghĩa Thuận: 17,40 ha);

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 58,83 ha (xã Nghĩa Hiệp: 6,84 ha, xã Nghĩa Hòa: 51,23 ha, xã Nghĩa Kỳ: 0,06 ha, xã Nghĩa Thắng: 0,57 ha, xã Nghĩa Thương: 0,13 ha);

- Đất chăn nuôi tập trung chuyển sang đất phi nông nghiệp: 3,06 ha (xã Nghĩa Kỳ);

- Đất nông nghiệp khác: 2,47 ha (TT La Hà: 0,38 ha, xã Nghĩa Kỳ: 2,09 ha).

b) Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp:

- Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp: 43,10 ha (thị trấn Sông Vệ: 6,73 ha, xã Nghĩa Hiệp: 2,68 ha, xã Nghĩa Kỳ: 14,68 ha, xã Nghĩa Lâm: 0,96 ha, xã Nghĩa Phương: 1,52 ha, xã Nghĩa Sơn: 0,42 ha, xã Nghĩa Thắng: 10,44 ha, xã Nghĩa Thuận: 3,76 ha, xã Nghĩa Trung: 1,91 ha);

- Chuyển đất trồng rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp: 30,62 ha (xã Nghĩa Kỳ: 23,18 ha, xã Nghĩa Lâm: 7,44 ha).

c) Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp:

❖ Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai:

- Diện tích chuyển đổi: 2.004,17 ha (thị trấn La Hà: 84,95 ha, thị trấn Sông Vệ: 27,18 ha, xã Nghĩa Điền 71,03 ha, xã Nghĩa Hiệp: 124,23 ha, xã Nghĩa Hòa: 193,65 ha, xã Nghĩa Kỳ: 390,13 ha, xã Nghĩa Lâm: 52,86 ha, xã Nghĩa Mỹ: 47,81 ha, xã Nghĩa Phương: 92,59 ha, xã Nghĩa Sơn: 28,91 ha, xã Nghĩa Thắng: 143,98 ha, xã Nghĩa Thuận: 144,97 ha, xã Nghĩa Thương: 367,67 ha, xã Nghĩa Trung: 234,21 ha).

❖ Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở:

- Diện tích chuyển đổi: 70,60 ha (thị trấn La Hà: 5,67 ha, thị trấn Sông Vệ: 0,94 ha, xã Nghĩa Điền 1,24 ha, xã Nghĩa Hiệp: 7,74 ha, xã Nghĩa Hòa: 11,93 ha, xã Nghĩa Kỳ: 1,81 ha, xã Nghĩa Lâm: 0,06 ha, xã Nghĩa Mỹ: 1,29 ha, xã Nghĩa Phương: 1,15 ha, xã Nghĩa Thắng: 1,12 ha, xã Nghĩa Thuận: 3,40 ha, xã Nghĩa Thương: 17,98 ha, xã Nghĩa Trung: 16,27 ha).

❖ Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:

- Diện tích chuyển đổi: 2,23 ha (thị trấn La Hà: 1,24 ha, thị trấn Sông Vệ: 0,35 ha, xã Nghĩa Điền 0,36 ha, xã Nghĩa Lâm: 0,05 ha, xã Nghĩa Phương: 0,14 ha, xã Nghĩa Thắng: 0,09 ha).

❖ Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:

- Diện tích chuyển đổi: 40,68 ha (thị trấn La Hà: 3,06 ha, thị trấn Sông Vệ: 0,14 ha, xã Nghĩa Hiệp: 1,89 ha, xã Nghĩa Hòa: 3,23 ha, xã Nghĩa Kỳ: 12,65 ha, xã Nghĩa Lâm: 0,21 ha, xã Nghĩa Mỹ: 0,20 ha, xã Nghĩa Phương: 0,27 ha, xã Nghĩa Thắng: 2,24 ha, xã Nghĩa Thuận: 1,86 ha, xã Nghĩa Thương: 8,22 ha, xã Nghĩa Trung: 6,71 ha).

❖ Chuyển đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ:

- Diện tích chuyển đổi: 1,80 ha (thị trấn La Hà).

8.7. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong kỳ điều chỉnh quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên:

Cùng với phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa đất nước, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, cụ thể là đất trồng lúa, đất rừng sang mục đích phi nông nghiệp là tất yếu. Trước mục tiêu bảo đảm an ninh lương thực, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu, yêu cầu bảo vệ, kiểm soát nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Khu vực đất trồng lúa: Đến năm 2030 diện tích khu vực đất trồng lúa cần quản lý nghiêm ngặt là 2.543,76 ha, chiếm 12,37% diện tích tự nhiên. Thực hiện tốt công tác dồn điền đổi thửa. Đồng thời tiến hành chuyển đổi một số diện tích đất lúa sang trồng các loại cây khác có giá trị kinh tế cao hơn.

Khu vực đất rừng phòng hộ: Đến năm 2030 khu rừng phòng hộ được quy hoạch là 2.535,72 ha, chiếm 12,33% diện tích tự nhiên, diện tích tập trung tại 4 xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Thắng, Nghĩa Hòa và Nghĩa Kỳ.

Khu vực rừng sản xuất là rừng tự nhiên: Đến năm 2030 có diện tích là 435,05 ha. Việc bảo vệ và phát triển rừng phải dựa trên nền tảng là quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, đảm bảo an ninh môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thực hiện hiệu quả chức năng phòng hộ, giảm nhẹ thiên tai, chống xói mòn, giữ nguồn nước, góp phần giảm nghèo khu vực nông thôn và miền núi.

Việc quản lý chặt chẽ các khu vực này giúp ngăn chặn tình trạng khai thác đất đai quá mức, phá rừng trái phép, hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất một cách không hợp lý. Điều này không chỉ bảo vệ môi trường mà còn góp phần vào việc ứng phó với các thách thức về biến đổi khí hậu, bảo vệ hệ sinh thái và duy trì sự cân bằng tự nhiên.

(Chi tiết xem tại biểu số 10/CH)

8.8. Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 42, Thông tư 29/2024/TT-BTNMT:

Bảng 32: Phân kỳ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cho từng kỳ kế hoạch 05 năm huyện Tư Nghĩa

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Năm hiện trạng		Các kỳ kế hoạch			
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Kỳ đầu, đến năm 2025		Kỳ cuối, đến năm 2030	
					Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	15.684,92	76,29	14.426,18	70,16	12.631,86	61,44
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.048,86	19,69	3.575,61	17,39	2.607,49	12,68
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	3.983,76	19,38	3.512,02	17,08	2.543,76	12,37
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	65,10	0,32	63,59	0,31	63,73	0,31
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	4.520,27	21,98	4.072,97	19,81	3.233,46	15,73
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.052,21	5,12	932,52	4,54	789,10	3,84
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.516,80	12,24	2.536,19	12,34	2.535,72	12,33
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.423,01	16,65	3.160,36	15,37	3.119,00	15,17
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	435,05	2,12	435,05	2,12	435,05	2,12
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	97,50	0,47	26,96	0,13	16,38	0,08
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	7,08	0,03	8,99	0,04	19,39	0,09
1.9	Đất làm muối	LMU						
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	19,19	0,09	112,58	0,55	311,32	1,51
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	4.468,36	21,73	5.816,07	28,29	7.648,03	37,20
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.100,28	5,35	1.393,46	6,78	2.162,95	10,52
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	142,50	0,69	176,52	0,86	223,77	1,09
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,71	0,06	11,71	0,06	12,76	0,06
2.4	Đất quốc phòng	CQP	82,47	0,40	106,61	0,52	116,78	0,57
2.5	Đất an ninh	CAN	12,11	0,06	13,88	0,07	63,04	0,31
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	131,19	0,64	155,67	0,76	186,08	0,91
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	15,41	0,07	16,11	0,08	17,63	0,09
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	3,19	0,02	3,19	0,02	5,20	0,03
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,19	0,02	11,92	0,06	12,36	0,06
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	78,23	0,38	90,17	0,44	100,42	0,49
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	28,99	0,14	33,10	0,16	49,24	0,24
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH						
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT						

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT					0,05	
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,18	0,01	1,18	0,01	1,18	0,01
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	112,82	0,55	570,97	2,78	942,76	4,59
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK			276,00	1,34	276,00	1,34
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	18,02	0,09	26,75	0,13	26,75	0,13
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT						
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	34,87	0,17	133,32	0,65	467,25	2,27
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4,05	0,02	6,85	0,03	25,88	0,13
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	55,88	0,27	128,05	0,62	146,88	0,71
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.328,34	6,46	1.823,37	8,87	2.436,71	11,85
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	776,89	3,78	1.136,04	5,53	1.485,34	7,22
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	464,64	2,26	434,13	2,11	399,51	1,94
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	16,54	0,08	16,29	0,08	16,80	0,08
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	23,35	0,11	35,50	0,17	95,90	0,47
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	2,00	0,01	34,33	0,17	34,04	0,17
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	21,80	0,11	71,45	0,35	83,25	0,40
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1,44	0,01	1,45	0,01	3,94	0,02
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,55		0,56	0,00	1,00	
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	3,95	0,02	4,61	0,02	5,16	0,03
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	17,18	0,08	89,02	0,43	311,77	1,52
2.9	Đất tôn giáo	TON	12,56	0,06	13,83	0,07	15,44	0,08
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	9,02	0,04	8,87	0,04	9,26	0,05
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	582,25	2,83	631,61	3,07	632,55	3,08
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	942,77	4,59	909,24	4,42	845,59	4,11
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	28,54	0,14	13,89	0,07	12,80	0,06
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	914,23	4,45	895,35	4,35	832,79	4,05
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,34		0,34		0,34	
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	407,52	1,98	318,55	1,55	280,91	1,37

Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa

3.1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	108,12	0,53	26,89	0,13	20,92	0,10
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	289,70	1,41	281,97	1,37	250,45	1,22
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	0,13		0,13		0,13	
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS						
3.5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	9,57	0,05	9,56	0,05	9,41	0,05

(Chi tiết xem tại biểu số 11/CH)

8.9.1. Diện tích các loại đất kỳ đầu đến năm 2025:

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện kỳ đầu đến năm 2025 là 20.560,80 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 14.426,18 ha, chiếm 70,16% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: 5.816,07 ha, chiếm 28,29% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: 318,55 ha, chiếm 1,55% tổng diện tích tự nhiên.

❖ Diện tích các loại đất phân theo đơn vị hành chính cấp xã:

a) Nhóm đất nông nghiệp:

- **Đất trồng lúa:** Diện tích đến năm 2025 là 3.575,61 ha (trong đó diện tích chuyên trồng lúa 3.512,02 ha) phân bố trên địa bàn xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 51,11 ha; Thị trấn Sông Vệ 49,36 ha, Nghĩa Điền 177,67 ha; Nghĩa Hiệp 380,38 ha; Nghĩa Hoà 210,76 ha; Nghĩa Kỳ 383,07 ha; Nghĩa Lâm 219,43 ha; Nghĩa Mỹ 139,21 ha; Nghĩa Phương 194,03 ha; Nghĩa Sơn 63,87 ha; Nghĩa Thắng 438,64 ha; Nghĩa Thuận 252,49 ha; Nghĩa Thương 631,96 ha; Nghĩa Trung 383,63 ha.

- **Đất trồng cây hằng năm khác:** Đến năm 2025 có khoảng 4.072,97 ha, được phân bố trên địa bàn xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 52,97 ha, Thị trấn Sông Vệ 50,01 ha, Nghĩa Điền 219,94 ha; Nghĩa Hiệp 259,21 ha; Nghĩa Hoà 169,56 ha; Nghĩa Kỳ 710,31 ha; Nghĩa Lâm 261,85 ha; Nghĩa Mỹ 150,37 ha; Nghĩa Phương 130,93 ha; Nghĩa Sơn 63,69 ha; Nghĩa Thắng 817,44 ha; Nghĩa Thuận 538,46 ha; Nghĩa Thương 267,70 ha; Nghĩa Trung 380,53 ha.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Diện tích đất trồng cây lâu năm đến năm 2025 là 932,52 ha; phân bố trên địa bàn xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 13,93 ha; Nghĩa Điền 27,17 ha; Nghĩa Hiệp 20,59 ha; Nghĩa Hoà 31,70 ha; Nghĩa Kỳ 147,56 ha; Nghĩa Lâm 164,15 ha; Nghĩa Mỹ 5,57 ha; Nghĩa Phương 29,88 ha; Nghĩa Sơn 68,51 ha; Nghĩa Thắng 268,72 ha; Nghĩa Thuận 136,18 ha; Nghĩa Thương 7,94 ha; Nghĩa Trung 10,62 ha.

- **Đất rừng phòng hộ:** Diện tích đến năm 2025 là 2.536,19 ha; phân bố trên địa bàn xã như sau: Nghĩa Hòa 21,51 ha; Nghĩa Kỳ 110,42 ha; Nghĩa Sơn 2.185,77 ha; Nghĩa Thắng 218,49 ha.

- **Đất rừng sản xuất:** Diện tích đến năm 2025 là 3.160,36 ha; phân bố trên địa bàn xã như sau: Nghĩa Điền 1,67 ha; Nghĩa Kỳ 39,88 ha; Nghĩa Lâm 136,93

ha; Nghĩa Phương 42,42 ha; Nghĩa Sơn 1.230,18 ha; Nghĩa Thắng 1.595,93 ha; Nghĩa Thuận 113,35 ha.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Diện tích đất nuôi trồng thủy sản đến năm 2025 là 26,96 ha; phân bố trên địa bàn các xã như sau: Nghĩa Điền 0,18 ha; Nghĩa Hiệp 6,88 ha; Nghĩa Hoà 7,42 ha; Nghĩa Kỳ 2,89 ha; Nghĩa Lâm 5,77 ha; Nghĩa Mỹ 0,02 ha; Nghĩa Sơn 0,42 ha; Nghĩa Thắng 2,89 ha; Nghĩa Thương 0,49 ha.

- **Đất chăn nuôi tập trung:** Diện tích đất chăn nuôi tập trung đến năm 2025 là 8,99 ha; phân bố trên địa bàn các xã như sau: Nghĩa Điền 1,97 ha; Nghĩa Kỳ 4,97 ha; Nghĩa Thuận 2,05 ha.

- **Đất nông nghiệp khác:** Diện tích đất nông nghiệp khác đến năm 2025 là 112,58 ha; phân bố trên địa bàn các xã như sau: Thị trấn La Hà 0,56 ha; Nghĩa Điền 2,92 ha; Nghĩa Hòa 0,32 ha; Nghĩa Kỳ 56,92 ha; Nghĩa Phương 2,52 ha; Nghĩa Thắng 41,93 ha; Nghĩa Thuận 7,41 ha.

b) Đất phi nông nghiệp:

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, giải quyết nhu cầu đất ở, đất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ tập trung, xây dựng cơ sở hạ tầng và các cơ sở, đất phi nông nghiệp đến năm 2025 có khoảng 5.816,07 ha. Trong đó:

- **Đất ở nông thôn:** Để đáp ứng nhu cầu về nhà ở trên địa bàn huyện đến năm 2025 diện tích đất ở nông thôn là 1.393,46 được phân bố ở 12 xã: Nghĩa Điền 123,45 ha; Nghĩa Hiệp 81,03 ha; Nghĩa Hoà 166,33 ha; Nghĩa Kỳ 137,96 ha; Nghĩa Lâm 220,67 ha; Nghĩa Mỹ 40,65 ha; Nghĩa Phương 82,41 ha; Nghĩa Sơn 14,34 ha; Nghĩa Thắng 75,99 ha; Nghĩa Thuận 87,33 ha; Nghĩa Thương 177,47 ha; Nghĩa Trung 185,83 ha.

- **Đất ở đô thị:** Từng bước xây dựng trung tâm kinh tế thương mại phía Nam của huyện đáp ứng yêu cầu công nghiệp thị trấn La Hà xứng tầm là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa của huyện. Phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội để thị trấn Sông Vệ hiện đại hoá trong tương lai. Đến năm 2025 nhu cầu sử dụng đất ở đô thị là 176,52 ha (TT La Hà 120,45 ha, TT Sông Vệ 56,07 ha).

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Diện tích đến năm 2025 là 11,71 ha được phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 4,12 ha; Thị trấn Sông Vệ 0,39 ha; Nghĩa Điền 0,25 ha; Nghĩa Hiệp 0,87 ha; Nghĩa Hoà 1,26 ha; Nghĩa Kỳ 0,18 ha; Nghĩa Lâm 0,15 ha; Nghĩa Mỹ 0,23 ha; Nghĩa Phương 0,28 ha; Nghĩa Sơn 0,21 ha; Nghĩa Thắng 2,04 ha; Nghĩa Thuận 0,53 ha; Nghĩa Thương 0,63 ha; Nghĩa Trung 0,57 ha.

- **Đất quốc phòng:** Diện tích đến năm 2025 là 106,61 ha được phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 2,50 ha; Nghĩa Kỳ 17,96 ha; Nghĩa Phương 4,05 ha; Nghĩa Sơn 67,45 ha; Nghĩa Thắng 1,69 ha; Nghĩa Thuận 12,95 ha.

- **Đất an ninh:** Để đáp ứng nhu cầu sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở Công an, diện tích đất an ninh đến năm 2025 là 13,88 ha. Thị trấn La Hà 1,87 ha; Thị trấn Sông Vệ 0,06 ha; Nghĩa Điền 0,19 ha; Nghĩa Hiệp 0,25 ha; Nghĩa Hoà 0,14 ha; Nghĩa Kỳ 10,07 ha; Nghĩa Lâm 0,09 ha; Nghĩa Phương 0,16 ha; Nghĩa Sơn 0,11 ha; Nghĩa Thắng 0,37 ha; Nghĩa Thuận 0,22 ha; Nghĩa Thương 0,14 ha; Nghĩa Trung 0,21 ha.

- **Đất xây dựng công trình sự nghiệp:** Nhu cầu tăng thêm cho các loại đất để xây dựng cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, sân thể thao,... để phục vụ nhu cầu dân sinh trên địa bàn huyện đến năm 2025 diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp là 155,67 ha; được phân bố trên địa bàn xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 33,93 ha, Thị trấn Sông Vệ 5,26 ha, Nghĩa Điền 5,76 ha; Nghĩa Hiệp 5,89 ha; Nghĩa Hoà 10,72 ha; Nghĩa Kỳ 20,80 ha; Nghĩa Lâm 6,14 ha; Nghĩa Mỹ 5,10 ha; Nghĩa Phương 5,18 ha; Nghĩa Sơn 2,96 ha; Nghĩa Thắng 13,52 ha; Nghĩa Thuận 7,97 ha; Nghĩa Thương 17,05 ha; Nghĩa Trung 15,40 ha.

- **Đất khu công nghiệp:** Để đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp đô thị đến năm 2025, diện tích đất bố trí cho khu công nghiệp khoảng 276,00 ha phân bố trên địa bàn 02 xã Nghĩa Kỳ (254,88 ha) và Nghĩa Thuận (21,12 ha).

- **Đất cụm công nghiệp:** Để bảo đảm đất đai cho việc thu hút đầu tư, nhu cầu bố trí đất để mở rộng cụm công nghiệp La Hà là 8,73 ha (TT La Hà và xã Nghĩa Thương). Diện tích đất cụm công nghiệp được phân bố trên địa các xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 11,59 ha; Nghĩa Hòa 1,20 ha; Nghĩa Thương 13,96 ha.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Để đáp ứng nhu cầu phát triển giao thương buôn bán dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng, hình thành trung tâm thương mại của địa phương. Diện tích đất thương mại, dịch vụ đến năm 2025 là 133,32 ha, phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 10,64 ha; Thị trấn Sông Vệ 2,34 ha, Nghĩa Điền 5,80 ha; Nghĩa Hiệp 0,62 ha; Nghĩa Hoà 37,43 ha; Nghĩa Kỳ 12,17 ha; Nghĩa Lâm 0,44 ha; Nghĩa Mỹ 0,08 ha; Nghĩa Phương 1,75 ha; Nghĩa Thắng 25,41 ha; Nghĩa Thuận 14,27 ha; Nghĩa Thương 5,80 ha; Nghĩa Trung 16,57 ha.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Nhu cầu sử dụng đất để bố trí các điểm công nghiệp, các nhà máy sản xuất,... phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, diện tích đến năm 2025 bố trí tăng thêm 2,80 ha trên địa bàn toàn huyện. Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 2,87 ha; Thị trấn Sông Vệ 0,05 ha; Nghĩa Hòa 0,08 ha; Nghĩa Lâm 1,35 ha; Nghĩa Thắng 2,50 ha.

- **Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:** Để đáp ứng nhu cầu phát triển cho hoạt động khoáng sản. Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đến năm 2025 tăng 72,17 ha, chủ yếu phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương về khai thác cát, đá, khai thác làm vật liệu xây dựng. Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau: Nghĩa Kỳ 36,70 ha; Nghĩa Lâm 5,03 ha; Nghĩa Phương 5,74 ha; Nghĩa Thắng 50,97 ha; Nghĩa Thuận 29,61 ha.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Nhu cầu cho các loại đất để xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, phòng chống thiên tai, đất bãi thải, xử lý chất thải, chợ,... để phục vụ nhu cầu dân sinh trên địa bàn huyện đến năm 2025, diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng có 1.823,37 ha; được phân bố trên địa bàn xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 109,58 ha, Thị trấn Sông Vệ 51,70 ha, Nghĩa Điền 115,85 ha; Nghĩa Hiệp 106,06 ha; Nghĩa Hoà 111,89 ha; Nghĩa Kỳ 327,82 ha; Nghĩa Lâm 112,81 ha; Nghĩa Mỹ 31,21 ha; Nghĩa Phương 75,31 ha; Nghĩa Sơn 42,22 ha; Nghĩa Thắng 202,13 ha; Nghĩa Thuận 139,44 ha; Nghĩa Thương 171,69 ha; Nghĩa Trung 225,65 ha.

- Đất tôn giáo: Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho mục đích tôn giáo trên địa bàn các xã, thị trấn đến năm 2025 diện tích đất tôn giáo là 13,83 ha, được phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 2,66 ha; Thị trấn Sông Vệ 0,60 ha; Nghĩa Điền 0,43 ha; Nghĩa Hiệp 1,37 ha; Nghĩa Hoà 2,31 ha; Nghĩa Kỳ 1,22 ha; Nghĩa Mỹ 0,80 ha; Nghĩa Phương 0,45 ha; Nghĩa Thắng 0,11 ha; Nghĩa Thuận 0,17 ha; Nghĩa Thương 1,82 ha; Nghĩa Trung 1,89 ha.

- Đất tín ngưỡng: Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho mục đích tín ngưỡng trên địa bàn các xã, thị trấn. Diện tích đất tín ngưỡng đến năm 2025 là 8,87 ha, được phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 0,40 ha; Thị trấn Sông Vệ 0,18 ha; Nghĩa Điền 1,11 ha; Nghĩa Hiệp 1,32 ha; Nghĩa Hoà 1,24 ha; Nghĩa Kỳ 1,18 ha; Nghĩa Lâm 0,03 ha; Nghĩa Mỹ 0,10 ha; Nghĩa Phương 0,54 ha; Nghĩa Thắng 0,14 ha; Nghĩa Thuận 0,10 ha; Nghĩa Thương 1,08 ha; Nghĩa Trung 1,45 ha.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: Để đáp ứng nhu cầu làm nơi mai táng tập trung, nhà tang lễ, công trình để hỏa táng. Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt đến năm 2025 có diện tích là 631,61 ha, được phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 25,22 ha; Thị trấn Sông Vệ 14,17 ha, Nghĩa Điền 15,19 ha; Nghĩa Hiệp 58,76 ha; Nghĩa Hoà 75,00 ha; Nghĩa Kỳ 157,24 ha; Nghĩa Lâm 27,22 ha; Nghĩa Mỹ 25,92 ha; Nghĩa Phương 49,14 ha; Nghĩa Sơn 1,36 ha; Nghĩa Thắng 26,94 ha; Nghĩa Thuận 55,10 ha; Nghĩa Thương 61,51 ha; Nghĩa Trung 38,84 ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: Diện tích đến năm 2025 có 13,89 ha, được phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 2,12 ha; Thị trấn Sông Vệ 0,27 ha, Nghĩa Điền 0,13 ha; Nghĩa Hiệp 1,19 ha; Nghĩa Hoà 0,07 ha; Nghĩa Kỳ 0,84 ha; Nghĩa Lâm 1,68 ha; Nghĩa Mỹ 2,76 ha; Nghĩa Phương 0,24 ha; Nghĩa Thắng 1,58 ha; Nghĩa Thuận 1,82 ha; Nghĩa Thương 0,17 ha; Nghĩa Trung 1,02 ha.

- Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích đến năm 2025 có 895,35 ha, được phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau: Thị trấn La Hà 9,42 ha; Thị trấn Sông Vệ 33,46 ha, Nghĩa Điền 3,61 ha; Nghĩa Hiệp 114,29 ha; Nghĩa Hoà 131,15 ha; Nghĩa Kỳ 96,33 ha; Nghĩa Lâm 116,36 ha; Nghĩa Mỹ 41,16 ha; Nghĩa Phương 18,42 ha; Nghĩa Thắng 116,51 ha; Nghĩa Thuận 74,71 ha; Nghĩa Thương 73,08 ha; Nghĩa Trung 21,49 ha.

❖ **Diện tích chi tiết các loại đất:**

a) Nhóm đất nông nghiệp:

Đến năm 2025 diện tích nhóm đất nông nghiệp toàn huyện có 14.426,18 ha, chiếm 70,16% tổng diện tích tự nhiên, giảm 1.258,74 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- **Đất trồng lúa:** Đến năm 2025 có diện tích 3.575,61 ha, chiếm 17,39% tổng diện tích tự nhiên, giảm 473,25 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất sau: đất chăn nuôi tập trung 0,03 ha; đất nông nghiệp khác 16,88 ha; đất ở tại nông thôn 98,21 ha; đất ở tại đô thị 13,52 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,56 ha; đất quốc phòng 1,77 ha; đất an ninh 0,37 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 15,50 ha; đất khu công nghiệp 95,14 ha; đất cụm công nghiệp 2,60 ha; đất thương mại, dịch vụ 26,10 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 200,09 ha; đất tôn giáo 0,12 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,61 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 2,01 ha.

Diện tích đất trồng lúa không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 3.575,61 ha.

- **Đất trồng cây hằng năm khác:** Đến năm 2025 có diện tích 3.512,02 ha, chiếm 17,08% tổng diện tích tự nhiên, giảm 447,30 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất sau: đất chăn nuôi tập trung 3,74 ha; đất nông nghiệp khác 25,68 ha; đất ở tại nông thôn 168,08 ha; đất ở tại đô thị 16,39 ha; đất quốc phòng 4,22 ha; đất an ninh 0,16 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 9,06 ha; đất khu công nghiệp 38,79 ha; đất cụm công nghiệp 1,14 ha; đất thương mại, dịch vụ 19,95 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,26 ha; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 2,30 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 150,48 ha; đất tôn giáo 0,02 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 4,99 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1,04 ha.

Diện tích đất trồng cây hằng năm khác không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 4.072,97 ha.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Đến năm 2025 có diện tích 932,52 ha, chiếm 4,54% tổng diện tích tự nhiên, giảm 119,69 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất sau: đất chăn nuôi tập trung 0,98 ha; đất nông nghiệp khác 14,95 ha; đất ở tại nông thôn 6,07 ha; đất ở tại đô thị 0,14 ha; đất quốc phòng 2,14 ha; đất an ninh 0,16 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,39 ha; đất khu công nghiệp 7,97 ha; đất cụm công nghiệp 0,17 ha; đất thương mại, dịch vụ 10,01 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1,54 ha; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 10,47 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 50,35 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 14,20 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,15 ha.

Diện tích đất trồng cây lâu năm không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 932,52 ha.

- **Đất rừng phòng hộ:** Đến năm 2025 có diện tích 2.536,19 ha, chiếm 12,34% tổng diện tích tự nhiên, tăng 19,39 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích thực tăng 21,51 ha được lấy từ đất nuôi trồng thủy sản 16,61 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 3,30 ha; đất tín ngưỡng 0,04 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1,13 ha; đất bằng chưa sử dụng 0,43 ha.

+ Diện tích thực giảm 2,59 ha do chuyển sang đất quốc phòng 2,12 ha và đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,47 ha.

Diện tích đất trồng rừng phòng hộ không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 2.514,21 ha.

- **Đất rừng sản xuất:** Đến năm 2025 có diện tích 3.160,36 ha, chiếm 15,37% tổng diện tích tự nhiên, giảm 262,65 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất 23,18 ha; đất quốc phòng 8,61 ha; đất cụm công nghiệp 115,88 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,37 ha; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 57,29 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 16,57 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 40,75 ha.

Diện tích đất trồng rừng sản xuất không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 3.160,36 ha.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Đến năm 2025 có diện tích 26,96 ha, chiếm 0,13% tổng diện tích tự nhiên, giảm 70,54 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất như sau: đất rừng phòng hộ 16,61 ha; đất nông nghiệp khác 1,18 ha; đất ở tại nông thôn 26,73 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,50 ha; đất thương mại, dịch vụ 16,30 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 8,05 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 1,17 ha.

Diện tích đất trồng nuôi trồng thủy sản không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 26,96 ha.

- **Đất chăn nuôi tập trung:** Đến năm 2025 có diện tích 8,99 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên, tăng 1,91 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích thực tăng là 4,97 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,03 ha; đất trồng cây hằng năm khác 3,74 ha; đất trồng cây lâu năm 0,98 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,21 ha; đất chưa sử dụng 0,01 ha.

+ Diện tích thực giảm 3,06 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

Diện tích đất chăn nuôi tập trung không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 4,02 ha.

- **Đất nông nghiệp khác:** Đến năm 2025 có diện tích 112,58 ha, chiếm 0,55% tổng diện tích tự nhiên, tăng 93,39 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích thực tăng 95,86 ha được lấy từ đất trồng lúa 16,88 ha; đất trồng cây hằng năm khác 25,68 ha; đất trồng cây lâu năm 14,95 ha; đất rừng sản xuất 23,18 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,18 ha; đất ở tại nông thôn 9,03 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 3,08 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 1,88 ha.

+ Diện tích thực giảm 2,47 ha do chuyển sang các loại đất sau: đất thương mại, dịch vụ 0,43 ha và đất sử dụng vào mục đích công cộng 2,04 ha.

Diện tích đất nông nghiệp khác không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 16,72 ha.

b) Nhóm đất phi nông nghiệp:

Đến năm 2025 diện tích nhóm đất phi nông nghiệp toàn huyện có 5.816,07 ha, chiếm 28,29% tổng diện tích tự nhiên, tăng 1.347,71 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- **Đất ở tại nông thôn:** Đến năm 2025 có diện tích 1.393,46 ha, chiếm 6,78% tổng diện tích tự nhiên, tăng 294,15 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích thực tăng 336,83 ha được lấy từ đất trồng lúa 98,21 ha; đất trồng cây hằng năm khác 168,08 ha; đất trồng cây lâu năm 6,07 ha; đất nuôi trồng thủy sản 26,73 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 0,88 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 17,43 ha; đất tín ngưỡng 0,10 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 1,94 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,01 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,62 ha; đất chưa sử dụng 16,76 ha.

+ Diện tích thực giảm 42,68 ha do chuyển sang các loại đất sau: đất nông nghiệp khác 9,03 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 0,21 ha; đất thương mại, dịch vụ 1,31 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 31,98 ha; đất tôn giáo 0,15 ha.

Diện tích đất ở tại nông thôn không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 1.057,60 ha.

- **Đất ở tại đô thị:** Đến năm 2025 có diện tích 176,52 ha, chiếm 0,86% tổng diện tích tự nhiên, tăng 34,02 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích thực tăng 34,37 ha được lấy từ đất trồng lúa 13,52 ha; đất trồng cây hằng năm khác 16,39 ha; đất trồng cây lâu năm 0,14 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 0,30 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 3,00 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,16 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,46 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,20 ha; đất chưa sử dụng 0,20 ha.

+ Diện tích thực giảm 0,35 ha do chuyển sang các loại đất sau: đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,05 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,05 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,25 ha.

Diện tích đất ở tại đô thị không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 142,15 ha.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Đến năm 2025 có diện tích 11,71 ha, chiếm 0,06% tổng diện tích tự nhiên, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích thực tăng 1,21 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,56 ha; đất ở tại đô thị 0,05 ha và đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,60 ha.

+ Đồng thời diện tích thực giảm 1,21 ha do chuyển sang các loại đất sau: đất an ninh 0,76 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,20 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,25 ha.

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 10,50 ha.

- **Đất quốc phòng:** Đến năm 2025 có diện tích 106,61 ha, chiếm 0,52% tổng diện tích tự nhiên, tăng 24,13 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 1,77 ha; đất trồng cây hằng năm khác 4,22 ha; đất trồng lâu năm 2,14 ha; đất rừng phòng hộ 2,12 ha; đất rừng sản xuất 8,61 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,19 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,59 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,01 ha và đất chưa sử dụng 4,48 ha.

Diện tích đất quốc phòng không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 82,47 ha.

- **Đất an ninh:** Đến năm 2025 có diện tích 13,88 ha, chiếm 0,07% tổng diện tích tự nhiên, tăng 1,77 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 0,37 ha; đất trồng cây hằng năm khác 0,16 ha; đất trồng cây lâu năm 0,16 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,76 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,25 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,01 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,06 ha.

Diện tích đất an ninh không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 12,11 ha.

- **Đất xây dựng công trình sự nghiệp:** Đến năm 2025 có diện tích 155,67 ha, chiếm 0,76% tổng diện tích tự nhiên, tăng 24,48 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích thực tăng 29,33 ha được lấy từ đất trồng lúa 15,50 ha; đất trồng cây hằng năm khác 9,06 ha; đất trồng cây lâu năm 0,39 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,50 ha; đất ở tại nông thôn 0,21 ha; đất ở tại đô thị 0,05 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,20 ha; nội bộ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,45 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 1,79 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,40 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,02 ha, đất chưa sử dụng 0,76 ha.

+ Diện tích thực giảm 4,85 ha do chuyển sang các loại đất sau: đất ở tại nông thôn 0,88 ha; đất ở tại đô thị 0,30 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,60 ha; đất an ninh 0,25 ha; nội bộ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,45 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,44 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 1,93 ha.

Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 126,34 ha.

- **Đất khu công nghiệp:** Đến năm 2025 có diện tích 276,00 ha, chiếm 1,34% tổng diện tích tự nhiên, tăng 276,00 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 95,14 ha; đất trồng cây hằng năm khác 38,79 ha; đất trồng cây lâu năm 7,97 ha; đất rừng sản xuất 115,88 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 6,06 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,42 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 11,72 ha và đất chưa sử dụng 0,02 ha.

- **Đất cụm công nghiệp:** Đến năm 2025 có diện tích 26,75 ha, chiếm 0,13% tổng diện tích tự nhiên, tăng 8,73 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 2,60 ha; đất trồng cây hằng năm khác 1,14 ha; đất trồng cây lâu năm 0,17 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,33 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,09 ha và đất chưa sử dụng 4,40 ha.

Diện tích đất cụm công nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 18,02 ha.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Đến năm 2025 có diện tích 133,32 ha, chiếm 0,65% tổng diện tích tự nhiên, tăng 98,45 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích thực tăng được lấy từ đất trồng lúa 26,10 ha; đất trồng cây hằng năm khác 19,95 ha; đất trồng cây lâu năm 10,01 ha; đất nuôi trồng thủy sản 16,30 ha; đất nông nghiệp khác 0,43 ha; đất ở tại nông thôn 1,31 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,44 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 6,39 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,81 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 14,47 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,01 ha và đất chưa sử dụng 3,93 ha.

+ Diện tích thực 1,70 ha giảm do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

Diện tích đất thương mại, dịch vụ không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 33,17 ha.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Đến năm 2025 có diện tích 6,85 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích tự nhiên, tăng 2,80 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng cây hằng năm khác 1,26 ha; đất trồng cây lâu năm 1,54 ha.

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 4,05 ha.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Đến năm 2025 có diện tích 128,05 ha, chiếm 0,62% tổng diện tích tự nhiên, tăng 72,17 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 2,30 ha; đất trồng cây lâu năm 10,47 ha; đất rừng sản xuất 57,29 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 2,11 ha.

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 55,88 ha.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Đến năm 2025 có diện tích 1.823,07 ha, chiếm 8,87% tổng diện tích tự nhiên, tăng 487,11 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích thực tăng 544,24 ha được lấy từ đất trồng lúa 200,09 ha; đất trồng cây hàng năm khác 150,48 ha; đất trồng cây lâu năm 50,35 ha; đất rừng phòng hộ 16,57 ha; đất rừng sản xuất 16,57 ha; đất nuôi trồng thủy sản 8,0 ha; đất chăn nuôi tập trung 3,06 ha; đất nông nghiệp khác 2,04 ha; đất ở tại nông thôn 31,98 ha; đất ở tại đô thị 0,25 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,25 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,93 ha; nội bộ đất sử dụng vào mục đích công cộng 13,25 ha; đất tín ngưỡng 0,33 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 4,63 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 10,65 ha và đất chưa sử dụng 48,99 ha.

+ Diện tích thực giảm 57,13 ha do chuyển sang các loại đất sau: đất rừng phòng hộ 3,30 ha; đất chăn nuôi tập trung 0,21 ha; đất nông nghiệp khác 3,08 ha; đất ở tại nông thôn 17,43 ha; đất ở tại đô thị 3,00 ha; đất quốc phòng 0,19 ha; đất an ninh 0,01 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,79 ha; đất khu công nghiệp 6,06 ha; đất cụm công nghiệp 0,33 ha; đất thương mại, dịch vụ 6,39 ha; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 2,11 ha; nội bộ đất sử dụng vào mục đích công cộng 13,20 ha; đất tôn giáo 0,04 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 1,05 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,67 ha.

Diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 1.271,21 ha.

- Đất tôn giáo: Đến năm 2025 có diện tích 13,83 ha, chiếm 0,07% tổng diện tích tự nhiên, tăng 1,27 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích tăng được lấy từ đất trồng lúa 0,12 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,02 ha; đất ở tại nông thôn 0,15 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,04 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,94 ha.

Diện tích đất tôn giáo không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 12,56 ha.

- Đất tín ngưỡng: Đến năm 2025 có diện tích 8,87 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên, diện tích giảm so với hiện trạng năm 2023 do chuyển sang đất

rừng phòng hộ 0,04 ha; đất ở tại nông thôn 0,10 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,33 ha.

Diện tích đất tín ngưỡng không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 8,85 ha.

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: Đến năm 2025 có diện tích 631,61 ha, chiếm 3,07% tổng diện tích tự nhiên, tăng 49,36 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích thực tăng 61,64 ha được lấy từ đất trồng lúa 0,61 ha; đất trồng cây hằng năm khác 4,99 ha; đất trồng cây lâu năm 14,20 ha; đất rừng sản xuất 40,75 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 1,05 ha và đất chưa sử dụng 0,04 ha.

+ Diện tích thực giảm 12,28 ha do chuyển sang các loại đất sau: đất nông nghiệp khác 1,88 ha; đất ở tại nông thôn 1,94 ha; đất ở tại đô thị 0,16 ha; đất quốc phòng 0,59 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,40 ha; đất khu công nghiệp 0,42 ha; đất cụm công nghiệp 0,09 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,81 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 4,63 ha; đất tôn giáo 0,94 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,42 ha.

Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 569,97 ha.

- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: Đến năm 2025 có diện tích 13,89 ha, chiếm 0,07% tổng diện tích tự nhiên, giảm 14,65 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích thực tăng 0,38 ha được lấy từ đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối.

+ Diện tích thực giảm 15,03 ha do chuyển sang các loại đất sau: đất ở tại nông thôn 0,01 ha; đất ở tại đô thị 0,46 ha; đất quốc phòng 0,01 ha; đất an ninh 0,06 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,02 ha; đất thương mại, dịch vụ 14,47 ha.

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 13,51 ha.

- Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Đến năm 2025 có diện tích 895,35 ha, chiếm 4,35% tổng diện tích tự nhiên, giảm 18,88 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

+ Diện tích thực tăng 5,48 ha được lấy từ đất trồng lúa 2,01 ha; đất trồng cây hằng năm khác 1,04 ha; đất trồng cây lâu năm 0,15 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,17 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 0,67 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,42 ha và đất chưa sử dụng 0,02 ha.

+ Diện tích thực giảm 24,36 ha do chuyển sang các loại đất sau: đất rừng phòng hộ 1,13 ha; đất ở tại nông thôn 0,62 ha; đất ở tại đô thị 0,20 ha; đất khu

công nghiệp 11,72 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,01 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 10,30 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 0,38 ha.

Diện tích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối không thay đổi mục đích sử dụng trong kỳ đầu, đến năm 2025 là 889,87 ha.

- Đất phi nông nghiệp khác: Đến năm 2025 có diện tích 0,34 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2023.

c) Nhóm đất chưa sử dụng:

Diện tích nhóm đất chưa sử dụng đến năm 2025 là 318,55 ha, chiếm 1,55% tổng diện tích tự nhiên, giảm 88,97 ha so với hiện trạng năm 2023. Diện tích giảm do chuyển sang các loại đất sau: đất rừng phòng hộ 0,43 ha; đất chăn nuôi tập trung 0,01 ha; đất ở tại nông thôn 16,76 ha; đất ở tại đô thị 0,20 ha; đất quốc phòng 4,48 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,76 ha; đất khu công nghiệp 0,02 ha; đất cụm công nghiệp 4,40 ha; đất thương mại, dịch vụ 3,93 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 48,99 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, đất cơ sở lưu trữ tro cốt 0,04 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,02 ha.

8.9.2. Diện tích các loại đất kỳ cuối đến năm 2030:

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện kỳ cuối đến năm 2030 là 20.560,80 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 12.631,86 ha, chiếm 61,44% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: 7,648,03 ha, chiếm 37,20% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: 280,91 ha, chiếm 1,37% tổng diện tích tự nhiên.

a) Nhóm đất nông nghiệp:

Diện tích nhóm đất nông nghiệp kỳ cuối đến năm 2030 là 12.631,86 ha, giảm 1.794,32 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể:

- ***Đất trồng lúa:*** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 2.607,49 ha, giảm 968,12 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 0,86 ha, Thị trấn Sông Vệ 27,54 ha, Nghĩa Điền 164,81 ha; Nghĩa Hiệp 284,13 ha; Nghĩa Hoà 159,19 ha; Nghĩa Kỳ 316,43 ha; Nghĩa Lâm 207,04 ha; Nghĩa Mỹ 126,11 ha; Nghĩa Phương 151,94 ha; Nghĩa Sơn 63,17 ha; Nghĩa Thắng 411,94 ha; Nghĩa Thuận 221,81 ha; Nghĩa Thương 233,87 ha; Nghĩa Trung 238,65 ha.

- ***Đất trồng cây hàng năm khác:*** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 3.233,46 ha, giảm 839,51 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 32,48 ha, Thị trấn Sông Vệ 39,54 ha, Nghĩa Điền 182,50 ha; Nghĩa Hiệp 188,15 ha; Nghĩa Hoà 117,75 ha; Nghĩa Kỳ 644,42 ha; Nghĩa Lâm 224,29 ha; Nghĩa Mỹ 127,54 ha; Nghĩa Phương 87,95 ha; Nghĩa Sơn 46,79 ha; Nghĩa Thắng 664,48 ha; Nghĩa Thuận 444,93 ha; Nghĩa Thương 171,28 ha; Nghĩa Trung 261,31 ha.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 789,10 ha; giảm 143,42 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 7,50 ha; Nghĩa Điền 26,27 ha; Nghĩa Hiệp 16,71 ha; Nghĩa Hoà 18,11 ha; Nghĩa Kỳ 145,12 ha; Nghĩa Lâm 146,22 ha; Nghĩa Mỹ 5,46 ha; Nghĩa Phương 25,51 ha; Nghĩa Sơn 64,68 ha; Nghĩa Thắng 195,40 ha; Nghĩa Thuận 126,51 ha; Nghĩa Thương 2,58 ha; Nghĩa Trung 9,03 ha.

- **Đất rừng phòng hộ:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 2.535,72 ha; giảm 0,47 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Nghĩa Hòa 21,51 ha; Nghĩa Kỳ 110,42 ha; Nghĩa Sơn 2.185,30 ha; Nghĩa Thắng 218,49 ha.

- **Đất rừng sản xuất:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 3.119,00 ha; giảm 41,36 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Nghĩa Điền 0,05 ha; Nghĩa Kỳ 40,92 ha; Nghĩa Lâm 128,97 ha; Nghĩa Phương 20,00 ha; Nghĩa Sơn 1.229,27 ha; Nghĩa Thắng 1.586,35 ha; Nghĩa Thuận 113,44 ha.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 16,38 ha; giảm 10,58 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Nghĩa Điền 0,18 ha; Nghĩa Hiệp 0,04 ha; Nghĩa Hoà 8,38 ha; Nghĩa Kỳ 2,87 ha; Nghĩa Lâm 0,61 ha; Nghĩa Mỹ 0,02 ha; Nghĩa Sơn 1,16 ha; Nghĩa Thắng 2,76 ha; Nghĩa Thương 0,36 ha.

- **Đất chăn nuôi tập trung:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 16,33 ha; tăng 7,34 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Nghĩa Điền 1,97 ha; Nghĩa Kỳ 4,97 ha; Nghĩa Thắng 7,34 ha; Nghĩa Thuận 2,05 ha.

- **Đất nông nghiệp khác:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 314,38 ha; tăng 201,80 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 0,18 ha; Thị trấn Sông Vệ 11,35 ha; Nghĩa Điền 3,27 ha; Nghĩa Hiệp 7,58 ha; Nghĩa Hòa 0,32 ha; Nghĩa Kỳ 57,30 ha; Nghĩa Lâm 24,21 ha; Nghĩa Phương 10,22 ha; Nghĩa Thắng 167,19 ha; Nghĩa Thuận 29,66 ha; Nghĩa Trung 3,10 ha.

b) Nhóm đất phi nông nghiệp:

Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp kỳ cuối đến năm 2030 là 7.648,03 ha, tăng 1.831,96 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể:

- **Đất ở nông thôn:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 2.162,95 ha, tăng 769,49 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Nghĩa Điền 156,71 ha; Nghĩa Hiệp 158,01 ha; Nghĩa Hoà 220,57 ha; Nghĩa Kỳ 194,31 ha; Nghĩa Lâm 244,58 ha; Nghĩa Mỹ 66,55 ha; Nghĩa Phương 139,16 ha; Nghĩa Sơn 32,33 ha; Nghĩa Thắng 124,65 ha; Nghĩa Thuận 138,55 ha; Nghĩa Thương 400,66 ha; Nghĩa Trung 286,87 ha.

- **Đất ở đô thị:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 223,77 ha, tăng 47,25 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích như sau: Thị trấn La Hà 158,26 ha, và Thị trấn Sông Vệ 65,51 ha.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 12,76 ha, tăng 1,05 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 6,01 ha; Thị trấn Sông Vệ 0,39 ha; Nghĩa Điền 0,25 ha; Nghĩa Hiệp 0,93 ha; Nghĩa Hoà 0,66 ha; Nghĩa Kỳ 0,18 ha; Nghĩa Lâm 0,15 ha; Nghĩa Phương 0,74 ha; Nghĩa Sơn 0,21 ha; Nghĩa Thắng 1,70 ha; Nghĩa Thuận 0,53 ha; Nghĩa Thương 0,44 ha; Nghĩa Trung 0,57 ha.

- **Đất quốc phòng:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 116,78 ha, tăng 10,18 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 2,78 ha; Nghĩa Kỳ 17,96 ha; Nghĩa Phương 4,05 ha; Nghĩa Sơn 67,45 ha; Nghĩa Thắng 11,59 ha; Nghĩa Thuận 12,95 ha.

- **Đất an ninh:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 63,04 ha, tăng 49,16 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 1,87 ha; Thị trấn Sông Vệ 0,06 ha; Nghĩa Điền 0,19 ha; Nghĩa Hiệp 0,25 ha; Nghĩa Hoà 0,14 ha; Nghĩa Kỳ 10,06 ha; Nghĩa Lâm 0,09 ha; Nghĩa Phương 0,15 ha; Nghĩa Sơn 0,11 ha; Nghĩa Thắng 46,92 ha; Nghĩa Thuận 0,22 ha; Nghĩa Thương 2,78 ha; Nghĩa Trung 0,20 ha.

- **Đất xây dựng công trình sự nghiệp:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 186,08 ha, tăng 30,41 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 34,77 ha; Thị trấn Sông Vệ 7,04 ha; Nghĩa Điền 6,18 ha; Nghĩa Hiệp 10,27 ha; Nghĩa Hoà 13,55 ha; Nghĩa Kỳ 24,56 ha; Nghĩa Lâm 5,74 ha; Nghĩa Mỹ 4,32 ha; Nghĩa Phương 8,70 ha; Nghĩa Sơn 3,06 ha; Nghĩa Thắng 14,21 ha; Nghĩa Thuận 11,06 ha; Nghĩa Thương 27,82 ha; Nghĩa Trung 14,80 ha.

- **Đất khu công nghiệp:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 276,00 ha, diện tích không thay đổi so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Nghĩa Kỳ 254,88 ha; Nghĩa Thuận 21,12 ha.

- **Đất cụm công nghiệp:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 26,75 ha, diện tích không thay đổi so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 11,59 ha; Nghĩa Hoà 1,20 ha; Nghĩa Thương 13,96 ha.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 467,25 ha, tăng 333,93 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 25,54 ha; Thị trấn Sông Vệ 8,09 ha; Nghĩa Điền 9,09 ha; Nghĩa Hiệp 40,31 ha; Nghĩa Hoà 59,26 ha; Nghĩa Kỳ 56,44 ha; Nghĩa Lâm 18,49 ha; Nghĩa Mỹ 14,44 ha; Nghĩa Phương 12,58 ha; Nghĩa Sơn 6,54 ha; Nghĩa Thắng 26,82 ha; Nghĩa Thuận 30,82 ha; Nghĩa Thương 98,13 ha; Nghĩa Trung 60,70 ha.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 25,88 ha, tăng 19,04 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 1,07 ha; Thị trấn Sông Vệ 0,05 ha; Nghĩa Hoà 0,08 ha; Nghĩa Lâm 8,40 ha; Nghĩa Mỹ 2,00 ha; Nghĩa Phương 5,54 ha; Nghĩa Thắng 2,50 ha; Nghĩa Thương 6,24 ha.

- **Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 146,88 ha, tăng 18,83 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Nghĩa Kỳ 38,35 ha; Nghĩa Lâm 5,03 ha; Nghĩa Phương 17,01 ha; Nghĩa Thắng 50,97 ha; Nghĩa Thuận 35,52 ha.

- **Đất sử dụng vào mục đích công cộng:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 2.436,71 ha, tăng 613,34 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 139,07 ha; Thị trấn Sông Vệ 57,19 ha; Nghĩa Điền 130,96 ha; Nghĩa Hiệp 167,15 ha; Nghĩa Hoà 150,64 ha; Nghĩa Kỳ 369,41 ha; Nghĩa Lâm 135,05 ha; Nghĩa Mỹ 30,16 ha; Nghĩa Phương 88,10 ha; Nghĩa Sơn 42,77 ha; Nghĩa Thắng 228,88 ha; Nghĩa Thuận 180,84 ha; Nghĩa Thương 371,44 ha; Nghĩa Trung 345,05 ha.

- **Đất tôn giáo:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 15,44 ha, tăng 1,61 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 2,66 ha; Thị trấn Sông Vệ 0,69 ha; Nghĩa Điền 0,38 ha; Nghĩa Hiệp 1,56 ha; Nghĩa Hoà 2,66 ha; Nghĩa Kỳ 1,22 ha; Nghĩa Mỹ 1,55 ha; Nghĩa Phương 0,45 ha; Nghĩa Thắng 0,11 ha; Nghĩa Thuận 0,17 ha; Nghĩa Thương 1,82 ha; Nghĩa Trung 2,17 ha.

- **Đất tín ngưỡng:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 9,26 ha, tăng 0,39 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 0,38 ha; Thị trấn Sông Vệ 0,19 ha; Nghĩa Điền 1,54 ha; Nghĩa Hiệp 1,32 ha; Nghĩa Hoà 1,24 ha; Nghĩa Kỳ 1,18 ha; Nghĩa Lâm 0,03 ha; Nghĩa Mỹ 0,10 ha; Nghĩa Phương 0,57 ha; Nghĩa Thắng 0,14 ha; Nghĩa Thuận 0,10 ha; Nghĩa Thương 1,09 ha; Nghĩa Trung 1,38 ha.

- **Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hóa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 632,55 ha, tăng 0,94 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 21,72 ha; Thị trấn Sông Vệ 13,33 ha; Nghĩa Điền 14,94 ha; Nghĩa Hiệp 55,13 ha; Nghĩa Hoà 80,40 ha; Nghĩa Kỳ 164,02 ha; Nghĩa Lâm 26,85 ha; Nghĩa Mỹ 24,07 ha; Nghĩa Phương 59,56 ha; Nghĩa Sơn 1,36 ha; Nghĩa Thắng 29,35 ha; Nghĩa Thuận 54,16 ha; Nghĩa Thương 51,75 ha; Nghĩa Trung 35,91 ha.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá:** Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 12,80 ha, giảm 1,09 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 1,66 ha; Thị trấn Sông Vệ 0,22 ha; Nghĩa Điền 1,01 ha; Nghĩa Hiệp 0,68 ha; Nghĩa Hoà 0,07 ha; Nghĩa Kỳ 1,35 ha; Nghĩa Lâm 1,56 ha; Nghĩa Phương 0,22 ha; Nghĩa Thắng 1,58 ha; Nghĩa Thuận 1,68 ha; Nghĩa Thương 0,14 ha; Nghĩa Trung 2,63 ha.

- Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích kỳ cuối đến năm 2030 là 832,79 ha, giảm 62,56 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 7,69 ha; Thị trấn Sông Vệ 32,66 ha; Nghĩa Điền 2,66 ha; Nghĩa Hiệp 108,70 ha; Nghĩa Hoà 126,39 ha; Nghĩa Kỳ 91,12 ha; Nghĩa Lâm 107,42 ha; Nghĩa Mỹ 41,16 ha; Nghĩa Phương 17,80 ha; Nghĩa Sơn 42,84 ha; Nghĩa Thắng 112,01 ha; Nghĩa Thuận 69,66 ha; Nghĩa Thương 59,77 ha; Nghĩa Trung 12,91 ha.

c) Nhóm đất chưa sử dụng:

Diện tích nhóm đất chưa sử dụng kỳ cuối đến năm 2030 là 280,91 ha, giảm 37,64 ha so với kỳ đầu đến năm 2025. Cụ thể diện tích theo từng đơn vị hành chính cấp xã như sau: Thị trấn La Hà 10,55 ha; Thị trấn Sông Vệ 1,16 ha; Nghĩa Điền 14,21 ha; Nghĩa Hiệp 6,83 ha; Nghĩa Hoà 4,29 ha; Nghĩa Kỳ 5,19 ha; Nghĩa Lâm 171,24 ha; Nghĩa Mỹ 2,86 ha; Nghĩa Phương 11,78 ha; Nghĩa Sơn 3,32 ha; Nghĩa Thắng 20,50 ha; Nghĩa Thuận 8,88 ha; Nghĩa Thương 5,77 ha; Nghĩa Trung 14,33 ha.

PHẦN IX:

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được cập nhật tại các Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023; bổ sung tại Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

9.1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, gồm:

❖ Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất:

Trong kế hoạch sử dụng đất năm trước có 60 công trình/672,48 ha chưa thực hiện hết nhưng vẫn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện được chuyển sang kế hoạch năm 2024 để tiếp tục thực hiện, cụ thể:

*** Đất an ninh:**

- Trụ sở làm việc Công an xã Nghĩa Sơn với diện tích 0,11 ha.

*** Đất quốc phòng:**

- Trường bắn, thao trường huấn luyện của Ban chỉ huy quân sự huyện Tư Nghĩa với diện tích 4,48 ha tại xã Nghĩa Kỳ;

- Căn cứ chiến đấu mô phỏng của Ban chỉ huy quân sự huyện Tư Nghĩa với diện tích 5,01 ha;

- Đường vào đường hầm Nghĩa Sơn (hạng mục hầm) với diện tích 2,12 ha.

*** Đất cụm công nghiệp:**

- Mở rộng cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa 8,73 ha tại thị trấn La Hà và xã Nghĩa Thương.

*** Đất thương mại dịch vụ:**

- Khu du lịch sinh thái Bàu Sen 7,92 ha tại xã Nghĩa Thắng;

- Cửa hàng xăng dầu xã Nghĩa Thương 0,30 ha tại xã Nghĩa Thương;

- Cửa hàng trưng bày và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp Thành Phát 0,54 ha tại xã Nghĩa Thương;

- Đất Thương mại dịch vụ (Cây xăng Tín Nghĩa) 0,12 ha tại xã Nghĩa Phương;

- Cửa hàng xăng dầu Vạn Thịnh 0,17 ha tại TT La Hà.

*** Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:**

- Mỏ đá Hòn Gai 9,99 ha xã Nghĩa Thuận.

*** Đất giao thông:**

- Thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 với 38,07 ha tại xã Nghĩa Điền, xã Nghĩa Kỳ (chuyển tiếp 11,50 ha);

- Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cầu Trà Khúc 3) với 5,60 ha tại xã Nghĩa Thuận;

- Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa với 8,05 ha tại xã Nghĩa Hoà, Nghĩa Thương, Nghĩa Hiệp huyện Tư Nghĩa. Dự án này đã giao đất 5,67 ha (Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 23/5/2023), xin tiếp tục thực hiện phần còn lại;

- Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc Quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ với 12,68 ha tại xã Nghĩa Kỳ;

- Đường Nghĩa Thuận - Nghĩa Thọ đi Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh 1,00 ha tại xã Nghĩa Thuận;

- Đường Phan Đình Phùng nối dài - Nghĩa Trung (Đoạn từ khu dân cư Phú Sơn đến đường dẫn cao tốc) 5,48 ha tại xã Nghĩa Trung;

- Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương (giai đoạn 2) với 1,88 ha tại xã Nghĩa Hòa.

- Đường từ cầu mương ngang đến Đập Quánh, xã Nghĩa Thương 2,10 ha;

- Mở rộng đường vào di tích Chùa Ông 2,00 ha tại xã Nghĩa Hòa;

- Đường đi vào Nghĩa trang nhân dân xã Nghĩa Mỹ 0,07 ha tại xã Nghĩa Mỹ;

- Đường vào đường hầm Nghĩa Sơn (hạng mục đường giao thông) 2,27 ha tại xã Nghĩa Sơn;

- Đường cụm công nghiệp La Hà - Đường huyện ĐH.28 1,98 ha tại xã TT La Hà và xã Nghĩa Thương.

*** Đất thủy lợi:**

- Kè chống sạt lở sông Bàu Ráng, đoạn qua thôn Điện An 4, xã Nghĩa Thương 0,80 ha;

- Kè chống sạt lở sông La Châu, xã Nghĩa Trung 0,20 ha;

- Khắc phục sạt lở bờ Bắc sông Cây Bứa ở thôn An Đại 3 và thôn Năng Tây 2 xã Nghĩa Phương 0,14 ha;

- Trạm bơm Điện An 4, xã Nghĩa Thương 0,45 ha;

- Kè chống sạt lở bờ Sông Cây Bứa xã Nghĩa Phương 2,70 ha.

*** Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:**

- Trường mầm non Mimosa 0,87 ha tại TT La Hà;

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và sát hạch lái xe Phương Đông 4,47 ha tại xã Nghĩa Trung;

- Trường THPT Chu Văn An - Xây dựng khu thể chất và các hạng mục phụ trợ với diện tích 0,16 ha tại thị trấn La Hà.

*** Đất công trình năng lượng:**

- Hoàn thiện lưới điện khu vực huyện Bình Sơn, Trà Bồng và Tư Nghĩa với diện tích 0,02 ha trên địa bàn huyện;

- Cải tạo đường dây 22 KV đầu nối nhà máy thủy điện Thạch Nham thuộc dự án thủy điện Thạch Nham 0,05 ha, nay đổi tên thành: Tuyến đường dây 22kV đầu nối (thuộc dự án Thủy điện Thạch Nham) 0,05 ha tại xã Nghĩa Lâm.

*** Đất ở nông thôn:**

- Dự án Di dân, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Tư Nghĩa với diện tích 35,00 ha tại Nghĩa Kỳ (21,0 ha) và Nghĩa Điền (14,0 ha);

- Khu dân cư kết hợp chỉnh trang Trung tâm xã Nghĩa Điền với diện tích 17,37 ha xã Nghĩa Điền;

- Khu đô thị Bàu Giang với diện tích 27,14 ha tại xã Nghĩa Trung;

- Khu đô thị Nam Khang với diện tích 72,00 ha tại xã Nghĩa Trung;

- Khu đô thị mới Nam Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi (đoạn qua địa phận xã Nghĩa Điền với diện tích 12,64 ha tại xã Nghĩa Điền.

- Khu đô thị Kết hợp bệnh viện Đa khoa 80,50 ha tại xã Xã Nghĩa Thương, Nghĩa Trung;

- Khu dân cư phía Đông Nam Cầu Đá 9,5 ha tại xã Nghĩa Hòa;

- Khu dân cư dọc đường Cụm Công nghiệp La Hà đi đường ĐH 28 (11,70 ha) tại xã Nghĩa Trung;

- Khu dân cư Trung tâm xã Nghĩa Trung 13,08 ha;

- Các Khu dân cư dọc đường dẫn Cầu Trà Khúc 3 với diện tích 30,00 ha tại xã Nghĩa Thuận;

- Khu dân cư phía Nam đường cụm CN La Hà-Nghĩa Thương (Khu dân cư Vạn Phúc và Khu dân cư Hưng Thịnh) 21,67 ha tại xã Nghĩa Thương;

- Khu đô thị sinh thái Coastal Quảng Ngãi 97,56 ha tại xã Nghĩa Hòa;

- Khu dân cư dọc đường Phan Đình Phùng nối dài (Tên dự án sẽ được chuẩn xác trong quá trình đề xuất chủ trương đầu tư) 14,38 ha tại xã Nghĩa Trung.

*** Đất ở đô thị:**

- Khu dân cư dọc bờ kè Bắc Sông Vệ với diện tích 2,70 ha tại TT.Sông Vệ;

- Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa với diện tích 1,73 ha (phần còn lại) tại thị trấn La Hà;

- Khu dân cư chỉnh trang đô thị tổ dân phố 2 với diện tích 12,71 ha tại Thị trấn La Hà và xã Nghĩa Trung;

- Chinh trang đô thị và kết hợp xây dựng khu dân cư mới, thị trấn La Hà với diện tích 5,50 ha tại Thị trấn La Hà.

- Khu dân cư phía Nam Sông Cây Bứa 5,00 ha tại TT Sông Vệ;

- Khu dịch vụ đô thị Thiên Phúc (trong đó 7,75 ha: thông qua hình đấu giá, 9,13 ha thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư) 16,88 ha tại TT La Hà.

*** Đất xây dựng cơ sở văn hoá:**

- Nhà văn hóa thôn Vạn An 3 với diện tích 0,05 ha tại xã Nghĩa Thương.

*** Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:**

- Khu thể thao thôn Năng Tây 1 với diện tích 0,46 ha tại xã Nghĩa Phương.

*** Đất bãi thải, xử lý chất thải:**

- Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Nghĩa Kỳ (mở rộng) qua địa bàn huyện Tư Nghĩa 46,98 ha tại xã Nghĩa Kỳ.

*** Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:**

- Hoa viên nghĩa trang, xã Nghĩa Kỳ với diện tích 35,00 ha tại xã Nghĩa Kỳ;

- Nghĩa trang nhân dân xã Nghĩa Mỹ với diện tích 0,94 ha (phần còn lại) tại xã Nghĩa Mỹ.

*** Đất cơ sở tôn giáo:**

- Chùa Cảnh Tiên 0,22 ha tại xã Nghĩa Thương.

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan:**

- Trụ sở làm việc Kho bạc Nhà nước Tư Nghĩa với diện tích 0,30 ha tại thị trấn La Hà;

- Mở rộng trụ sở Huyện ủy Tư Nghĩa với diện tích 0,05 ha tại TT La Hà.

❖ Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân:

Nhu cầu sử dụng đất đăng ký thực hiện trong năm 2024 như sau:

*** Đất an ninh:**

- Trụ sở làm việc Công an xã Nghĩa Kỳ 0,12 ha;

- Trụ sở làm việc Công an xã Nghĩa Trung 0,21 ha;

- Trụ sở làm việc Công an xã Nghĩa Thuận 0,22 ha;

- Trụ sở làm việc Công an xã Nghĩa Phương 0,16 ha.

*** Đất sinh hoạt cộng đồng:**

- Nhà sinh hoạt cộng đồng chống bão, lũ thôn Thế Bình 0,08 ha tại xã Nghĩa Hiệp.

*** Đường giao thông:**

- Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (cầu Trà Khúc 3) (bổ sung) 0,5 ha tại xã Nghĩa Thuận.

*** Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:**

- Mỏ cát thôn Nam Phước, xã Nghĩa Thuận với diện tích 7,92 ha;
- Mỏ cát thôn 1, xã Nghĩa Lâm với diện tích 9,60 ha;
- Mỏ cát thôn An Tráng, xã Nghĩa Thắng với diện tích 7,72 ha;
- Mỏ cát thôn khu vực Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận với diện tích 4,0 ha.

❖ Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất:

Nhu cầu sử dụng đất được phân tích dựa trên cơ sở số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2023, các công trình chuyển tiếp từ năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023 sang thực hiện trong năm 2024 và công trình đăng ký mới trong năm 2024 của huyện Tư Nghĩa.

■ Đất nông nghiệp:

Diện tích nhóm đất nông nghiệp là 15.221,35 ha. Trong đó:

- Diện tích đất trồng lúa: 3.796,23 ha;
- Diện tích đất trồng cây hằng năm khác: 4.412,63 ha;
- Diện tích đất trồng cây lâu năm: 1.001,34 ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ: 2.525,97 ha;
- Diện tích đất rừng sản xuất: 3.389,17 ha;
- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản: 74,00 ha;
- Diện tích đất chăn nuôi tập trung: 4,02 ha;
- Diện tích đất nông nghiệp khác: 17,99 ha.

■ Đất phi nông nghiệp:

Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp là 5.004,77 ha. Trong đó:

- Diện tích đất ở tại nông thôn: 1.227,20 ha;
- Diện tích đất ở tại đô thị: 162,35 ha;
- Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan: 12,26 ha;
- Diện tích đất quốc phòng: 94,09 ha;
- Diện tích đất an ninh: 12,93 ha;
- Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp: 148,75 ha, bao gồm:
 - + Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa: 15,50 ha;
 - + Diện tích đất xây dựng cơ sở xã hội: 3,19 ha;
 - + Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế: 10,01 ha;
 - + Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 88,26 ha;
 - + Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: 31,61 ha;

- + Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp khác 1,18 ha.
- Diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 165,62 ha, bao gồm:
 - + Diện tích đất cụm công nghiệp: 26,75 ha;
 - + Diện tích đất thương mại, dịch vụ: 73,85 ha;
 - + Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 4,05 ha;
 - + Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 60,97 ha.
- Diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng là 1.612,57 ha, bao gồm:
 - + Diện tích đất công trình giao thông: 968,72 ha;
 - + Diện tích đất công trình thủy lợi: 446,40 ha;
 - + Diện tích đất công trình cấp nước, thoát nước: 16,29 ha;
 - + Diện tích đất công trình phòng, chống thiên tai: 26,17 ha;
 - + Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên: 2,00 ha;
 - + Diện tích đất công trình xử lý chất thải: 67,11 ha;
 - + Diện tích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 1,45 ha;
 - + Diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin: 0,56 ha;
 - + Diện tích đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: 3,95 ha;
 - + Diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 79,93 ha;
 - + Diện tích đất tôn giáo: 12,78 ha;
 - + Diện tích đất tín ngưỡng: 9,23 ha;
 - + Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 612,48 ha;
 - + Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá: 20,81 ha;
 - + Diện tích đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 913,37 ha;
 - + Diện tích đất phi nông nghiệp khác: 0,34 ha.

■ Đất chưa sử dụng:

Diện tích nhóm đất chưa sử dụng là 334,68 ha, trong đó:

- Diện tích đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê: 41,93 ha;
- Diện tích đất bằng chưa sử dụng: 283,05 ha;
- Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng: 0,13 ha;
- Diện tích đất có mặt nước chưa sử dụng: 9,57 ha.

9.2. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã:

Trong năm kế hoạch diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích đất nông nghiệp là 0,43 ha (*đất rừng phòng hộ*), đất phi nông nghiệp là 67,79 ha (*trong đó: đất ở nông thôn 8,51 ha; đất ở đô thị 0,20 ha; đất quốc phòng 4,48 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,73 ha; sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 6,95 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 46,90 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,02 ha*).

(Chi tiết xem tại biểu số 18/CH)

9.3. Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch:

9.3.1. Đất nông nghiệp:

Tổng diện tích đất nông nghiệp phải thu hồi trong năm kế hoạch 2024 là 457,55 ha. Trong đó: đất trồng lúa 250,72 ha; đất trồng cây hằng năm khác 93,89 ha; đất trồng cây lâu năm 49,59 ha; đất rừng phòng hộ 2,12 ha; đất rừng sản xuất 33,47 ha; đất nuôi trồng thủy sản 23,50 ha; đất chăn nuôi tập trung 3,06 ha; đất nông nghiệp khác 1,20 ha.

9.3.2. Đất phi nông nghiệp:

Đến cuối năm 2024, diện tích đất phi nông nghiệp phải thu hồi để chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác trong nội bộ đất phi nông nghiệp là 58,89 ha. Trong đó: Đất ở tại nông thôn 6,59 ha; đất ở tại đô thị 0,16 ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,04 ha; đất sử dụng vào mục đích công cộng 30,78 ha; đất tín ngưỡng 0,11 ha; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt 6,41 ha; đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá 8,11 ha; đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối 6,69 ha.

(Chi tiết xem tại biểu số 19/CH)

9.4. Xác định diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 450,75 ha. Trong đó:
 - + Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 250,72 ha;
 - + Đất trồng cây hằng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 93,89 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 49,59 ha;
 - + Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp: 2,12 ha;
 - + Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 33,47 ha;
 - + Đất nuôi trồng thủy sản 16,70 ha;
 - + Đất chăn nuôi tập trung: 3,06 ha;
 - + Đất nông nghiệp khác: 1,20 ha.

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp

+ Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai: 11,47 ha. Trong đó:

+ Chuyển đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai sang các loại đất phi nông nghiệp quy định tại Điều 119 hoặc Điều 120 Luật Đất đai: 4,69 ha;

+ Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: 2,15 ha;

+ Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 4,63 ha.

(Chi tiết xem tại biểu số 20/CH)

9.5. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tư Nghĩa:

Danh mục công trình thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện là 76 công trình với tổng diện tích 703,66 ha (*Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 là 66 công trình; UBND tỉnh phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 20/3/2024 là 06 công trình và Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 02/7/2024 là 04 công trình*). Trong đó:

* Danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2024 (khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai) gồm có: 54 công trình; với tổng diện tích 605,63 ha. Trong đó:

- Công trình, dự án năm 2019, 2020, 2021 tiếp tục thực hiện thu hồi đất trong năm 2024: 04 công trình/ 65,75 ha. Cụ thể:

+ Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn IIa với diện tích 8,02 ha đi qua địa bàn của 3 xã Nghĩa Hoà, Nghĩa Thương, Nghĩa Hiệp. Dự án đã được thu hồi đất với diện tích 6,65 ha và có quyết định giao đất đợt 01 với diện tích 5,67 ha. Hiện đang xác nhận nguồn gốc đất để lập phương án bồi thường và tái định cư phần còn lại;

+ Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa với diện tích 14,0 ha tại thị trấn La Hà. Diện tích đăng ký 14,0 ha, diện tích thực hiện công trình 12,65 ha, đã có Quyết định giao đất (đợt 1) 752/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 với 12,27 ha. Hiện nay đang giải quyết vướng mắc, khiếu nại về công tác bồi thường 0,39 ha còn lại, xin tiếp tục để hoàn thành công tác giao đất cho công trình.

+ Mở rộng cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa với diện tích 8,73 ha tại xã Nghĩa Thương và thị trấn La Hà. Dự án này đã có quyết định thu hồi đất 1,42 ha, đang chờ xin giá đất cụ thể để phê duyệt phương án bồi thường nên xin tiếp tục thực hiện qua năm 2024 để hoàn thành dự án;

+ Dự án Di dân, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Tư Nghĩa với diện tích 35,0 ha. Diện tích đăng ký 35,0 ha, diện tích thực hiện công trình 26,76 ha (đã giao đất 17,06). Đang trình hồ sơ giao đất tiếp tục 8,6 ha. Còn lại 1,1 ha đất ở vướng công tác bồi thường nên xin tiếp tục để hoàn thành dự án.

- Công trình, dự án năm 2017, 2020, 2021, 2022 tiếp tục thực hiện giao đất trong năm 2024: 03 công trình/3,91 ha. Cụ thể:

+ Đường Nghĩa Hòa - Nghĩa Thương (giai đoạn 2) với diện tích 2,0 ha tại xã Nghĩa Hòa. Dự án có quyết định thu hồi đất 1,88 ha, đã giao đất 1,83 ha. Còn 64 m² đất ở đang vướng GPMB nên xin tiếp tục thực hiện để hoàn thành dự án;

+ Đường cụm công nghiệp La Hà - Đường huyện ĐH.28 với diện tích 1,98 ha. Công trình đã có quyết định thu hồi đất và được giao đất đợt 1 với diện tích 1,97 ha, còn lại 40m² đất ở vướng công tác bồi thường nên xin tiếp tục để hoàn thành công tác giao đất.

+ Nhà văn hóa thôn Vạn An 3 với diện tích 0,05 ha. Công trình đã có quyết định thu hồi đất. Tuy nhiên vướng mắc trong công tác xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt nên xin tiếp tục để hoàn thành thủ tục chuyển mục đích và giao đất.

- Công trình cập nhật năm 2022, 2023 chuyển sang 2024: 41 công trình, dự án/534,68 ha.

- Công trình đăng ký mới 2024: 06 công trình, dự án/1,29 ha.

* Danh mục công trình, dự án không thuộc quy định tại khoản 3 điều 62 gồm có: 22 công trình/98,03 ha. Trong đó:

- Công trình, dự án năm 2021 xin tiếp tục thực hiện trong năm 2024: 02 công trình/0,71 ha:

+ Cửa hàng trưng bày và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp Thành Phát với diện tích 0,54 ha. Công trình này gặp khó khăn trong việc thỏa thuận đền bù giải phóng mặt bằng với các hộ dân trong dự án, còn lại 10/13 hộ dân phải thực hiện đền bù GPMB nhưng chưa thỏa thuận được vì các hộ dân này yêu cầu giá bồi thường quá cao (500 triệu/ 500m² đất trồng lúa) và bên cạnh đó còn có sự không thống nhất của các thành viên trong gia đình;

+ Cửa hàng xăng dầu Vạn Thịnh với diện tích 0,17 ha. Công trình này Chủ đầu tư đã thỏa thuận xong đất của hộ dân: 818,8m² (Theo văn bản số 3740/UBND-NNTN ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi), còn lại 682,3 m² đất công ích do nhà nước quản lý chưa giải quyết được các thủ tục đất đai liên quan.

- Công trình cập nhật năm 2022, 2023 chuyển sang năm 2024: 10 công trình/65,54 ha.

- Công trình đăng ký mới 2024: 10 công trình, dự án/31,78 ha.

Danh mục công trình, dự án tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2024 huyện Tư Nghĩa: 09 công trình, dự án/15,12 ha.

9.6. Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch:

9.6.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai:

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Tư Nghĩa được dựa trên các căn cứ chính sau:

- Nghị định 44/2014/CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về quy định giá đất;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về việc thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết về thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Quyết định số 82/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định mức tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua hình thức đấu giá, mức đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2020-2024) và Quyết định số 64/2021/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 về việc Sửa đổi, bổ sung Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 – 2024).

- Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ sung Bảng giá đất ở kèm theo Quyết định số 17/2023/QĐ – UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá số 2, Bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020-2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2020-2024);

- Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi Điều 23 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh;

- Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

9.6.2. Dự tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Tổng nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất là 1.024.001.800.000 đồng (Một nghìn không trăm hai mươi bốn tỷ, một triệu tám trăm nghìn đồng). Nguồn thu này chưa tính các khoản hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh, doanh nghiệp và đóng góp của nhân dân.

- Tổng chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 648.080.760.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi tám tỷ, không trăm tám mươi triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Nguồn chi này chưa tính chi phí đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi như giao thông, nhà sinh hoạt cộng đồng, trường học,...

- Cân đối thu - chi: + 375.921.040.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm tỷ, chín trăm hai mươi một triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

STT	Loại đất	Diện tích	Đ.giá	Đ.giá	Thành tiền	Ghi chú
		(ha)	(1.000 đ/m²)	(1.000 đ/ha)	(1.000 đ/ha)	
Dự kiến các nguồn thu:					1.024.001.800	
1	Thu từ giao đất ở tại nông thôn	135,24	397	3.970.000	536.902.800	Đồng bằng
2	Thu từ giao đất ở tại đô thị	19,03	2473	24.730.000	470.611.900	
3	Thu từ thuê đất TMDV	40,68	32	320.000	13.017.600	Đồng bằng
4	Thu từ thuê đất SKC, SKN	8,73	24	240.000	2.095.200	Đồng bằng
5	Thu từ thuê đất sản xuất vật liệu xây dựng gồm sỏi	5.09	27	270.000	1.374.300	(Giá đất*50%*2%/năm)

STT	Loại đất	Diện tích	Đ.giá	Đ.giá	Thành tiền	Ghi chú
		(ha)	(1.000 đ/m²)	(1.000 đ/ha)	(1.000 đ/ha)	
Dự kiến các khoản chi:					715,099,420	
1	Chi cho thu hồi đất trồng lúa nước	249,20	42	420.000	104.664.000	Đồng bằng
		0,01	32	320.000	3.200	Miền núi
2	Chi cho thu hồi đất trồng cây hàng năm còn lại	93,77	42	420.000	39.383.400	Đồng bằng
		0,13	32	320.000	41.600	Miền núi

*Báo cáo thuyết minh Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch
sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa*

3	Chi cho thu hồi đất trồng cây lâu năm	49,48	42	420.000	20.781.600	Đồng bằng
		0,11	32	320.000	35.200	Miền núi
4	Chi cho thu hồi đất rừng sản xuất, phòng hộ	33,25	20	200.000	6.650.000	Đồng bằng
		2,34	18	180.000	421.200	Miền núi
5	Chi cho thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	23,49	35	350.000	8.221.500	Đồng bằng
6	Chi cho thu hồi đất ở tại nông thôn		28	280.000	0	Đồng bằng
		6,58	397	3.970.000	26.130.540	Miền núi
7	Chi cho thu hồi đất ở tại đô thị	0,01	169	1.690.000	16.900	
8	Chi hỗ trợ cho thu hồi đất nông nghiệp	0,16	2473	24.730.000	3.956.800	(gấp 3 lần giá đất thu hồi)

PHẦN X: GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

10.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu:

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp như sinh học, hóa học,... đầu tư thâm canh sử dụng đất theo chiều sâu những khu vực đất có khả năng thoái hóa đất do hạn hán thì trồng cây lâu năm có giá trị kinh tế, thương mại kết hợp với quy trình canh tác đúng kỹ thuật nhằm cải tạo, tăng độ màu mỡ của đất.

- Khuyến khích hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo nâng cao độ phì của đất, bảo vệ tầng đất canh tác, ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất.

- Tiến hành các giải pháp giảm thiểu sạt lở như điều tra xây dựng giải pháp kỹ thuật, phòng chống sạt lở và ngập lụt những vùng trũng yếu vào mùa mưa.

- Xây dựng và thực hiện đạt hiệu quả các chỉ tiêu về tăng trưởng xanh trong hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác quan trắc môi trường để cảnh báo ô nhiễm môi trường, kiên quyết không cho phép các nhà đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom và xử lý chất thải, hệ thống thoát nước tại các khu, cụm công nghiệp. Kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm nước, thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước theo qui định của pháp luật.

- Nghiên cứu các loại giống cây trồng có khả năng chống chịu hạn hán, ngập úng nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu trong tương lai.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, coi quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội.

- Xác định ranh giới và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; quản lý chặt chẽ diện tích đất trồng lúa được quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, bảo đảm khi cần thiết có thể quay lại trồng lúa được. Điều tiết phân bổ nguồn lực bảo đảm lợi ích giữa các địa phương có điều kiện phát triển công nghiệp với các địa phương phát triển nông nghiệp; tăng đầu tư hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các cơ sở bảo quản, chế biến, tiêu thụ hàng hóa tại địa phương có quỹ đất nông nghiệp lớn; cụ thể hóa chính sách và các biện pháp phù hợp để giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập, để người sản xuất nông nghiệp yên tâm sản xuất.

- Tăng cường công tác trồng rừng, giao đất giao rừng tới các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhằm bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn.

- Các dự án có thu hồi đất trồng lúa phải có phương án sử dụng lớp đất mặt thuộc tầng canh tác để cải tạo các vùng trồng lúa kém chất lượng. Bố trí quỹ đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế, an sinh xã hội phải ưu tiên quy hoạch tại những khu vực khả năng canh tác khó khăn, năng suất thấp.

- Có chính sách thỏa đáng tiếp tục khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất. Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai thực tế nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất. Nghiên cứu chuyển giao các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các loại thuốc trừ sâu, hóa chất bảo vệ thực vật.

- Giám sát kỹ phân đánh giá môi trường và giải pháp xử lý chất thải, nước thải trong các dự án đầu tư, loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường.

- Tập trung ưu tiên ứng dụng các thành tựu công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học, ứng dụng đưa vào sản xuất những giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao và có giá trị kinh tế phù hợp với điều kiện địa phương để khai thác tốt quỹ đất nông nghiệp. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng lựa chọn những giống có khả năng thích ứng cao với tác động bất lợi của biến đổi khí hậu.

- Đầu tư xây mới và nâng cấp các công trình thủy lợi; xây dựng, cải tạo hệ thống trạm bơm điện, cống đầu mối, kiên cố hoá kênh mương, củng cố đê điều tăng cường khả năng chống lũ, thoát nước, bảo vệ sản xuất.

- Thực hiện việc đổi mới và đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên; phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền cơ sở, các tổ chức chính trị, xã hội và mỗi người dân trong việc tham gia vào công tác bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên trên địa bàn huyện.

10.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

- Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực để đáp ứng nhiệm vụ theo sự phát triển của địa phương;

- Khuyến khích học nghề, truyền nghề cho lực lượng lao động bằng nhiều hình thức thích hợp. Đề nghị các doanh nghiệp trên địa bàn ưu tiên sử dụng lao động là người địa phương;

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách, vốn doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết; Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư tại các điểm, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện;

- Huy động tối đa các nguồn vốn hợp pháp từ Trung ương, ngân sách tỉnh cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đầu tư tập trung, có trọng điểm vào các dự án nông nghiệp, công nghiệp sản xuất sạch, thân thiện với môi trường.

- Thực hiện thu chi ngân sách hợp lý, tạo thêm nguồn vốn từ quỹ đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

- Mở rộng hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, phục vụ dân sinh, nhất là các hệ thống giao thông, thủy lợi,... Đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

10.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

Trên cơ sở Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm công bố công khai quy hoạch của huyện trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện và niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện;

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt; các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước xây dựng theo kế hoạch đầu tư trung hạn,... Xây dựng kế hoạch thu hút đầu tư, ưu tiên thực hiện các dự án lớn, sử dụng nhiều lao động;

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với phát triển kinh tế trang trại về vốn vay, miễn thuế thu nhập, ... khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật về đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về quyền và nghĩa vụ trong việc sử dụng đất, thông qua đó tạo ra sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của Nhân dân trong tham gia đóng góp và giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Nâng cao hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị xã hội trong công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc tiếp thu, giải quyết tốt những ý kiến, kiến nghị, phản ánh của cử tri về công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện.

- Thanh tra, kiểm tra về quản lý và sử dụng đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai nhất là vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết thu hồi các diện tích đất đã giao cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả theo quy định của pháp luật.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Tính khả thi của phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa đến năm 2030 được thể hiện những mặt cơ bản sau:

Phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được thực hiện theo đúng Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Phương án Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất của huyện được xây dựng dựa trên cơ sở đánh giá thực trạng sử dụng đất hiện nay. Kết quả phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2023. Tiềm năng đất đai, con người và định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, của huyện và các ngành đến năm 2030.

Phương án điều chỉnh tổng hợp đầy đủ các thông tin, nhu cầu sử dụng đất của các địa phương, ngành, lĩnh vực. Nhu cầu sử dụng đất được cân đối phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của từng xã, thị trấn cũng như trên địa bàn huyện đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả trong sử dụng đất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Kết quả của phương án điều chỉnh thể hiện được chiến lược sử dụng đất của huyện trong giai đoạn 2021-2030, có ý nghĩa quan trọng trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái của huyện trước mắt cũng như lâu dài; đồng thời là cơ sở quản lý Nhà nước về đất đai theo quy hoạch và pháp luật.

Phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện là đã được xử lý, tổng hợp định hướng phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương, quy hoạch đến năm 2030 của huyện trên cơ sở cân đối hài hòa cả mặt định tính và định lượng giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng đất đai, điều hòa các mối quan hệ sử dụng đất trong phát triển kinh tế xã hội giữa các ngành và địa phương, cơ bản đáp ứng chỉ tiêu của cấp tỉnh phân bổ. Nhu cầu đầu tư và nguồn vốn để thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất theo phương án quy hoạch phù hợp với khả năng tài chính và sức hút đầu tư của huyện, đảm bảo tính thực tiễn và mang tính khả thi cao.

2. Kiến nghị:

Để có cơ sở pháp lý thực hiện phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, UBND huyện Tư Nghĩa kính đề nghị, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét thông qua, và trình UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Tư Nghĩa làm cơ sở triển khai thực hiện đúng quy định.